

PTS. TRẦN MINH CHÂU

100

**câu hỏi
về bệnh**

**TRONG CHĂN NUÔI
GIA SÚC - GIA CẦM**



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

PTS. TRẦN MINH CHÂU

**100 câu hỏi về bệnh
trong chăn nuôi
GIA SÚC, GIA CẦM**
(Tái bản)

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI - 2005

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Phòng và chống dịch bệnh trong chăn nuôi gia súc, gia cầm bao giờ cũng có tầm quan trọng thiết yếu. Thực tế đã chứng minh, ngoài hai yếu tố thức ăn đủ và giống tốt, nơi nào hạn chế được bệnh của gia súc thì nơi đó chăn nuôi đạt hiệu quả kinh tế cao, có lãi nhiều.

Cuốn 100 câu hỏi về bệnh trong chăn nuôi gia súc, gia cầm của P.T.S thú y Trần Minh Châu phục vụ bạn đọc những hiểu biết cơ bản nhất các bệnh thường gặp trong chăn nuôi trâu bò, lợn, thỏ, cừu, dê, ngựa, gia cầm và một số bệnh của ong. Các bệnh được trình bày ngắn gọn gồm các triệu chứng điển hình, cách phòng chữa thiết thực. Qua các trang sách bạn đọc có thể hình dung được bệnh gì có thể xảy ra trong đàn gia súc của mình để có biện pháp ngăn ngừa thích hợp, hạn chế được thiệt hại, đưa chăn nuôi ngày một phát triển bền vững.

Cuốn sách có tính tổng hợp, đề cập đến nhiều bệnh ở nhiều loài gia súc, gia cầm, vì vậy khó tránh khỏi thiếu sót. Nhà xuất bản mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của bạn đọc để bổ sung hoàn thiện cho các lần xuất bản sau.

Xin chân thành cảm ơn và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản	3
Phần tổng quát	5
Những bệnh gây chết cho nhiều loài gia súc	10
Các bệnh chủ yếu của trâu bò	24
Các bệnh chủ yếu của ngựa	47
Bệnh của dê, cừu	56
Các bệnh thường gặp của lợn	62
Một số bệnh của chó	76
Bệnh của thỏ	83
Các bệnh của gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, gà tây)	90
Vài bệnh của ong	107
Phụ lục	114
• Một số chỉ tiêu sinh lý của gia súc khỏe mạnh	114
• Các thuốc kháng sinh, kháng khuẩn	116
• Các thuốc sunfamit kháng khuẩn	121
• Các thuốc chữa bệnh nấm	123
• Các thuốc chữa bệnh đơn bào	124
• Thuốc chữa các bệnh ký sinh trùng máu	124
• Thuốc trị ve, bét	126
• Thuốc trị giun sán	126
Tài liệu tham khảo	130

PHẦN TỔNG QUÁT

Câu 1. Tại sao gia súc, gia cầm mắc bệnh?

Trả lời: Trong quá trình sống, gia súc, gia cầm phải chống đỡ với những tác động bất lợi của môi trường để duy trì sự hoạt động bình thường của cơ thể. Những tác động đó có thể do thiên nhiên gây ra như nóng, lạnh, ẩm độ cao, mưa dầm, lũ lụt, khô hạn, hoặc do cách quản lý chăm sóc và nuôi dưỡng kém như chuồng trại thiếu thông thoáng, có nhiều khí độc, thức ăn lẫn chất độc, thiếu vitamin và nguyên tố vi lượng v.v...

Những nhân tố đó là những điều kiện thuận lợi làm cho cơ thể bị suy yếu, làm tiền đề cho sự xâm nhập của các mầm bệnh (vi khuẩn, vi rút).

Khả năng xâm nhập của mầm bệnh tùy thuộc vào từng loại vi sinh vật. Có loại rất dễ xâm nhập như vi khuẩn nhiệt thân, vi rút dịch tả lợn... Có loại lại thường cư trú trong niêm mạc đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu chỉ xâm nhập vào cơ thể khi niêm mạc bị tổn thương hoặc do cơ thể bị suy yếu.

Khi bị mầm bệnh xâm nhập, cơ thể tự chống đỡ lại bằng tăng cường thực bào và sản sinh kháng thể để tiêu diệt mầm bệnh. Nếu cơ thể khỏe mạnh thì hoạt động của hệ thống miễn dịch có thể tiêu diệt được mầm bệnh. Vì vậy

cần phải nâng cao sức đề kháng cho gia súc, gia cầm bằng cách nuôi dưỡng và chăm sóc tốt để mọi hoạt động sinh lý của con vật được bình thường. Ngoài ra phải giữ vệ sinh triệt để tránh cho con vật tiếp xúc với mầm bệnh và khi đã có bệnh thì phải tiêu độc sát trùng mầm bệnh.

Câu 2. Tại sao các bệnh truyền nhiễm lại lây lan từ con này sang con khác?

Trả lời: Khi con vật mắc bệnh truyền nhiễm thì bản thân nó và những chất bài xuất của nó đều có mầm bệnh. Có nhiều trường hợp như phân, nước tiểu, nước mắt, nước mũi trong cơ thể con vật đã khỏi bệnh nhưng vẫn còn mang mầm bệnh trong cơ thể và reo rắc mầm bệnh ra môi trường xung quanh. Về phương diện này, chúng rất nguy hiểm vì chúng reo rắc mầm bệnh mà không được chú ý đến.

Sự lây lan các bệnh truyền nhiễm được thực hiện theo hai cách:

1- Trực tiếp do con vật khỏe tiếp xúc với con vật ốm.

2- Gián tiếp qua những chất bài xuất của cơ thể ốm, qua môi giới như côn trùng, chim, chó mèo và cả người, qua không khí, qua nước, qua thức ăn, nước uống, qua nơi mua bán gia súc, gia cầm ở chợ, v.v...

Khi một bệnh truyền nhiễm xảy ra ở một nơi nào mà lâu nay chưa có bệnh, thì bệnh xảy ra rất dữ dội, lây lan nhanh và gây chết nhiều. Trái lại ở nơi nào bệnh thường xảy ra luôn thì bệnh không nặng, ít lây lan và ít chết. Đó là hiện tượng miễn dịch của vật nuôi đối với bệnh trong những vùng bệnh thường có.

Câu 3. Tại sao phải tiêm phòng hoặc nhỏ vắc xin cho gia súc, gia cầm?

Trả lời: Vắc xin là vi khuẩn hay vi rút đã được làm giảm độc, hoặc được giết chết bằng hóa chất hay nhiệt độ. Khi tiêm vào cơ thể thì vi khuẩn hoặc vi rút có trong vắc xin không có khả năng gây ra bệnh mà còn kích thích cơ thể sản sinh ra kháng thể chống lại bệnh và như vậy con vật đã được miễn dịch.

Thời gian hình thành miễn dịch thường là 21 ngày sau khi tiêm phòng vắc xin chết và có thể sớm hơn nếu vắc xin sống đã làm giảm độc, thường được gọi là vắc xin nhược độc.

Các nguyên tắc chung khi dùng vắc xin.

- Chỉ tiêm vắc xin cho súc vật khỏe mạnh.

- Không tiêm vắc xin cho súc vật có bệnh mãn tính, gây yếu, những con cái đang chữa những tháng cuối:

- Sau khi tiêm phòng phải cho con vật nghỉ việc 3 - 4 ngày.

- Dụng cụ tiêm phòng phải đun sôi 15 phút và để thật nguội. Đối với vắc xin nhược độc nếu dùng cần để sát trùng nơi tiêm thì phải để cho khô rồi mới tiêm.

Sau khi tiêm vắc xin, tại chỗ tiêm có thể hơi sưng hoặc sốt nhẹ nhưng đó là phản ứng tốt.

Câu 4. Huyết thanh là gì? Thế nào là huyết thanh chữa bệnh?

Trả lời: Huyết thanh là phần chất lỏng trong máu. Khi người ta tiêm cho con vật một loại vi khuẩn hoặc vi rút nào

đó, ví dụ vi khuẩn gây bệnh đóng dấu lợn, từ liều thấp nhất không thể gây ra bệnh cho con vật rồi tiêm dần dần đến liều cao nhất thì trong huyết thanh con vật đó có kháng thể chống lại vi khuẩn đã tiêm. Người ta rút máu con vật, chất lấy huyết thanh dùng để chữa bệnh. Đó là huyết thanh chữa bệnh. Trong ví dụ trên (tiêm vi khuẩn đóng dấu) thì đó là huyết thanh chữa bệnh đóng dấu lợn. Tuy vậy, giá thành huyết thanh chữa bệnh quá cao nên hiện nay ít được sử dụng phổ cập.

Câu 5. *Làm thế nào để phát hiện ra bệnh và điều trị có kết quả?*

Trả lời: Khi thấy trong đàn gia súc, gia cầm có con bỏ ăn hay kém hoạt động thì người chủ phải chú ý theo dõi tìm ra nguyên nhân. Trước hết phải xem con vật có bị sốt không, (con vật sốt nhiệt độ cơ thể thường tăng 1 – 2°C, mũi khô, da nóng), xem con vật có bị rối loạn tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu và tính chất lây lan của bệnh, sau đó tổng hợp lại, đem so sánh với tài liệu để đặt giả thuyết về bệnh xảy ra cho con vật. Giả thuyết chỉ gần đúng đối với những bệnh mà người chăn nuôi thường hay gặp. Ngay cả thầy thuốc thú y trong nhiều trường hợp cũng không thể khẳng định ngay được bệnh mà phải vừa điều trị vừa tìm nguyên nhân dựa vào các xét nghiệm tại phòng thí nghiệm và mổ khám.

Cần chú ý rằng, con vật mắc bệnh nhiễm trùng thường có sốt, nhưng khi bị cảm nóng con vật cũng sốt.

Hiện nay người ta thường dùng kháng sinh để điều trị bệnh nhiễm trùng. Nhưng khi dùng phải hết sức thận

trọng. Có những loại kháng sinh chỉ dùng điều trị cho loài súc vật này nhưng không dùng cho loài khác. Ví dụ, tetraxiclin, teramixin dùng cho loài ngựa rất dễ gây tai biến như choáng, hạ huyết áp.

Đối với các bệnh do virus gây ra như bệnh dịch tả lợn, Niucatson, kháng sinh và sunfamit không có tác dụng điều trị mà chỉ có tác dụng chữa các bệnh do nhiễm thêm vi khuẩn mà thôi.

Trong khi điều trị, ngoài các thuốc đặc hiệu còn phải dùng các loại thuốc khác để làm giảm bớt các triệu chứng và trợ lực cơ thể gia súc tùy theo diễn biến của bệnh.

NHỮNG BỆNH GÂY CHẾT CHO NHIỀU LOÀI GIA SÚC

Câu 6. *Những bệnh nào mà nhiều loài gia súc đều có thể mắc ?*

Trả lời: Trong tự nhiên có những bệnh chủ yếu chỉ xảy ra ở một loài gia súc. Ví dụ bệnh ty thu chỉ có ở ngựa, lừa, la, bệnh Niu cát sơn chủ yếu ở gà, bệnh loét da quần tai ở bò bê miền Trung. Lại có những bệnh mà nhiều loài gia súc đều mắc như bệnh dại, bệnh uốn ván, bệnh lep tô, bệnh lao, bệnh nhiễm độc tố aflatoxin, bệnh xảy thai truyền nhiễm v.v.... Trong tài liệu này chúng tôi giới thiệu một số bệnh mà nhiều loài gia súc có thể mắc phải.

Câu 7. *Con vật bị bệnh dại có triệu chứng gì?*

Trả lời: Bệnh dại là bệnh viêm não tủy do virus gây ra ở các động vật máu nóng như chó, mèo, trâu bò, lợn, khỉ, người. Virus này có tính hướng thần kinh và lây lan qua vết thương. Khi bị nhiễm virus, con vật ủ bệnh lâu hay chóng tùy theo vị trí vết thương. Vết thương ở xa não thì lâu, gần não thì chóng (từ 10 ngày đến 9 tháng). Virus có nhiều trong nước dãi con vật trước khi có triệu chứng vài ngày và suốt thời kỳ có triệu chứng.

Triệu chứng thường có ở các loài động vật là viêm não tủy với các dấu hiệu: kích thích, mất tri giác và liệt.

Triệu chứng đại diện hình ở chó: Lúc đầu chó thay đổi tính nết, hay cáu, có khi cắn cả chủ, rồi chuyển sang điên cuồng hay bại liệt.

Đại diện cuồng: Chó chạy lung tung không có phương hướng, mắt nhìn trùng trùng, gặp cái gì cũng cắn: người, súc vật, đá, que v.v... chảy rãi, co giật, sợ nước, sợ ánh sáng. Sau đó chuyển sang liệt, hàm dưới trễ xuống, lưỡi thè, không nuốt được, sủa không thành tiếng, rú lên, đi lảo đảo, bại liệt chân rồi chết.

Đại liệt: Con vật tìm chỗ khuất để nằm, cơ rung, co giật, có triệu chứng như hóc, mê man liên tục rồi liệt toàn thân và chết.

Bệnh diễn biến từ 3 - 7 ngày.

Ở các động vật khác cũng có những triệu chứng tương tự, khi bị kích thích thì cắn, đá, đi vòng tròn, co giật, dương vật cương lên, chảy dãi. Khi bị liệt thì liệt dần từ cổ xuống các cơ vận động, khó nuốt, kêu không thành tiếng rồi liệt toàn thân và chết.

Muốn xác định bệnh chính xác con vật chết với các triệu chứng trên, phải gửi mẫu vật (óc) cho phòng chẩn đoán. Nếu súc vật nhỏ thì gửi cả con. Chú ý khi mổ đừng để xây xát chân tay, và đừng để nước dãi, óc, tủy bắn vào người nhất là mắt. Phải sát trùng chân tay cẩn thận.

Khi bị chó dại cắn, hoặc chó chưa có triệu chứng, hoặc bất kỳ con vật nào cắn thì phải đi tiêm phòng đại ngay, càng sớm càng tốt; nếu để muộn tiêm phòng không có tác dụng. Những chó, mèo nghi ngờ bị bệnh, nên nhốt lại để theo dõi. Nếu chúng bị dại thì bệnh sẽ tiến triển và chết

trong vòng 10 ngày.

Để đề phòng bệnh dại, phải thực hiện:

- Tiêm phòng dại cho chó hàng năm.
- Không thả rông chó.
- Diệt chó hoang.
- Diệt những con vật nào bị chó hay vật dại cắn.

Câu 8. *Người ta nói, súc vật là ổ mang virus viêm não Nhật Bản B có thể truyền cho trẻ em. Vậy triệu chứng bệnh ở gia súc như thế nào?*

Trả lời: *Bệnh viêm não Nhật Bản B là bệnh do virus gây ra. Trong tự nhiên, diệc, cò trắng và một số loài chim là ổ chứa virus chính; rắn, ếch và dơi cũng có thể là vật chủ duy trì mầm bệnh. Muỗi Culex (loại muỗi to) là ký chủ trung gian, chúng đốt chim rồi đốt lợn, ngựa làm cho những con vật đó mắc bệnh. Muỗi đốt lợn bệnh rồi lại đốt người thì truyền virus cho người. Ở nước ta năm nào bệnh này cũng có tuy lẻ tẻ. Trẻ em hay mắc nhất và dễ bị chết. Dưới đây là một số triệu chứng chính ở gia súc đã thu thập được.*

Lợn trưởng thành bị nhiễm thường không phát ra triệu chứng, lợn có chửa bị sảy thai hay đẻ con yếu ớt. Đôi khi lợn con có triệu chứng viêm não.

Ngựa khi bị nhiễm, có thể sốt 2 - 3 ngày rồi khỏi hoặc sốt cao, kém ăn, khó nuốt, xuất huyết lấm chấm ở niêm mạc, vàng da, ngủ lim dim. Có có lúc cứng, di loạn choạng dễ ngã rồi khỏi hoặc sốt cao, đổ mồ hôi, hung dữ rung cơ, rồi chết.

Bệnh không có bệnh tích rõ ở phủ tạng.

Chỉ có phòng thí nghiệm mới chẩn đoán bệnh chính xác. Ở nước ta, hiện đã chế tạo thành công loại vacxin dùng cho người để phòng bệnh này.

Vì bệnh lây truyền qua muối, nên việc tránh muối dốt và diệt muối là một biện pháp phòng bệnh.

Câu 9. *Súc vật bị lao có triệu chứng gì?*

Trả lời: *Bệnh lao* là bệnh truyền nhiễm chung cho cả người và gia súc do trực khuẩn lao gây ra. Bệnh thường gặp ở bò, chó, mèo. Ở các loài khác hiếm hơn. Bệnh này rất quan trọng đối với chăn nuôi bò sữa, bò đã nhiễm bệnh thì không được phép sản xuất sữa bán trên thị trường vì sữa đó có thể gây bệnh lao cho người. Còn đối với chó mèo thì phần lớn bị lây do chủ nhà bị lao truyền sang.

Bò bị lao thì gầy yếu, thiếu máu, ho, kém ăn Bệnh tiến triển chậm và thể bệnh hay gặp nhất là lao phổi: *Con vật sốt, ho khan sau ho từng cơn có đờm có thể bị biến chứng viêm màng phổi có dịch, gầy nhanh và chết.*

Ngoài ra còn có các thể như *lao hạch*: hạch ở hầu, sườn, vai hay đùi bị sưng to bằng quả trứng, hơi di động.

Lao ruột: Bò đi tháo có máu đen.

Lao vú: Thường bắt đầu từ một vú, vú sưng đau rồi bị cứng. Hạch ở vú cũng bị sưng cứng thành cục. Sữa cạn dần, có màu vàng nhạt, lổn nhổn.

Lao ở toàn bộ phủ tạng (lao kê). Con vật ủ rũ, không ăn, thở khó, ho luôn, nước dãi đục, chết do ngạt thở.

Nói chung, bệnh lao thường tiến triển chậm. Bệnh chỉ

phát rõ rệt khi con vật bị giảm sức đề kháng như làm việc quá sức, thiếu ăn v.v...

Bệnh tích điển hình là các nốt lao. Các nốt này nằm trên mặt phủ tạng hay ăn sâu vào trong tổ chức, to, nhỏ không đều. Bên ngoài là mô liên kết, bên trong có chất dẻo màu đỏ hay vàng như bã đậu. Các nốt lao thường thấy ở phổi, màng phổi, ở vú và các hạch. Nếu lao kê thì khắp phủ tạng như gan, lách, ruột, thận v.v... đều có những nốt lao nhỏ như hạt kê.

Chẩn đoán sơ bộ dựa vào các triệu chứng: con vật gầy, ho; sưng hạch và kiểm tra tìm vi khuẩn trong đờm và các nốt lao. Các trại chăn nuôi bò sữa thì phải nhờ bác sĩ thú y phát hiện những con mắc bệnh ẩn tính bằng *tét tuberculin*. Khi bò bị bệnh phải cách ly ngay ra khỏi đàn, tích cực chạy chữa.

Đã có những qui định cụ thể về việc sử dụng sữa, thịt của những con vật bị lao.

Câu 10. *Trâu bò bị bệnh, sung ở ngực, dùi, ỉa dài ra máu đen, chết rất nhanh là bệnh gì?*

Trả lời: Đó là *bệnh nhiệt than*, một bệnh gây sốt cao, máu có màu đen như than, do một loại trực khuẩn gây ra. Trực khuẩn này có nha bào (một vỏ bọc bên ngoài để bảo vệ vi khuẩn) cho nên tồn tại rất lâu ở môi trường. Dun sôi không làm chết nha bào. Vì vậy ở những cánh đồng mà trước đó hàng vài chục năm đã chôn trâu bò bị bệnh này, các nha bào ở trong má trâu được giun đất đùn lên mặt đất làm lây nhiễm cho trâu bò khỏe. Người ta thường gọi đó là cánh đồng ma. Vi khuẩn này có thể gây bệnh cho cả người

và các động vật khác.

Bệnh thường xảy ra đột ngột, nhất là ở trâu bò.

Ở trâu bò bệnh diễn biến rất nhanh: con vật đột nhiên thở khó, run, toát mồ hôi, niêm mạc đỏ ửng, nhiệt độ cơ thể tới $40,5^{\circ}\text{C}$ - 42°C . Sau vài giờ gục xuống chết. Trong thể cấp tính, con vật bị sốt, niêm mạc mắt đỏ, đi ỉa ra máu, ủ rũ, ở dưới cổ, bụng có vùng bị sưng nóng và đau. Sau vài ngày con vật chết.

Ở ngựa. Con vật ủ rũ, đau bụng dữ dội, sốt cao, run rẩy, toát mồ hôi, niêm mạc nhợt và có chấm máu. Phân và nước đại có máu, mũi cũng có khi chảy máu. Con vật chết sau một thời kỳ bị kích thích. Bệnh tiến triển từ 12 - 24 giờ có khi tới 3 - 5 ngày.

Ở lợn bệnh tiến triển trong 12 - 36 giờ thường biểu hiện sưng hầu, da có vết đỏ bầm.

Chó bị bệnh chạy lung tung, mắt đỏ, sưng hầu khó thở và ho, lưỡi thè ra và ngạt thở. Khi chết cũng lòi dom.

Khi mổ xác chết, thấy máu đen khó đông, nhớt, hạch lâm ba sưng to và xuất huyết. Trên niêm mạc có vết bầm máu. Lách sưng to gấp 2 - 3 lần, màu đen, nhũn như bùn.

Ở người. Khi vi khuẩn nhiễm vào vết thương thì nơi đó thành mụn nước có thủy thũng xung quanh. Khi mụn vỡ thấy giữa mụn thối nát và đen.

Nếu bị thể đường phổi thì người bệnh chóng mặt, đau ngực, khó thở, ho khan. Nếu bệnh ở thể đường ruột, người bệnh nôn mửa, bụng chướng, khó thở, người lạnh rồi chết.

Khi thấy trâu bò chết rất nhanh, đi ỉa ra máu đen, thì phải nghi là nhiệt thán. Cấm mổ xác con vật; cấm ăn thịt

con vật chết và phải báo ngay cho cán bộ thú y biết để xử lý.

Chữa bệnh. Dùng kháng sinh penixilin liều cao tiêm cho con vật: 10.000 đ.v – 20.000 đ.v cho 1kg thể trọng 1 ngày. Tiêm trong 5 ngày. Ngày đầu tiêm 20.000 đ.v/kg chia làm 2-3 lần, những ngày sau giảm dần xuống 10.000 đ.v/kg chia làm 2 – 3 lần trong một ngày.

Phòng bệnh: Không mổ súc vật chết. Nếu nhờ mổ thì tốt nhất là đốt xác. Nếu không thực hiện được, phải đem chôn. Phải đào sâu ít nhất 2m trở lên. Phía dưới phủ vôi sống. Sau khi chôn lại phủ lớp vôi sống lên. Mả phải rào kỹ. Không chăn thả trâu bò ở bãi chôn súc vật bị bệnh. Tẩy uế nền chuồng bằng nước vôi 20% hoặc xút 3%.

Ở vùng có bệnh nhiệt thán phải tiêm phòng vacxin hàng năm cho trâu bò.

Câu 11. *Bệnh sẩy thai truyền nhiễm thể hiện như thế nào?*

Trả lời: Trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn đều mắc bệnh sẩy thai truyền nhiễm. Đó là bệnh mãn tính gây ra sẩy thai do vi khuẩn bruxela. Vi khuẩn này có rất nhiều chủng. *Người cũng mắc bệnh này do sờ phải nhau thai khi con vật bị sẩy hoặc uống sữa của vật mắc bệnh.* Bệnh ở người gọi là bệnh "sốt lán sống" sau chuyển thành viêm khớp và ốm yếu.

Triệu chứng điển hình là bò sẩy thai vào tháng thứ 5 và thứ 8. Màng thai thường sót lại gây viêm tử cung, dẫn đến làm bò bị sỏi.

Ở ngựa ngoài sẩy thai còn có triệu chứng viêm tinh hoàn

và viêm khớp.

Vì tính chất lây lan của bệnh, nhất là lây cho người khi uống sữa của bò, dê bị bệnh sẩy thai nên các trại chăn nuôi lấy sữa phải chú ý phát hiện bệnh bằng cách kiểm tra sữa và huyết thanh. Những con đã sẩy thì lấy máu 2 lần cách nhau 30 ngày, những con đang lấy sữa thì lấy sữa của nhiều con gửi đến phòng thí nghiệm để chẩn đoán.

Ở những trại đã có bệnh, phải tiêm phòng vaccin cho bê cái từ 3 - 9 tháng tuổi (tùy theo loại vaccin). Vaccin tạo được miễn dịch lâu dài.

Ở những trại chưa có bệnh, những bò, bê nhập về phải được nuôi cách ly cho đến khi dê và kiểm tra huyết thanh phát hiện bệnh. Nếu con vật không có phản ứng dương tính mới nhập vào đàn.

Câu 12. Bệnh dịch gây sốt, da vàng là bệnh gì?

Trả lời: Đó là *bệnh lepto*, một bệnh truyền nhiễm chung của súc vật và người, do một loại vi khuẩn hình xoắn ốc gây ra. Có rất nhiều loài vi khuẩn lepto, trong đó một số gây bệnh cho người, bò, lợn, dê cừu và nhiều súc vật khác. Bệnh ở thể tiềm tàng có lúc phát ra triệu chứng. Bệnh lây lan do tiếp xúc trực tiếp với nước tiểu hoặc thức ăn, nước uống nhiễm nước tiểu vật ốm. *Chuột là vật mang trùng đặc biệt quan trọng.*

Triệu chứng chung của bệnh là *sốt cao, nước tiểu vàng có máu, ăn uống kém*. Ở bò sữa thì lượng sữa bị giảm, sữa có máu vón cục. Những con bị bệnh kéo dài thì *da vàng, có thể bị nứt và bong ra*. Những con có chửa bị sẩy thai, dê

non, thai chết hoặc đẻ ra quái thai, v.v... Ở ngựa có triệu chứng viêm não tủy.

Mổ khám những con chết thấy gan sưng, vàng, túi mật teo, nước mật đặc, thận bị sưng và xuất huyết, bóng đáì lấm tấm xuất huyết, mỡ vàng, thịt có mùi khét.

Chỉ có thể chẩn đoán bệnh chính xác tại phòng thí nghiệm. Gửi mẫu máu, nước tiểu mới lấy gửi cho phòng chẩn đoán để xét nghiệm huyết thanh và phát hiện vi khuẩn.

– Để chữa bệnh, người ta dùng penixilin liều cao. Dùng thêm thuốc chữa triệu chứng về thận, gan và thuốc trợ lực.

– Khi có bệnh phải vệ sinh chuồng trại, khơi thông cống rãnh, và tiêu độc, diệt hết chuột.

– Tiêm vacxin phòng bệnh mỗi năm hai lần.

Câu 13. – *Bệnh uốn ván thể hiện như thế nào?*

Trả lời: Bệnh uốn ván do một trực khuẩn yếm khí *clostridium* có sẵn trong đất gây ra. Nó sống rất lâu trong phân và đất. Bệnh chỉ xảy ra khi súc vật hay người giẫm phải gai, dính nhiễm bẩn hay bị vết thương sâu hoặc khi mổ xẻ và thiếu hoạn.

Khi xâm nhập vào cơ thể, vi khuẩn sinh sản sâu trong vết thương và sinh ra độc tố. Độc tố này tác động lên hệ thần kinh và gây bệnh. Thường sau khi nhiễm 4 – 15 ngày triệu chứng phát ra: cơ bị cứng, bấp thịt co giật. Trước tiên là cơ đuôi và tai sau đến cơ hàm bị co cứng, không mở được miệng. Con vật sẽ chết vì đói, khát hoặc bị ngạt do các cơ hô hấp bị co thắt. Ở ngựa có triệu chứng mà người ta

thường gọi là mí mắt thứ ba phủ kín nhãn cầu.

Để phòng và khống chế bệnh phải thực hiện:

- Khi thiên gia súc phải đảm bảo vô trùng.
- Khi gia súc bị thương phải giữ vết thương cho sạch và sát trùng cẩn thận. Đối với súc vật quý nên phòng bằng tiêm kháng huyết thanh và kháng sinh.

Ở những vùng bệnh hay xảy ra (thường là vùng nhiều bùn đọng, ẩm ướt) nên tiêm phòng vacxin theo hướng dẫn của thú y.

Chữa bệnh: - Để con vật yên tĩnh ở chỗ tối.

- Tiêm kháng huyết thanh: Súc vật lớn 100.000 đ.v quốc tế, các loài khác 20.000 - 50.000 đ.v quốc tế.

- Tiêm penixilin liều cao 5 - 10 triệu đơn vị/ngày (ngựa).

- Dùng thuốc an thần.

Đối với chó thì có thể dùng các loại thuốc an thần và giảm đau sau đây:

Dolosal (pethidine) 25mg; Phénergan (prométhazine) 12,5 mg; Lacgartil (Chlorpromazine) 12,5 mg. Trộn 3 thứ tiêm bắp thịt, 6 giờ tiêm 1 lần.

Câu 14. Bệnh tràng độc huyết là bệnh gì?

Trả lời: - Đó là bệnh nhiễm độc tố đường ruột. Bệnh thường có tính chất địa phương, hay xảy ra khi thức ăn bằng thức ăn tinh và giàu đạm (nhất là đạm không phải là prôtêin như urê). Những khẩu phần như vậy là điều kiện cho các vi khuẩn yếm khí trong đường tiêu hóa đặc biệt là

các loại clostridium phát triển và sinh ra độc tố. Độc tố xâm nhập vào máu qua màng ruột gây rối loạn cấp diễn, thường dẫn đến tử vong. Bệnh có các thể khác nhau.

– Ở những con non có triệu chứng bỏ ăn, mệt mỏi ỉa ra máu hoặc viêm ruột hoại tử, chết trong vài giờ đến vài ngày.

– Ở những con lớn có triệu chứng mãnh liệt hơn: ỉa lỏng, đi loạng choạng, suy sụp hô hấp, nước đái có đường, đôi khi vàng da. Khi súc vật chết, mổ khám thấy tụ máu ở ruột, gan, thận thoái hóa, phù phổi, xuất huyết cơ tim, xác chết thối nhanh.

Ở cừu thường thấy viêm gan hoại tử do vi khuẩn xâm nhập vào gan.

Bò thì bị sốt, ỉa ra máu, đái ra huyết sắc tố rồi chết đột ngột.

Ở các địa phương nếu bệnh xuất hiện thì có thể cho uống tetraxiclin (10 – 20 mg/kg thể trọng/ngày) trong 5 ngày để phòng bệnh. Đối với cừu có thể phòng bệnh theo phương pháp cổ điển: vào thời kỳ hay xảy ra bệnh, cho cừu ăn mỗi ngày 3g diêm sinh và cừu lớn mỗi con 7g.

Chữa bệnh thường không có kết quả.

Câu 15. *Súc vật đột ngột bị liệt mềm và chết nhanh là bệnh gì?*

Trả lời: Đó là bệnh nhiễm độc botulinum. Các vi khuẩn yếm khí clostridium, botulinum thường sẵn có trong đất. Vi khuẩn sinh sản trong xác chết và tiết ra độc tố botulinum, độc tố này lẫn vào bùn, thức ăn hoặc vương trên mặt đất.

Súc vật ăn phải đột nhiên bị liệt mềm và chết rất nhanh. Bò và gia cầm rất nhạy cảm với độc tố. Vịt dễ mắc khi ăn dòi ở xác chết hay cá thối. Người bị bệnh khi ăn phải thịt hoặc các đồ hộp bị nhiễm khuẩn (những đồ hộp nhiễm khuẩn thường bị phồng lên).

Chữa bệnh: Rửa ruột, cho uống thuốc tẩy. Nếu có kháng huyết thanh thì tiêm cho con vật.

Phòng bệnh: Những thức ăn nghi ngờ có độc tố phải đem đốt. Không vứt xác chết ra bãi cỏ hoặc xuống ao hồ, không thả vịt ở ao nước tù.

Câu 16. *Nấm mốc có gây bệnh cho gia súc, gia cầm không?*

Trả lời: Có. Đó là bệnh do *nhiễm độc tố nấm mốc aflatoxin*.

Trong điều kiện nhiệt đới nóng và độ ẩm cao, các thức ăn gia súc nếu không bảo quản tốt sẽ bị mốc. Một số chủng nấm mốc cực vàng khi phát triển trên thức ăn sẽ sinh ra độc tố aflatoxin nhất là trên ngô, lạc và đậu tương.

Độc tố này gây tổn thương cho gan thận và dễ gây ung thư cho tất cả các loài động vật và người. Bệnh đã xảy ra ở nhiều nước kể cả Việt Nam.

Ở lợn: có triệu chứng kém ăn hoặc bỏ ăn, sốt hoặc không sốt, ù rù, lông xù, *viêm kết mạc, niêm mạc mắt vàng, da vàng, nước tiểu vàng; ía táo hoặc di tháo.* Gan sưng vàng hoặc bị xơ. Túi mật căng hoặc teo đi. Thận tụ huyết từng đám, sần sùi.

Vịt biểu hiện bỏ ăn, chậm lớn, có triệu chứng thần kinh,

thở khó, co giật, chảy nước mắt, chân, đùi có màu tím.

Gan sưng to, màu xám, thận nhạt màu và có chấm xuất huyết (thường gặp ở vịt mới nở ít ngày). Ở vịt còn sống sót đến 3 tuần thì gan teo và xơ, thận sưng và nhạt màu, có nước ở xoang bụng và bao tim.

Gà: Bỏ ăn, điều căng, mào tím tái, chảy nước dãi. Chết trong 3 - 7 ngày tùy nhiễm độc nặng hay nhẹ. Một số con khỏi nhưng chậm lớn, đẻ ít.

Trâu bò: Khó thở, ủ rũ, vàng da, phù thũng dưới hàm, thiếu máu và viêm mắt, trong xoang bụng có nước, gan xơ.

Bệnh thường tiến triển chậm và kéo dài.

Khi nghi ngờ có bệnh, phải gửi mẫu thức ăn để xác định hàm lượng độc tố. Trong các loại thức ăn tổng hợp có trường hợp kiểm tra mắt thường không phát hiện ra nấm mốc, nhưng lại có hàm lượng độc tố rất cao. Cần phải thay thức ăn ngay. Tuy nhiên có nhiều trường hợp sau khi thay thức ăn bệnh vẫn tiến triển vì độc tố vẫn còn ở gan và thận.

Không dùng thịt gia súc, gia cầm nhiễm độc tố aflatoxin vì nấu chín không phá hủy được độc tố.

Câu 17. Một số gia súc thường bị bệnh ở đường hô hấp, tiêu hóa, khớp.... Những bệnh đó do vi khuẩn nào gây ra?

Trả lời: Trong thiên nhiên có nhiều loài vi khuẩn khác nhau khi cơ thể bị suy nhược, sức đề kháng kém đi, hoặc bị thương, hoặc bị bệnh thì chúng xâm nhập vào cơ thể và gây ra những bệnh cục bộ. Đó là:

1/ Vi khuẩn *fusobacterium necrophorum* gây ra bệnh

bach hầu của bê, gây thối loét rụng đuôi ở bò, gây bệnh thối loét da ở lợn, hoặc những nốt loét hoại tử giống như bệnh dịch tả lợn và nhiều bệnh khác.

2/ Các loại *Pasteurella* ký sinh ở đường hô hấp, tiêu hóa (trừ các chủng *Pasteurella* độc gây ra bệnh tụ huyết trùng) gây ra viêm phổi hoặc áp xe.

3/ Vi khuẩn *Corynebacterium pyogenes* gây ra ổ áp xe gan, viêm khớp, viêm cuống rốn.

4/ Vi khuẩn *Salmonella* gây bội nhiễm trong các bệnh ỉa chảy, dịch tả lợn, viêm gan vịt. Chúng có vai trò rất quan trọng trong bệnh nhiễm trùng ở lợn, bò và gia cầm.

5. Các cầu khuẩn *Staphylococcus*, *Streptococcus* gây mụn nhọt, áp xe, viêm khớp, viêm tử cung, viêm phổi và cả bệnh nhiễm trùng máu v.v...

Để điều trị bệnh tùy theo tình hình mà sử dụng kháng sinh. Nhưng đối với các cầu khuẩn thì phải chú ý vì có nhiều chủng kháng lại kháng sinh cho nên phải chọn lọc loại kháng sinh có tác dụng.

CÁC BỆNH CHỦ YẾU Ở TRÂU BÒ

Câu 18. *Trâu bò bị sốt cao, loét miệng, đi tả rồi chết là bệnh gì?*

Trả lời: Đó là *bệnh dịch tả trâu bò*, một bệnh truyền nhiễm lây lan rất mạnh do virus gây ra. Bệnh chủ yếu ở trâu bò nhưng có thể lây cho cừu dê và lợn. Trước đây bệnh rất phổ biến ở Việt Nam nhưng hiện nay do tích cực phòng chống nên bệnh đã ít xảy ra.

Bệnh lây lan chủ yếu do tiếp xúc giữa con ốm và con lành qua đường hô hấp và tiêu hóa. Virus có rất nhiều trong phủ tạng, trong dịch bài tiết, phân và nước tiểu.

Sau khi tiếp xúc với vật ốm 3 – 9 ngày thì con vật phát triệu chứng. Đầu tiên là *sốt, ăn kém, nước mũi chảy*, niêm mạc tụ máu, thở nhanh và *táo bón*. Sau 3 – 4 ngày *trên niêm mạc miệng và mũi có những nốt nhỏ bằng đầu danh ghim sau vỡ ra và loét dính liền với nhau thành mảng rộng*. Vết loét có bờ rõ và không đều. Lúc này con vật khó thở, có tiếng lọc sọc, nước mũi có mù, hơi thở thối. Sau khi niêm mạc loét 1 – 2 ngày thì con vật bắt đầu *di tháo*. Phân lỏng và nhiều, màu sẫm, có chất nhầy, máu lẫn niêm mạc ruột và rất thối. Thường con vật bị chết vì suy kiệt và mất nước, tỉ lệ chết cao. Một số con qua khỏi được nhưng lâu mới bình phục. Xác chết gầy, hôi thối. Niêm mạc miệng và họng có những nốt loét. Dạ múi khế, ruột già xuất huyết và

có những vết loét sâu.

Bệnh không chữa được. Chỉ bằng biện pháp tiêm phòng triệt để vaccin nhược độc dịch tả trâu bò mà bệnh đã được khống chế.

Việc tiêm phòng phải thực hiện hàng năm.

Câu 19. *Bệnh loét da quần tai là bệnh gì?*

Trả lời: *Bệnh loét da quần tai* là bệnh truyền nhiễm do virut của trâu, bò, dê lây bệnh cho bò. Bệnh chỉ thấy ở miền Trung Việt Nam trên đàn bò thả ở tán rừng. Bệnh phát ra lẻ tẻ, hầu hết là ở bê 1 - 2 năm tuổi, gần chỗ chăn nuôi cừu.

Triệu chứng gồm có: *chảy nước mắt, nước mũi* lúc đầu trong sau đặc có mũ, miệng bị viêm, *sốt*, con vật gầy sút, khó thở, *mắt đục thành cùi nhãn; da dày lên, tai bị quần rời bệnh tích trên da tróc đi.* Các hạch bạch huyết dưới da sưng to.

Trong vài trường hợp, con vật bị táo bón sau đó *đi tháo*, phân có máu.

Trước khi chết bao giờ con vật cũng bị liệt.

Khi mổ khám thấy thực quản, dạ dày bị viêm và loét; thận, gan, các hạch bạch huyết và lách bị sưng.

Chữa bệnh: Không có thuốc đặc hiệu. Ở miền Trung đã thử chữa bằng kháng sinh để khống chế vi khuẩn kể phát, tăng cường hộ lý, chăm sóc tốt và điều trị các triệu chứng. Nếu không có triệu chứng thần kinh thì điều trị có nhiều kết quả. Rửa miệng, mũi bằng thuốc tím 0,1%, crezin 2% nhỏ mắt bằng sunfát kẽm 1%. Chống bội nhiễm bằng

teramixin uống 50 mg cho 1 kg thể trọng, cho uống vitamin A 100.000 đ.v 1 ngày trong nhiều ngày.

Câu 20. *Bệnh lở mồm long móng tác hại như thế nào?*

Trả lời: *Bệnh lở mồm long móng* là bệnh truyền nhiễm lây lan mạnh do virút gây ra. Bệnh chủ yếu có ở gia súc có sừng như bò, trâu, cừu, dê, hươu. Lợn đôi khi cũng bị lây. Tuy không gây chết nhiều, nhưng bệnh làm giảm sức kéo và sản phẩm, và gây trở ngại cho việc vận chuyển gia súc.

Ở Việt Nam bệnh đã lây lan mạnh trong những năm 50 tại miền Bắc nhưng sau đó ngừng hẳn chỉ còn lác đác ở miền Nam.

Ở bò: Thường ủ bệnh 2 - 6 ngày. Đầu tiên con vật sốt 40 - 42°C, ủ rú, kém ăn. Bò sữa thì giảm đột ngột sản lượng sữa. Các *mụn nước mọc ở lưỡi, lợi và niêm mạc miệng*, chứa dịch đặc màu vàng. Mụn to lên dính lại với nhau và sau 24 giờ vỡ ra thành vết loét có bờ. Đó là những mảnh biểu bì rách. Con vật chảy nhiều dãi và chép môi. Các bệnh tích ở lưỡi lành rất nhanh, chỉ trong vài ngày con vật đã ăn trở lại.

Cùng một lúc với sự xuất hiện bệnh tích ở miệng thì ở các *kê ngón chân, vành móng và gót cũng nổi mụn nước*. Sau 24 giờ mụn vỡ, con vật bị què không đi được, hoặc có đi thì tập tễnh. Nếu bị nhiễm trùng nặng do các vi khuẩn kế phát hoặc ruồi đẻ vào sinh dòi thì *móng bị thối và long hẳn ra*.

Mụn nước còn mọc cả ở bầu vú và núm vú, làm viêm vú nặng có khi hỏng hẳn bầu vú. Bò cái có thể bị sẩy thai.

Bò trưởng thành chết ít nhưng hồi phục rất lâu. Bê con thì chết nhiều hơn có khi tới 50%.

Ở lợn: Bệnh tích rõ nhất ở chân. Lợn non chết nhiều hơn do viêm ruột, dạ dày và viêm cơ tim.

Cừu và dê: Bệnh tích điển hình ở móng và kẽ móng.

Khi mổ khám thấy có mụn nước ở dạ cỏ. Ở súc vật non còn thấy tim có những ổ hoại tử.

Điều trị:

- Rửa miệng bằng nước muối, nước phèn chua, dấm, nước khế chua.

- Rửa chân bằng nước thuốc tím, sunfat đồng, rác sunfamit hay cloroxit. Để phòng ruồi đẻ thì bôi crezin loãng. Nếu có dòi dùng lá xoan, lá đào, băng phiến giã nhỏ rịt vào.

- Cho ăn cỏ non mềm, cháo gạo.

- Nếu sốt, ủ rừ thì chữa triệu chứng, trợ tim bằng long não, v.v....

Dùng các kháng sinh để chống bội nhiễm vi khuẩn khi thấy cần thiết.

Phòng bệnh:

Cần chú ý là sữa, phân, nước tiểu, nước dãi của con vật bệnh là những vật truyền bệnh, cần phải được tiêu độc để tránh lây lan.

Tiêm phòng bệnh bằng vacxin do cơ quan thú y quyết định.

Câu 21. *Trâu bò đột nhiên sốt, khô thở, sưng hầu và chết nhanh là bệnh gì?*

Trả lời: Đó là bệnh *tụ huyết trùng*, một bệnh ở thể cấp tính của trâu và bò, gây chết nhiều. Bệnh gây nên bởi một số chủng *Pasteurella* thuộc nhiều typ. Trâu là loài mẫn cảm nhất sau đến bò. Bệnh thường xảy ra vào cuối mùa khô và khi có gió mùa, lúc gia súc bị suy yếu, thay đổi thức ăn và làm việc nặng nhọc. Bệnh thường có ở vùng đồng bằng trồng lúa nước.

Khoảng 2% trâu bò khỏe mang trùng ở đường hô hấp, còn trong ổ dịch thì tỉ lệ mang trùng tăng lên nhiều, có khi tới 50%. Bệnh truyền đi do tiếp xúc trực tiếp hoặc qua thức ăn và nước uống bị nhiễm trùng.

Bệnh tiến triển rất nhanh, sau khi có triệu chứng từ 6 – 24 giờ con vật có thể chết. Con ốm bắt đầu *sốt cao*, buồn bã, không đi lại. Sau đó chảy dãi, chảy nước mũi, *cổ họng sưng, phù đau, vết sưng lan xuống yếm*. Niêm mạc tụ máu, con vật *khô thở*. Bê có thể bị viêm xuất huyết ở dạ dày, ruột và thường bị chết.

Mổ xác thấy ở phần *quanh họng và yếm bị phù nước*, nếu chích có dịch màu vàng rom chảy ra. Hạch ở khí quản và cổ bị sưng, tụ máu. Đôi khi dạ mũi khế, ruột non và ruột già tụ máu, xuất huyết. Trong các xoang cơ thể có nhiều dịch màu đỏ máu.

Chữa bệnh bằng kháng sinh như tetraxiclin, cloramphenicol, sunfadimerazin, kanamixin. Nhưng kết quả thường bị hạn chế do bệnh tiến triển nhanh.

Phòng bệnh: Phải tiêm phòng 6 tháng 1 lần bằng các

loại vacxin chết. Sau khi tiêm 10 ngày, miễn dịch được hình thành.

Câu 22. *Bê đột nhiên sốt, xuất hiện những ung có hơi trên thân thể, sờ vào thấy lạnh, sọ là bệnh gì?*

Trả lời: Đó là bệnh *ung khí thán* - một bệnh nhiễm trùng thường xảy ra ở bê do một loại vi khuẩn yếm khí clostridium chauvoei có nha bào gây ra. Vi khuẩn này ở trong đất và trong ruột súc vật, xâm nhập vào cơ thể qua vết thương trên da hay niêm mạc ruột.

Bê 8 - 18 tháng tuổi và cừu dễ mắc bệnh. Trước tiên con vật đi khập khiễng rồi *phần trên của chân sưng lên*, vết sưng lan rất nhanh lúc đầu thì nóng, sau trở nên lạnh. *Khi ấn tay vào vết sưng, nghe thấy tiếng lạo sạo* do hơi sinh ra trong đó. Vật kém ăn, ngừng nhai lại, sốt cao và thờ ơ.

Bệnh tiến triển nhanh, con vật nghiêng răng, rên và chết đột ngột sau 12 - 48 giờ từ khi có triệu chứng. Trước khi chết con vật chảy máu mũi hay hậu môn.

Không nên mổ vật chết. Nếu lỡ mổ thì thấy chỗ *cơ bị sưng có màu đen và mùi khét*.

Tiêu độc và xử lý xác chết cũng giống như bệnh nhiệt thán.

Ở những vùng có lưu cữu bệnh này nên tiêm phòng vacxin cho bê từ 6 tháng đến 3 năm tuổi. Cừu trước khi cắt lông cũng nên tiêm phòng.

Có thể chữa bằng kháng sinh như trong bệnh nhiệt thán. Penixillin: 2 triệu đơn vị cho 100 kg thể trọng/ngày

trong 5 ngày và khi hết triệu chứng thêm 2 ngày.

Câu 23. Tại sao trâu bò hay đổ ngã trong vụ đông xuân. Đó có phải là bệnh tiêm mao trùng không?

Trả lời: Trâu bò đổ ngã trong vụ đông - xuân thường là do bệnh tiêm mao trùng gây ra. Bệnh phổ biến ở trâu, bò, ngựa nước ta và nhiều nước trên thế giới. Nguyên nhân gây ra bệnh là *Trypanosoma evansi*, một loại đơn bào nhỏ, có roi và màng rung sống tự do trong huyết dịch. Chúng lấy chất dinh dưỡng trong máu để hoạt động và sinh sản đồng thời lại tiết ra độc tố gây sốt, phá hủy hồng cầu và gây rối loạn tiêu hóa.

Sự lây truyền bệnh là do các loài mòng và ruồi hút máu *Stomoxys*. Khi hút máu trâu ốm, các côn trùng này bị dính tiêm mao trùng trên vòi, lại đốt trâu khỏe làm cho trâu mắc bệnh. Mùa lây lan bệnh xảy ra vào các tháng nóng ẩm, từ tháng 4 đến tháng 9. Đó là những tháng ruồi mòng hoạt động mạnh nhất.

Từ cuối thu sang đông - xuân, những trâu bò đã nhiễm tiêm mao trùng phải làm việc nặng trong điều kiện thời tiết lạnh, thiếu thức ăn nên sức đề kháng giảm đi và bệnh phát nặng, đổ ngã hàng loạt. Hiện tượng này xảy ra hàng năm trên vùng trồng lúa ở trung du và đồng bằng.

Triệu chứng lâm sàng chủ yếu là *sốt cao 40 - 41°C*, sốt gián đoạn không theo qui luật. Khi sốt cao thì con vật quay cuồng, đi vòng tròn, run rẩy từng cơn.

Một số trâu bò bị *viêm kết mạc và giác mạc*: mắt đỏ, niêm mạc mắt sưng đỏ và chảy dử liên tục.

Khoảng 30% trâu bò bị viêm ruột: ia chảy kéo dài sau những cơn sốt.

Trong suốt quá trình bệnh, *trâu bò bị thiếu máu*, hồng cầu chỉ còn 3 triệu trong 1 mm^3 . (bằng 1/2 trâu bò khỏe), *suy nhược và thường chết do kiệt sức*.

Chẩn đoán bệnh chính xác chỉ có thể thực hiện tại phòng thí nghiệm bằng cách xét nghiệm máu tìm ký sinh trùng lúc sốt cao.

Chữa bệnh.

Dùng một trong các loại thuốc sau:

– Naganol: Pha thuốc theo tỷ lệ 1 phần thuốc, 9 phần nước cất tiêm vào tĩnh mạch tại 2 lần cách nhau 1 ngày, với liều lượng 0,01 g/kg thể trọng:

– Trypamidium pha với nước cất để có tỷ lệ 2%. Tiêm bắp hay tĩnh mạch với liều 0,001g/kg thể trọng. Tiêm một lần.

– Berenyl (azidin) pha với nước cất để có tỷ lệ 10%. Tiêm tĩnh mạch hay bắp thịt 2 lần cách nhau 15 ngày với liều 0,05 g/kg thể trọng.

Chú ý: Trước khi tiêm tĩnh mạch phải tiêm long não hay cafein để trợ tim cho con vật. Cho trâu bò nghỉ và bồi dưỡng.

Phòng bệnh

– Hàng năm định kỳ kiểm tra máu trâu bò để phát hiện *tiêm mao* trùng vào thời kỳ nghỉ cày kéo (tháng 4 và tháng 8). Nếu là vùng có bệnh lưu hành thì tiêm phòng cho đàn trâu bò bằng naganol hoặc trypamidium như đã kể trên.

– Chuồng có màn để chống ruồi, mòng. Phát quang bờ

bụi, lấp cống rãnh. Phun thuốc diệt côn trùng theo định kỳ 1 tháng 4 lần bằng dipterex 1%.

- Chăm sóc nuôi dưỡng và sử dụng hợp lý để tăng sức đề kháng của con vật.

Câu 24. Tại sao bê lại ho ra giun, chữa như thế nào?

Trả lời: Đó là bệnh giun phổi. Bệnh thường thấy ở bê từ 7 tháng đến 12 tháng do giun Dictyocanlus gây ra. Giun hình sợi chỉ dài độ 5 - 7 cm, sống trong phế quản của bê. Trứng giun theo phân ra ngoài, gặp điều kiện thuận lợi thì lột xác 2 lần mới thành ấu trùng gây nhiễm. Khi bê ăn phải ấu trùng di hành qua màng ruột, vào máu rồi vào phổi qua các mao mạch. Sau khoảng 3 tuần, con vật có triệu chứng: ho về đêm, gầy, lông rụng, có nước mũi đục như sữa. Lúc đầu con vật chỉ buồn bã, khát nước, thỉnh thoảng ho khan từng cơn. Nếu bị nhiễm quá nhiều giun và bội nhiễm vi khuẩn thì con vật sốt, thờ hờn hển, chảy nhiều nước mũi, ho luôn, có khi ho ra giun, ỉa chảy. Bệnh có thể kéo dài đến 2 tháng. Chăm sóc và chữa kịp thời, bê có thể khỏi. Nếu bê được nuôi dưỡng tốt, bệnh thường nhẹ.

Chữa: Dùng một trong các thuốc sau:

- Diethylcarbamazin (có tác dụng diệt ấu trùng đang di hành) tiêm bắp nồng độ 10%, liều 55 mg/kg thể trọng trong 5 ngày hoặc uống 100 mg/kg thể trọng trong 5 ngày liền.

- Mebendazol uống 10 mg/kg thể trọng (uống).

- Tetramizol 10 - 15 mg/kg thể trọng.

Phòng bệnh:

- Quản lý nuôi dưỡng bê tốt

- Tập trung phân đẻ ụ
- Chân đất luân phiên trên đồng cỏ
- Tẩy giun cho bê một năm 2 lần vào tháng 3 và tháng 10.

Câu 25. *Chữa bệnh giun dũa cho bê, nghe bằng thuốc gì?*

Trả lời: Ở nước ta bệnh giun dũa bê nghe thường thấy ở bê nghe dưới 2 tháng tuổi, muộn nhất là 3 tháng.

Giun hình tròn dài từ 15 – 20 cm, sống trong ruột non. Trứng giun ra ngoài gặp điều kiện thuận tiện thì phát triển thành ấu trùng rồi mới có khả năng gây nhiễm. Nếu bê mới đẻ nuốt phải ấu trùng thì sau 45 ngày mới có giun trưởng thành. Nhưng thực tế, nghe lúc chưa đầy tháng tuổi đã có giun; đó là vì trâu khi có chửa đã bị nhiễm ấu trùng. Ấu trùng di hành trong máu trâu mẹ vào bào thai nghe.

Khi bị bệnh, nghe *lù dừ, cúi đầu, cong lưng, không theo mẹ*. Nếu bị nặng thì nằm một chỗ, *dau bụng dầy dụa, lông xù, gầy*, niêm mạc nhợt, mũi khô, hơi thở thối, sốt. Khi sắp chết thân nhiệt hạ dưới bình thường. Triệu chứng điển hình là *phân màu trắng lông thối khâm*. Nghe bị bệnh thường chết vào giai đoạn này. Trong ruột nghe chết có từng búi giun làm tắc ruột.

Chữa:

- Piperazin liều 0,3 – 0,5 g/kg thể trọng trộn vào thức ăn hay nước uống.

- Silicofluorat natri: Uống 0,035 g/kg thể trọng chia 2 lần trong ngày, uống 2 ngày liên.

– Phenothiazin: Uống 0.05 g/kg chia làm 2 lần trong ngày trong 2 ngày.

Phòng bệnh bằng tẩy giun cho bê nghé lúc 20 ngày hay 1 tháng tuổi là thích hợp, giữ vệ sinh chuồng khô ráo, bồi dưỡng cho trâu bò mẹ và bê nghé, ủ phân diệt trứng giun.

Câu 26. Ngoài giun dũa, giun phổi trâu bò còn mắc loại giun nào nữa?

Trả lời: Đó là giun xoắn dạ mũi khế. Các loại giun này nhỏ, dài 1 – 4 cm, màu hồng hoặc vàng sồng ở dạ mũi khế và ruột non. Chúng bám chắc và chọc thủng niêm mạc hút máu làm chảy máu các mao mạch, gây ra viêm và sản sinh ra độc tố làm ngộ độc gia súc. Bệnh phân bố rộng, chỗ nào cũng có. Tỷ lệ nhiễm từ 30 – 100%. Nghé, bê, dê, cừu non mắc bệnh này nặng hơn.

Trứng giun bệnh này phải qua 2 lần lột xác, mới thành ấu trùng III (ấu trùng có khả năng gây nhiễm). Ấu trùng I và II dễ chết nơi khô cạn và nhiệt độ trên 30°C. Do đó ở những bãi chăn ẩm có nước đọng là nguồn lây bệnh chủ yếu.

Bê nghé mắc bệnh thì thiếu máu, ít hoạt động, gầy sút, di kiết lỵ và táo bón xen kẽ. Cổ, họng, ngực bị phù nề. Con vật yếu dần đi lại khó khăn, tách đàn. Những con quá gầy yếu thường chết.

Chữa bệnh:

– Phenothiazin: Trâu bò dùng 0,1 – 0,2 g/kg thể trọng
Dê cừu dùng 0,5 – 1 g/kg thể trọng.

Cho trâu bò uống bằng chai hoặc bình có vú cao su,

không cần bắt con vật nhịn ăn trước mà chỉ cần nhịn ăn 3 giờ sau khi uống thuốc.

– CuSO_4 (sunfát đồng) 1% liều uống từ 15 – 100 ml.

– Dípterex. Pha thành dung dịch 5% và tiêm dưới da liều 0,026 – 0,54 g/kg thể trọng.

Phòng bệnh:

– Không chăn thả ở bãi chăn ẩm thấp có vũng ao tù.

– Tập trung phân đem ủ.

– Định kỳ uống thuốc phòng giun cho bê nghé, dê cừu non và trưởng thành bằng phenothiazin:

– Bê nghé dưới 1 tuổi 10 – 20g. Trâu bò trưởng thành 30 – 40 g.

– Dê cừu (5 – 12 tháng) 5 – 10g. Dê cừu trưởng thành 15 – 20g.

Phenothiazin có tác dụng ức chế giun trưởng thành đẻ trứng và tẩy giun non.

Câu 27. Tại sao trâu bò có sán trong gan, chữa như thế nào?

Trả lời: Đó là do sán lá. Sán này có hai loài là *Fasciola gigantica* và *Fasciola hepatica*, thường gọi là sán lá gan, gây ra bệnh viêm gan cấp tính và mãn tính của trâu, bò, dê, cừu khắp nước ta và nhiều nước khác.

Sán lá hình mũi mác, dẹp, màu hồng dài 4 – 7cm rộng 1 – 2 cm, sống trong các ống gan và ống mật, lấy chất dinh dưỡng và ăn hồng cầu từ gan mật để sống làm cho trâu bò ốm yếu, đồng thời tiết ra độc tố làm rối loạn tiêu hóa và khi

chúng di chuyển làm tổn thương cơ giới gây ra viêm túi mật và viêm gan do nhiễm khuẩn. Trứng sán theo phân ra bên ngoài; ở các vũng nước phát triển thành ấu trùng (có lông); ấu trùng bơi và chui vào ốc limnae (một loài ốc nhỏ độ 1cm) để phát triển thành bào ấu rồi vĩ ấu ở trong thân ốc, tiếp đó chui ra khỏi ốc, bám vào cây cỏ mọc sát mặt nước, rụng đuôi thành "kén". Trâu bò ăn phải kén này sẽ nhiễm sán.

Khi bị bệnh ở thể cấp: con vật bỏ ăn, đầy hơi, ỉa chảy dữ dội, phân lỏng xám, tanh. Con vật chết trong tình trạng kiệt sức và mất nước sau vài ngày. Thể này thường thấy ở bê nghé dưới 6 tháng tuổi.

Thể mãn tính thường thấy ở súc vật lớn: gầy, thiếu máu, ỉa chảy kéo dài, phân khi táo, khi lỏng, trâu bò mất dần khả năng lao tác và sinh sản.

Chữa bệnh: Dùng một trong các loại thuốc sau

+ Tetraclorua cacbon (CCl₄).

Hỗn hợp tetraclorua cacbon với dầu parafin lượng bằng nhau sau đó dùng bơm tiêm có kim dài 15 cm, tiêm thẳng vào dạ cỏ.

Liều: Trâu: 5ml cho 100 kg thể trọng.

Bò: 4ml cho 100 kg thể trọng.

Trước khi tiêm phải trợ sức bằng cafein hay long não.

+ hoặc Dertyl B. Uống vào buổi sáng một lần.

Trâu: 8 - 9 mg/kg thể trọng.

Bò: 6 - 7 mg/kg thể trọng.

+ Fascioranida. Trâu bò 5 - 6 mg/kg. (uống 1 lần) khi

dùng các loại thuốc phải cho trâu bò ăn uống tốt, nghỉ ngơi trong 3 ngày.

Phòng bệnh: Chủ yếu là tẩy sán cho toàn đàn một năm hai lần và diệt mầm bệnh bằng cách ủ phân kỹ và nuôi dưỡng tốt trâu bò để nâng cao sức đề kháng.

Câu 28. *Chữa bò bị chướng bụng đầy hơi bằng cách nào?*

Trả lời: *Chướng bụng đầy hơi* là chứng do trâu bò ăn cỏ xanh, tươi quá nhiều. Các loại cỏ này lên men quá nhanh trong dạ cỏ và tạo ra nhiều hơi làm căng dạ cỏ ép vào cơ hoành khiến súc vật khó thở. Nếu hơi hình thành quá nhanh thì con vật dễ chết vì ngạt thở.

Khi bị chướng bụng đầy hơi, con vật bồn chồn, ngừng gặm cỏ, chân choáng ra, mồm há, chấy dãi, bụng phía trái phình to; (nếu lấy tay dấm vào thì nghe vang như tiếng trống); con vật thở nhanh, niêm mạc mắt và mỏm tím tái, đi lại loạng choạng.

Cách chữa: Nếu bệnh không nặng lắm thì dắt từ từ con vật lên dốc, để cho hơi thoát ra.

Ở một số vùng nông dân có kinh nghiệm lấy 1 quả bồ kết nướng cháy rồi giã nhỏ chấm vào nõn chuối đưa vào hậu môn sâu độ 10 - 15 cm, 3 - 4 lần, trâu bò sẽ đánh rắm.

- Hoặc lấy dây thừng mềm buộc vào miệng để trâu bò nhai.

- Dùng ống thông có đường kính 3 - 5 cm dài 3m thông vào dạ cỏ cho hơi thoát ra.

- Trường hợp khẩn cấp con vật sắp ngạt, nếu không có

ống thông, có thể dùng trócra (một loại ống rỗng có dùi kim ở giữa bằng kim loại) để chọc. Nếu không có, thì dùng dao hoặc kéo chọc thẳng vào dạ cỏ ở điểm giữa hông trái, sau đó lấy một ống rỗng hoặc ống hộp cắm vào cho hơi thoát ra. Nếu hơi ra không hết thì bơm vào dạ cỏ 300 ml dầu hỏa.

Để dễ phòng chướng bụng đầy hơi, chỉ nên thả trâu bò ra bãi chăn khi cỏ đã ráo nước và cho ăn cỏ khô trước khi đi chăn.

Câu 29. *Bò nuốt phải đinh hoặc mẩu dây thép gai, chữa như thế nào?*

Trả lời: Đó là do *dị vật trong đường tiêu hóa*. Trâu bò là loài nhai lại, chúng thường ngoạm, túm cỏ nhai trệu trạo rồi nuốt, có khi nuốt cả những mẩu dây thép gai, đinh, mảnh sắt, tôn v.v... vào dạ cỏ rồi vào dạ tổ ong. Những dị vật này có thể xuyên qua thành dạ cỏ hay dạ tổ ong, nếu tiến về phía trước thì xuyên vào bao tim, nếu lùi về phía sau thì đâm vào phúc mạc gây ra viêm. Bệnh thường tiến triển chậm.

Nếu viêm bao tim, con vật ăn uống kém, lưng cong lên, khuỷu chân trước xoạc ra, không muốn đi lại, tim đập nhanh, khi dắt xuống dốc con vật đau đớn. Tĩnh mạch cổ nổi to và có làn sóng chảy ngược về phía đầu.

Nếu viêm ở phúc mạc thì con vật vươn cổ, lưng cong lên, thu bốn chân vào phía bụng và khuỳnh khuỷu ra bên, đau đớn. Có thể kiểm tra phản xạ đau của con vật bằng cách nắm tay ấn vào mỏ ác trái, cùi tay dựa trên đầu gối rồi ấn thật sâu bằng cách nâng đầu gối lên dần rồi buông ra. Nếu con vật bị ngoại vật thì nó rất đau. Bệnh không chữa được. Nên giết thịt.

Câu 30. *Làm thế nào tránh cho bò khỏi bị viêm vú?
Cách chữa?*

Trả lời: Cần phân biệt 2 trường hợp: đau núm vú và viêm vú. Bệnh *đau núm vú* ở bò vắt sữa thường là do vắt sữa quá mạnh và vắt chưa hết sữa ở núm vú. Khi núm vú bị đau thì da núm vú có vết sưng rồi dộp thành áp xe. Trường hợp này chỉ cần dùng thuốc mỡ sát trùng và giảm đau để bôi.

Còn bệnh *viêm vú* là sự xâm nhập của vi khuẩn vào bầu vú qua lỗ núm vú hay ống dẫn sữa, qua vết xước.

Khi bị viêm vú thì bầu vú căng lên, nóng, đau, sản lượng sữa giảm nhanh. Có khi bò bỏ ăn, sốt thậm chí có thể chết khi bị viêm vú cấp tính.

Viêm vú mãn tính thì triệu chứng ít rõ, sữa có thể loãng hoặc có máu, và có những cục vón trong giọt sữa đầu tiên, núm vú đau.

Nếu điều trị sớm thì có nhiều kết quả. Rửa bầu vú bằng nước ấm, lau khô rồi lau sạch bằng cồn và bơm kháng sinh vào từng núm vú bằng xê ranh có cắm kim thông vú.

Bệnh rất hay lây từ con này sang con khác nên khi vắt sữa phải thực hiện các điều sau:

1. Tay phải luôn luôn sạch và rửa kỹ sau mỗi lần vắt.
2. Vắt bò khỏe trước, bò bệnh vắt sau cùng.
3. Bao giờ cũng phải vắt thử sữa vào cốc để phát hiện bò có bị viêm vú không?
4. Các vết thương ở bầu vú phải chữa ngay.

5. Dụng cụ vắt sữa phải giữ sạch và giữa các đợt vắt phải sát trùng.

Nếu đàn bò có bệnh viêm vú thì sau khi vắt sữa, phải nhúng núm vú của toàn bộ đàn bò vào cốc nước có chất sát trùng clo.

– Loại thái bò bị viêm vú nặng và viêm vú mãn tính.

NHỮNG BỆNH DO VE TRUYỀN

Câu 31. Ve gây những tác hại gì cho gia súc trên đồng cỏ?

Trả lời: Ve là những loài tiết túc hút máu động vật, có bốn đôi chân, thân tròn hay bầu dục không phân chia đầu, ngực và bụng rõ như côn trùng. Chúng thích bám vào trâu bò và các động vật khác ở đầu, tai, vùng hậu môn, vú, yếm, bao tinh hoàn để hút máu.

Khi ve cái đã giao phối và hút đầy máu, nó rơi xuống đất, đẻ trứng. Ấu trùng nở ra từ trứng lại bám vào con vật hút máu và biến đổi hình thái thành nhộng và ve trưởng thành. Ve không những hút máu làm con vật gầy sút, làm da sần lên, ngứa mủ, mất giá trị da, đồng thời còn truyền một số bệnh nghiêm trọng như bệnh lê dạng trùng, bệnh theileria và bệnh anaplasma v.v...

Loại ve phổ biến ở Việt Nam là ve *Boophilus*. Ve này chỉ có một ký chủ, tức là sống trên một con vật suốt quá trình biến thái.

Câu 32. *Bò sốt, nước dãi có màu đỏ có phải là bệnh do ve truyền không?*

Trả lời: Hiện tượng trên có thể là bệnh lê dạng trùng (Babesia) gây ra do một huyết bào tử trùng, tên khoa học là Babesia, ký sinh trong hồng cầu có hình thái như hai quả lê chụm đầu vào nhau. Bệnh lây lan do ve đốt truyền bệnh.

Triệu chứng đặc trưng là *sốt cao đột ngột*, tới 41°C hay hơn sau khi bị ve đốt 8 – 17 ngày. Con vật bỏ ăn, buồn, lông xơ xác, *niêm mạc mắt nhợt nhạt và hơi vàng*. Con vật *thở nhanh, tim đập nhanh* và mạnh. Có thể con vật có triệu chứng thần kinh, yếu dần, *nước tiểu thường đỏ*. Nếu không chữa thì sau 2 – 3 ngày, con vật có thể bị chết hoặc chuyển sang thể mãn tính với triệu chứng rối loạn tiêu hóa, đau bụng và đi ỉa chảy, cuối cùng là chết.

Ở vùng có bệnh lưu cũu, bê ở địa phương bị nhiễm nhưng không chết do có miễn dịch mang trùng; nhưng bò ở nơi khác nhập vào vùng này thì rất miễn cảm với bệnh và sẽ chết vì không có kháng thể.

Xác chết *nhợt nhạt*, đôi khi có màu hơi vàng, lách bị sưng rất to. Ngoài ra gan còn bị sưng, nhão, có màu da cam; thận bị xung huyết, dạ dày và ruột bị xuất huyết, cương thỏ có bọt.

Chỉ có thể chẩn đoán chính xác bệnh bằng phát hiện ký sinh trùng trong tiêu bản máu ở trên kính hiển vi.

Để khống chế bệnh, phải loại trừ các ve môi giới bằng phun thuốc diệt ve cho bò, trâu, và chữa cho con vật ốm.

Thuốc điều trị là hemosporidin với liều 0,0005 g/kg thể trọng, trước khi tiêm phải tiêm cafiên hay long não để trợ

tim. Có thể dùng

- Bêrênyl với liều 0,003 g/kg thể trọng.
- Imidocarb 0,85 mg/kg thể trọng, tiêm bắp
- Acriflavime 2mg/kg thể trọng, tiêm tĩnh mạch.

Câu 33. *Bò sốt rồi truyền máu và vàng da là bệnh gì?*

Trả lời: Đó có thể là bệnh *anaplasma*. Mầm bệnh này là một loại rickettsi, nằm trong hồng cầu, dưới hình thái một chấm. Có hai loại: một loại nằm ở rìa hồng cầu gây bệnh nặng hơn, một loại nằm ở giữa hồng cầu. Có thể phát hiện ra chúng bằng soi các tiêu bản máu dưới kính hiển vi.

Bệnh truyền đi chủ yếu do ve *Boophilus*, nhưng các loài ve khác và ruồi hút máu hoặc dụng cụ tiêm không tiệt trùng kỹ cũng gây được bệnh. Bò bị nhiễm *anaplasma* nhiều hơn trâu. Bò ngoại bị nhiễm nhiều hơn bò nội. Bệnh thường phát sinh vào những tháng nóng ẩm, nhiều ve.

Sau 30 - 40 ngày kể từ lúc bị ve nhiễm bệnh sốt thì con vật phát bệnh. Con vật sốt, sau đó là lá sách bị ngưng trệ hoàn toàn, con vật không nhai lại, táo, ợ chua và đôi khi nôn.

Niêm mạc nhạt nhợt rồi trở nên vàng. Nước tiểu vàng sẫm nhưng không đỏ, hạch bạch huyết sưng to. Con vật gầy nhanh. Tỷ lệ chết cao, đặc biệt ở con trưởng thành, còn con non thì nhẹ hơn.

Khi chết, xác nhạt nhợt và vàng, túi mật sưng to, dây mật màu vàng sẫm. Lách, gan, thận sưng và mất màu. Tim và ruột có thể bị xuất huyết. Hạch bạch huyết cũng sưng lên, dạ lá sách không hoạt động, to lên, bên trong chật ních

thức ăn khô.

Chỉ có thể chẩn đoán chính xác bằng phát hiện ký sinh trùng trong máu.

Chữa bằng ôreomixin hoặc teramixin với liều 20mg/kg thể trọng/ngày, trong 7 ngày liền kết hợp với tiêm B₁₂. Cho uống dầu paralin để nhuận tràng.

Để phòng và trị bệnh *anaplasma* thì dùng rivanol rất tốt. Liều cho bê là 0,2g, bò 0,4g, nếu bò bị bệnh nặng 0,6g. Hòa 0,2g rivanol trong 120ml nước cất vô trùng ở 50°C cho tan rồi lọc và thêm 60 ml cồn 90°. Để cho dung dịch nguội ngang với nhiệt độ cơ thể thì tiêm vào tĩnh mạch, tiêm thật chậm.

Câu 34. *Bê bị bệnh nấm trên da, chữa như thế nào?*

Trả lời: Đó là *bệnh nấm da*. Có thể thấy trên bê mọi lứa tuổi nhưng nghiêm trọng là ở bê sau khi tách mẹ. Bê cũng mắc nhưng ít hơn. Các vùng da bị nấm thường có hình tròn như đồng xu hay to hơn, nốt nhỏ bằng cúc áo có bờ rõ rệt. Bắt đầu là một đám lông dựng đứng xù xì sau rụng đi để lại một vùng trụi lông có bờ phủ một lớp vẩy, dày, sau đó rụng đi để lại vùng khô dạng bột. Nấm thường có ở đầu, cổ và bẹn. Con vật ngứa, cọ xát luôn làm bật máu.

Bệnh thường thấy ở những trại chăn nuôi khí hậu ẩm thấp, nuôi dưỡng kém, vật bị nhốt lâu trong chuồng. Lúc đầu bệnh còn rải rác, nếu không chữa sẽ lây ra toàn đàn. Những con bị nặng thì mặt da trông như một tấm vải hoa. Bê bị bệnh thường gầy và chậm lớn.

Chữa bệnh: Dùng bàn chải tắm nước xà phòng cọ lớp vẩy nấm.

Dùng hỗn hợp cồn iốt và glyxêrin (2 phần bằng nhau để bôi, hoặc dùng ASA, ASI hoặc không có thì dùng cồn iốt bôi hàng ngày.

Tránh nhất quá đông, cách ly con ốm.

Nuôi dưỡng tốt nếu có điều kiện cho thêm vitamin A và D.

Phòng bệnh: Dọn sạch phân rác đem ủ. Tiêu độc máng ăn, chuồng trại, cột, cọc, dây thừng bằng foomôn 3%.

Kiểm tra hàng ngày để phát hiện ra con bị bệnh đem nuôi cách ly và chữa ngay.

Câu 35. Bê non hay mắc những bệnh gì?

Trả lời: Những bệnh của bê phần lớn là do nuôi dưỡng không đúng, bê không được bú sữa đầu hoặc thiếu sữa, bê bị nhiễm nhiều giun sán, thiếu sinh tố A v.v... Bệnh thường thấy ở các đàn nhiều bê, chuồng trại ẩm, thiếu vệ sinh, làm cho bê giảm sức đề kháng, nên các vi khuẩn sẵn có càng dễ xâm nhập vào cơ thể và gây bệnh.

Để đảm bảo cho bê phát triển tốt thì trong bốn ngày đầu sau khi sinh, bê phải được bú sữa non vì trong sữa lúc này có kháng thể của bò mẹ. Khi đỡ đẻ, phải nhúng cưỡng rốn bê vào cồn iốt để bê không bị nhiễm trùng. Chuồng có đủ rơm lót và sạch sẽ.

Đối với bê nuôi nhân tạo thì phải cho ăn đúng liều và đúng bữa trong ngày phù hợp với lứa tuổi. Nếu không, sẽ có ảnh hưởng xấu đến hệ tiêu hóa và mở đường cho các mầm bệnh xâm nhập gây bệnh cho bê.

Bé non nên nhốt thành từng nhóm, tránh nhốt đông, để tránh sự nhiễm bệnh từ những súc vật lớn tuổi và nhiễm ký sinh trùng.

CÁC BỆNH CỦA BÉ NON

1. *Bệnh bạch hầu của bê* hay xảy ra ở bê nuôi nhốt, do trực khuẩn *Fusiformis necrophorus* gây ra. Thức ăn xấu và thiếu vệ sinh là tiền đề cho bệnh.

Bê bị bệnh bỏ ăn, ho, chảy dãi, sốt cao. Trên niêm mạc lợi, má, hàm ếch, lưỡi có bựa trắng xám sần sùi mùi khó ngửi. Con vật khó thở và khó nuốt, dễ bị viêm phổi, yếu dần rồi chết.

Chữa khi bệnh mới phát bằng sunfamit và kháng sinh rất kết quả. Tránh cho bê ăn thức ăn thô có gai.

2- *Bệnh bê ỉa phân trắng* do vi khuẩn *E.Coli*.

Bệnh này khác với bệnh ỉa phân trắng do giun đũa. Nguyên nhân của bệnh là do bê thiếu sữa đầu, hoặc uống sữa quá nhiều một lúc hay không đúng bữa, sữa quá lạnh và khẩu phần của bò mẹ thiếu thức ăn xanh.

Bệnh chủ yếu ở bê dưới 2 tháng: Phân bê bệnh có màu trắng hoặc hơi vàng có mùi đặc biệt. Bê chết trong vòng một tuần và nếu khỏi thì vẫn còn đi tháo và ho dai dẳng.

Nếu bê có triệu chứng phải ngừng cho bú trong 24 giờ, sau đó cho ăn nước cháo, rồi tăng dần lượng sữa cho đến khi đạt 2/3 tổng số thức ăn là sữa. Nếu có bò mới đẻ, thì vắt sữa đầu và cho bê uống mỗi ngày 0,5l.

Để chống mất nước, tiêm dưới da hay tĩnh mạch nước muối sinh lý theo hướng dẫn của bác sĩ thú y.

3- Bệnh phó thương hàn của bê.

Bê 6 - 12 tuần tuổi bị sốt, bỏ ăn, đi phân táo sau chuyển thành lỏng màu vàng dính, đôi khi có máu. Thường đó là bệnh phó thương hàn. Bệnh này do một loại trực khuẩn Salmonella gây ra và lây rất nhanh. Nếu nhiều con bị bệnh thì chết nhiều. Mổ khám thấy gan sưng, thận có lốm đốm xuất huyết, dạ cỏ và ruột bị viêm.

- Điều trị sớm bằng nitrofurazon và kháng sinh đều có kết quả. Nếu cần dùng nước sinh lý đường glucô để trợ lực.

Ở những nơi chăn nuôi nhiều, bệnh hay xảy ra, thì có thể tiêm phòng vaccin cho bê 14 ngày đầu sau khi sinh.

CÁC BỆNH CHỦ YẾU CỦA NGỰA

Câu 36. *Ngựa bị bệnh loét mũi, lây lan mạnh, đó là bệnh gì?*

Trả lời: Đó là bệnh loét mũi truyền nhiễm của ngựa, lừa, la, trước đây thường gọi là bệnh ty thư. Bệnh có thể lây cho các động vật ăn thịt và người, rất nguy hiểm, do vi khuẩn *Pseudomonas mallei* gây ra. Bệnh lây theo đường hô hấp và đường da.

Lừa và la thường mắc bệnh cấp: ho, sốt, nước mũi đặc, tuyến dưới hàm sưng và đau, thở mệt nhọc, con vật có thể chết sau 2 tuần.

Ngựa thường bị thể kéo dài: Ho, sốt kéo dài và thất thường.

Con vật bị viêm mũi, nước mũi chảy có màu vàng xanh, thậm chí có máu, trong hốc mũi và hầu có những cục nhỏ hơi vàng dày như kê sau bị loét ra có bờ gồ ghề hình ngôi sao rồi thành sẹo. Có khi ho, sặc máu ra mũi.

Trên da có những cục đường kính 1 – 3 cm, loét ra rồi thành sẹo. Các hạch lâm ba cũng bị viêm và thành áp xe, các mạch lâm ba dày lên và ngoằn ngoèo.

Chẩn đoán tại chỗ bằng thử tét mallein vào nội bì mi mắt. Nếu dương tính mi mắt sẽ sưng lên (cần bộ thú y thực hiện). Bệnh khó chữa vì vậy nên giết ngựa bị bệnh để tránh lây lan.

Câu 37. Ngựa có bị bệnh đường hô hấp không? Đó là bệnh gì? Chữa như thế nào ?

Trả lời: Ngựa cũng bị bệnh đường hô hấp, phổ biến nhất là bệnh dịch hô hấp truyền nhiễm của ngựa, lừa, la do liên cầu khuẩn (*Streptococcus*) gây ra. Ngựa, lừa, la 1 - 4 tuổi hay mắc. Ngựa bệnh bỏ ăn, sốt, ho, viêm hầu. Hạch lâm ba dưới hàm sưng lên làm cho con vật khó nuốt, khó thở. Nước mũi chảy nhiều, có mủ xanh.

Bệnh có thể gây biến chứng: phù toàn thân, sốt, niêm mạc mắt, mũi có chấm xuất huyết thờ nhanh và rít, mạch nhanh. Con vật chết vì suy tim.

Chữa bệnh bằng penixilin và kháng huyết thanh *Streptococcus* (nếu có). Trường hợp phù thì có thể cấp cứu bằng dexamethason 2,5 - 5mg cho 100 kg thể trọng (uống hoặc tiêm) trong 3 ngày và tiêm gluconat canxi 20% 500 ml vào tĩnh mạch.

- Dấp chất nóng ở hầu.
- Nếu ho nhiều cho uống thuốc ho.
- Cho uống thuốc tẩy muối để chống táo.
- Chích apxe, khi áp xe đã chín.

Ngựa còn bị bệnh đường hô hấp do các nguyên nhân khác như bị lạnh đột ngột, hít phải chất kích thích hoặc do các virút như virút cúm và các vi khuẩn khác như *Pasteurella*, *Staphylococcus* v.v...

Chữa bằng xông nước nóng, bôi mỡ sát trùng ở cánh mũi. Tiêm penixilin.

Câu 38. Ngựa có bị bệnh tiêm mao trùng không? Bệnh ở ngựa khác gì với bệnh tiêm mao trùng ở trâu bò?

Trả lời: Sự khác nhau là bệnh tiêm mao trùng ở ngựa, lừa, la thường nặng hơn bệnh của trâu bò và tiến triển ở thể cấp. Bệnh cũng do ruồi và mòng hút máu truyền bệnh.

Ngựa bị bệnh kém ăn, ủ rũ, sốt cao 40 – 41°C, chảy nước mắt, niêm mạc mắt thẫm máu vàng nhạt, nước mũi quánh, hạch sưng, thủy thũng ở chân sau và bìu dái. Khi sốt, soi máu có ký sinh trùng. Sau 1 – 6 ngày, triệu chứng giảm bớt trong 1 – 7 ngày rồi triệu chứng bệnh lại trở lại như trước nhưng nặng hơn. Ngựa bị bại chân sau, ngã chết.

Chữa và phòng như bệnh tiêm mao trùng trâu bò.

Câu 39. Tại sao vết thương ở chân ngựa hay bị lở loét?

Trả lời: Đó là sẹo lồi do vết thương tiến triển không bình thường, hình thành các mô quá nhanh. Sẹo lồi chỉ có ở ngựa, nhất là sau khi bị thương ở phần xa của chân. Sẹo lồi có dạng một khối u to bằng hạt dẻ đến quả bóng. Trong trường hợp này phải hạn chế sự đâm chồi của mô và thúc đẩy sự hình thành biểu bì bằng cách:

– Bôi thuốc mỡ kháng sinh có corticoit. Dùng nitrate bạc để đốt các chồi thịt to. Nên tiêm một luyện dịch gồm có phen, crôm, lignocaine, (thuốc tê), glixêrin và nước vào sâu tổ chức lên sẹo.

– Bôi dầu cá, vitamin A rồi băng chặt. Khi tháo băng bôi lại thì phải bôi cồn iod ở rìa vết thương không bôi vào trong. Nếu không sốt thì không dùng kháng sinh. Phải tiêm

phòng uốn ván. Tiếp tục băng nhiều lần. Nếu không có kết quả thì phải khoét chỗ thịt lồi và khâu lại hoặc phải lấy da chỗ khác vá vào.

Để đề phòng sẹo lồi thì khi có vết thương phải xử lý sớm, băng bó cẩn thận.

Nếu phải phẫu thuật khoét chỗ thịt lồi, khâu lại, phải nhờ đến bác sĩ thú y.

Câu 40. *Làm thế nào để phát hiện và chữa ngựa bị đau chân?*

Trả lời: Ngựa là vật để cưỡi, kéo xe và chạy đua nên chân của nó dễ bị thương tổn. Khi con vật giẫm phải đinh, gai, bị viêm khớp, bong gân hay rạn xương thì ngựa thường đi khập khiễng. Nếu bị đau nặng, ngựa tránh ti vào chân bị đau. Tuy vậy, có nhiều trường hợp ngựa đau chân rất khó phát hiện được.

Muốn phát hiện nhanh chân bị đau, ta hãy đứng phía trước con ngựa và cho nó phi nước kiệu. Nếu ngựa đau chân trước bên phải thì khi chân trước bên phải chạm đất nó ngừng đầu lên và hất về phía trái. Nếu chân trước bên trái bị đau thì ngược lại.

Để kiểm tra chân sau, ta cho ngựa đi nước kiệu và đứng phía sau quan sát. Bình thường khi đi nước kiệu thì móng lác đi lác lại. Nếu chân sau bên phải bị thương, khi chân đó chạm đất thì đỉnh móng ở vị trí cao nhất và rơi xuống khi chân bên trái chạm đất và ngược lại.

Khi đã xác định chân nào bị bệnh ta sẽ kiểm tra kỹ xem chân bị đau ở chỗ nào để điều trị. Trường hợp bị bong gân,

viêm bao hoạt dịch, viêm khớp thì dùng nước nóng để ngâm sau đó đắp các chất cay và rát. Nếu chàm dậm đĩnh, phải nhỏ đi, rửa bằng nước sát trùng, tiêm kháng sinh và nếu cần phải tiêm phòng uốn ván. Nếu không điều trị kịp thời ngựa có thể bị áp xe vành móng dẫn đến thối móng và ngón chân bị hoại thư, con vật không sử dụng được nữa.

Câu 41. – *Tại sao ngựa hay mắc các chứng đau bụng?*

Trả lời: Đau bụng là triệu chứng của nhiều căn bệnh khác nhau của ngựa. Đau bụng có thể xuất hiện sau các bệnh của đường tiêu hóa, tiết niệu và sinh thực, bệnh của gan, của màng phổi v.v... Muốn chữa phải xác định rõ nguyên nhân. Dưới đây là một vài trường hợp đau bụng và cách chữa. (xem bảng ở trang 52).

Câu 42. *Ngựa bị bội thực có cách nào chữa tốt nhất không?*

Trả lời: *Chữa bội thực dạ dày* cho ngựa, tốt nhất là lấy thức ăn ra và rửa dạ dày bằng ống thông. Ống thông là một ống cao su dài 3m – 3,5m, đường kính ngoài 28 – 30 mm. Dùng xoắn mũi nâng đầu ngựa lên, rồi dùng kim để mở miệng. Bôi trơn ống bằng vasolin hay mỡ, đưa ống thông vào miệng con vật từ từ. Khi chạm hầu, ấn xuôi ống thông vào thực quản. Nếu bị tắc thì kéo ra độ 20cm rồi lại đưa vào, sao cho đầu ống phải ở vị trí xương sườn cuối cùng. Khi ống vào đến dạ dày sẽ ngửi thấy mùi chua và có một ít nước chảy ra. Lúc đó cắm đầu ống thông còn lại vào một bình tưới chứa 5 – 6 lít nước ấm rồi nâng cao hơn

Các bệnh đau bụng của ngựa

Sự xuất hiện bệnh	Triệu chứng	Chẩn đoán	Tiền lượng	Điều trị
Bất ngờ trong lúc ăn	Đau dữ dội. Niêm mạc mắt tu máu. Thở nhanh, mạch căng và nhanh.	Tụ máu ruột	Trầm trọng	Rút máu ở tĩnh mạch, đắp chất nóng vào vùng bụng
Ngay sau bữa ăn.	Ngáp, đau âm ỉ, lỗ mũi nở	Bội thực	Tùy theo bội thực nặng hay nhẹ	Cho uống nước nóng, Tiêm pilocacpin. Chà xát mạnh vùng bụng.
Nếu có các triệu chứng:	Đau dữ dội. Đỗ nhiều mồ hôi, tiêm móc pin không đỡ. Mạch trầm và nhỏ. Niêm mạc xạm. Nôn.	Vỡ dạ dày	Chết trong 5 - 6 giờ	Không chữa được.
4 - 5 giờ sau bữa ăn	Đau âm ỉ. Ngựa đứng sừng, 38,5°C. Phấn có mảng và ít. Hơi đờ mồ hôi. Mắt hơi vàng.	Ruột không tiêu ngừng tiêu hóa do lạnh		Uống nước nóng. Tiêm pilocacpin, chà xát mạnh vùng bụng, đắp chất cay, nóng. Trích một ít máu ở tĩnh mạch.
Đau trong ngày	Đau kéo dài, gián đoạn Niêm mạc mắt hơi đỏ Bụng căng	Tắc ruột Đầy hơi	Trầm trọng	Tiêm pilocacpin. Thụt rửa. Chà xát mọi phần ở hậu môn.
	Đau dữ dội, niêm mạc mắt đỏ tu máu. Mạch trầm và nhỏ. Đỗ mồ hôi.	Vỡ ruột	Chết trong 5 - 6 giờ	Không chữa được.
Đau bất kỳ lúc nào	Đau dữ dội; Đỗ nhiều mồ hôi. Bụng đầy căng. Dây tinh hoàn to, cứng và nóng	Sa ruột vùng bẹn	Nếu không phẫu thuật sẽ chết	Mổ để gỡ ruột bị sa.

lượng ngựa 1m, nước sẽ chảy vào dạ dày. Khi chảy được 1 – 2 lít thì hạ bình tưới ngang mặt đất, thức ăn và nước sẽ tuôn ra. Nếu thức ăn quá đặc thì làm nhiều lần, mỗi lần lại tăng thêm lượng nước cho vào; cuối cùng là 6 – 8 lít. Sau khi lấy hết thức ăn, con vật sẽ bớt dây dạ, bệnh đỡ hẳn.

Nếu không có ống thông thì dùng atropin 0,01 – 0,02g tiêm dưới da. Nếu bội thực nhẹ thì dùng sunfat magiê 300g trong 1,5 l nước cho uống.

Sau khi rửa dạ dày, giữ ngựa trên đệm rơm dày. Sau 12 giờ mới cho ăn 1/2 khẩu phần, sau tăng dần lượng thức ăn, cho con vật nghỉ làm việc 3 ngày.

Câu 43. Ngựa bị nhiễm các loại giun gì?

Trả lời: Cũng như các loài động vật khác ngựa cũng mắc các bệnh giun sán. Dưới đây là một số bệnh giun gây tác hại rõ rệt.

Giun đũa. So với giun đũa bê thì giun đũa ngựa to hơn một ít. Ngựa từ 6 – 12 tháng tuổi bị nhiễm nhiều hơn. Nếu nhiễm giun quá nhiều, ngựa gầy, bụng to, mắt nhợt, lông xơ xác thường đau bụng và ỉa lỏng.

Tẩy bằng piperazin 0,3 – 0,4g/kg thể trọng. Để phòng giun cho ngựa con, nên tẩy giun cho ngựa mẹ trước khi đẻ.

Giun xoắn. Có nhiều loại, thường ở ruột già tạo thành hạt nhỏ ăn sâu vào niêm mạc ruột, trong gan và xoang bụng. Nếu ngựa nhiễm ít thì ít ảnh hưởng đến sức khỏe, nếu bị nhiễm nặng thì ngựa đi ỉa, gầy còm và thiếu máu.

Tẩy giun xoắn bằng cách trộn mebendazôn vào thức ăn với liều 5 – 10 mg/kg thể trọng/ngày.

Câu 44. *Chữa ghẻ và nấm cho ngựa bằng thuốc gì?*

Trả lời:

1/ Ngựa bị *bệnh nấm đóng vẩy* thường có những vết tròn mất lông to dần, bên trên có vẩy, bên dưới trơn, da đỏ và ướt. Thường thấy ở nơi đóng yên, ngực, vai, mông và đầu.

Chữa bệnh phải cạo hết vẩy, làm mềm da bằng xà phòng sau đó dùng axit axêtic 10% (dấm nguyên chất) hoặc ASA, ASB để bôi.

2/ Cũng như các loài vật khác ngựa cũng bị *bệnh ghẻ*. Có nhiều loại cái ghẻ, chúng sinh sống trên vùng da có lông ngắn, đảo bởi da ăn lớp biểu bì gây nên những mụn nước nhỏ, sau đó thì đóng vẩy, con vật rất ngứa. Các loại cái ghẻ chỉ khác nhau ở vị trí sinh sống và tính chất lây lan. Vẩy do ghẻ khác với vẩy do nấm là không thành hình tròn và không có bờ.

Chữa: Cắt lông, cạo vẩy (lông và vẩy đem đốt, rồi bôi 666 3% hoặc dầu ma dut có trộn bột diêm sinh, nếu bị nặng thì bôi rửa 4 ngày 1 lần.

Dùng dipterex hoặc 666 phun vào chuồng, diệt cái ghẻ bám ở tường, cột v.v....

Nếu ít kết quả thì dùng ivermectin cho uống với liều 0,2 mg/kg. Thuốc này còn có tác dụng với giun đũa, giun phổi, giun dạ dày ruột và giun kim.

Những điểm cần chú ý khi dùng kháng sinh cho ngựa:

Ngựa là con vật rất mẫn cảm với các loại thuốc, nhất là dị ứng đối với kháng sinh.

Những loại kháng sinh sau đây không nên dùng:

- Lincomixin
- Ampixilin
- Tylozin
- Eritromixin
- Propilen glicon

Nhưng loại kháng sinh dễ gây dị ứng, cần thận trọng:

- Penixilin
- Tetraxiclin
- Coliatin

BỆNH CỦA DÊ, CỪU

Đê cừu là loài nhai lại nhỏ. Đê thích hợp ở vùng đồi hoặc núi đá, còn cừu ở những vùng cao khô ráo. Một số bệnh truyền nhiễm của trâu bò cũng thấy ở đê, cừu. Tuy nhiên cừu, đê cũng có những bệnh riêng.

Câu 45. *Cừu nổi mụn trên da có phải là bệnh đậu không?*

Trả lời: *Bệnh đậu cừu* là bệnh truyền nhiễm do virút gây ra. Bệnh lây lan do tiếp xúc giữa con bệnh và con lành.

Khi phát bệnh, con vật sốt cao, ủ rũ, chảy nước mắt, nước mũi, bỏ ăn. Ở các vùng da mỏng nổi lên những nốt to bằng hạt đậu sau thành mụn nước, vỡ ra chảy nước màu rỉ sắt, khô đi rồi thành vẩy. Vẩy rụng sẽ để lại vết sẹo. Con vật ngứa. Khi nốt đậu mọc ở niêm mạc bên trong ruột thì con vật ỉa ra máu và chóng chết. Nếu khỏi bệnh, cừu được miễn dịch, và con của nó chỉ bị ở thể nhẹ. Nếu đưa cừu không có bệnh vào vùng có dịch thì chúng sẽ ốm và chết nhiều hơn cừu ở địa phương.

Chẩn đoán dễ nhưng cần phân biệt với bệnh viêm da truyền nhiễm của cừu non. Bệnh này ít gây chết và có những bệnh tích ở chân.

Phòng bệnh bằng tiêm vaccin.

Đê cũng mắc bệnh đậu như cừu.

Câu 46. *Cừu, dê bị lở mòi thì chữa như thế nào?*

Trả lời: Đó là bệnh viêm miệng lở loét và loét mòi truyền nhiễm. Trong bệnh viêm miệng lở loét thì cừu, dê mọc những mụn nước ở niêm mạc miệng, má, lưỡi, họng sau đó mụn loét ra, dễ chảy máu, mòi sưng và đau.

Còn bệnh lở loét mòi truyền nhiễm có đặc trưng: mọc những mụn mủ ở mòi và xung quanh lỗ mũi. Mụn ăn sâu vào lớp bì.

Chữa: Rửa miệng và các vết loét bằng nước muối và chấm glixêrin iốt. Nếu bị nặng thì con vật có những biến chứng ở đường phổi và đường ruột. Trong trường hợp này phải tiêm penixilin và streptomixin. Cho vật uống nước ấm, ăn thức ăn mềm và thêm tinh bột (khoai, ngô, sắn).

Câu 47. *Nguyên nhân các bệnh đường hô hấp của dê cừu ?*

Trả lời: Bệnh ở đường hô hấp của dê cừu có thể do nhiều loại vi khuẩn hoặc virút gây ra, lây truyền qua đường không khí, hoặc đường tiêu hóa. Trạng thái chung của con vật là sốt, mệt mòi, biếng ăn, không nhai lại, khó thở, ho khan, nước mũi chảy. Dưới đây xin tóm tắt một số bệnh ở đường hô hấp của dê cừu.

1) Bệnh viêm phổi cấp tính

– Bệnh do vi khuẩn *Pasteurella dung huyết*, thường xảy ra vào mùa xuân và mùa thu ở cừu và dê dưới 2 tháng tuổi. Bệnh có thể chuyển thành mãn tính hay ở thể bại huyết gây tử vong.

Chữa bằng: Penixilin, streptomixin hoặc tetraxiclin.

Phòng bệnh: Chuồng thoáng, ẩm, sạch, cho ăn tốt.

– *Viêm phổi do virút cúm* (á cúm)

Bệnh thường nhẹ, chóng khỏi. Đặc trưng là sốt cao trong thời gian ngắn, chảy nước mũi, ho. Cần đề phòng dê bị nhiễm thêm *Pasteurella*.

– *Viêm phổi do virút Adeno và Reo*

Dê đột nhiên sốt cao, ỉa chảy sau đó có các triệu chứng hắt hơi, chảy nước mũi, viêm kết mạc.

Đề phòng bệnh chuyển thành mãn tính nếu bội nhiễm *mycoplasma*.

2/ *Bệnh viêm phổi mãn tính*

– *Bệnh do mycoplasma*. Thường xảy ra nơi chăn nuôi mật độ đông (ô nhiễm môi trường). Dê, cừu con từ 2 tháng đến 1 năm bị bệnh dưới thể mãn tính hoặc ẩn tính.

Triệu chứng: Ho dai dẳng, khi chạy thì con vật thở nhanh. Đôi khi chảy nước mũi, chậm lớn.

Bệnh tích: Ở các thùy phổi nhất là thùy đỉnh, thùy tim, có bệnh tích phổi cứng và xẹp phổi. Đôi khi có viêm màng phổi.

Chữa: Penixilin, streptomixin, teramixin hoặc spiramixin và tylozin.

Câu 48. *Dê cừu thường bị những bệnh giun gì?*

Trả lời: Có 2 loài giun chủ yếu:

– *Giun xoắn dạ dày và ruột* rất phổ biến ở dê, cừu. Ở dạ dày khỏe có những giun màu hồng dài 2 – 3 cm. ở ruột non

có loại nhỏ hơn chỉ dài 1 cm. Chúng bám vào niêm mạc hút máu, gây ra viêm và chảy máu, ngoài ra còn tiết chất độc làm ngộ độc gia súc. Tuổi thọ của chúng trong vòng một năm. Trứng giun theo phân ra ngoài gặp điều kiện thì phát triển thành ấu trùng. Ấu trùng qua lột xác hai lần, bò lên mặt lá cỏ. Cừu, dê ăn phải thì mắc bệnh. Ấu trùng chỉ tồn tại ở nơi ẩm ướt.

Dê cừu mắc bệnh nhiều vào mùa xuân, giảm vào mùa hè và tăng vào mùa thu. Bệnh thấy ở gia súc mọi lứa tuổi, nhưng con non mắc nhiều và nặng hơn.

Khi bị nhiễm nặng, cừu dê biểu hiện triệu chứng: *buồn, bỏ ăn, phân bị méo mó có chất nhầy bao bọc, sau đó đi ỉa loãng có máu. Con vật gầy và thiếu máu, lông rụng từng mảng sau vài ngày nằm liệt rồi chết.* Những con bị nhẹ nếu được chữa và chăm sóc có thể khỏi được.

Phòng bệnh bằng cách:

– Định kỳ cho dê, cừu uống phenothiazin lúc 5 – 12 tháng tuổi với liều 0,5 – 1,0 g/kg thể trọng. Con vật không cần nhịn trước khi uống thuốc, nhưng mà phải nhịn ăn sau khi tẩy 3 giờ.

Pha CuSO_4 (phèn xanh) với nước theo tỉ lệ 4g trong một lít nước, cho uống tự do.

– Tập trung phân đem ủ.

– Không chăn thả ở bãi cỏ ẩm ướt và có vũng nước tù.

Câu 49. *Dê, cừu có bị bệnh giun phổi không? Phòng, chữa như thế nào?*

Trả lời: Dê cừu cũng mắc bệnh giun phổi: Giun

thường thấy ở nhánh khí quản có hình sợi chỉ màu trắng; con đực dài 3 – 8 cm; con cái 3 – 4 cm. Trứng của giun theo đờm xuống ruột khi con vật nuốt. Vào ruột, trứng nở thành ấu trùng và theo phân ra ngoài: Sau 4 – 6 ngày nó lột xác lần II thành ấu trùng gây nhiễm. Khi được dê cừu nuốt vào ruột, ấu trùng chui vào hạch ở màng ruột và lột xác, rồi theo mạch máu nhỏ vào phổi, và vào khí quản sống ở đó. Vòng đời của nó cần 1 tháng. Chúng không hút máu và chỉ sống bằng chất nhầy ở đường hô hấp.

Bệnh phát ra ở những vật non nuôi dưỡng kém, gầy yếu. Con vật thường ho luôn, không thành cơn nhất là ban đêm và lúc ra chuồng buổi sáng. Một triệu chứng đáng chú ý là nước mũi nhầy và lẫn mù. Nếu bệnh nhẹ thì con vật chỉ bị viêm phế quản, nếu nặng thì có cả viêm phế quản lẫn viêm phổi: con vật bỏ ăn, sốt, thở hỗn hển và nhanh.

– Điều trị bằng dung dịch lugol (iod 1g, ioduua kali 1,5g, nước cất 1500 ml). Đặt nằm nghiêng con vật trên giá có độ dốc 30 – 40 độ, tiêu độc da rồi cắm kim vào giữa 2 đốt khí quản, khê rút pittông lên một ít, nếu thấy có bọt khí thì bơm thuốc vào từ từ (chú ý thuốc phải để ấm) 10 – 15 ml cho cừu dê lớn, 5 – 8 ml cho cừu dê con. Cách 4 – 5 ngày sau, tiêm lần 2. Có thể cho cừu dê uống tétramizol với liều 10 – 15 mg/kg thể trọng.

Câu 50. Bệnh thối móng của cừu dê có giống bệnh lở mồm long móng không?

Trả lời: Bệnh thối móng ở dê, cừu do vi khuẩn *spherophorus necrophorus* gây ra. Môi trường ẩm ướt là điều kiện làm bệnh dễ phát. Khi bị bệnh, con vật đi khập

kiêng vì móng sưng đau. Cần phân biệt với bệnh lở mồm long móng: bệnh thối móng không có bệnh tích ở miệng.

Cách chữa: Rửa sạch móng bằng thuốc tím, cắt bỏ phần móng thối nát, nạo bỏ phần bị thối, ngâm trong dung dịch sunfat đồng 5%, rắc bột sunfamit và bôi crezin để chống ruồi đẻ.

Để phòng bệnh cho một đàn lớn, nên xây một bể đủ độ sâu và dài, đựng dung dịch sunfat đồng 5% cho dê cừ lội qua trước khi đi chân và lúc về chuồng.

Câu 51. *Dê cừ có bị các bệnh đường ruột không? Đó là những bệnh gì?*

Trả lời: Cừu dê thường bị các bệnh đường ruột sau:

1) *Bệnh do vi khuẩn E. coli.*

Thể đi ỉa thường thấy ở cừu dê 1 – 4 ngày tuổi. Dê con ỉa tháo màu vàng xám, mất nước, chết rất nhanh. Chữa bằng gentamixin và bisepton. Tiếp nước. Nếu ở thể bại huyết, cừu dê 2 – 6 tuần bị sốt cao, viêm khớp và có triệu chứng thần kinh.

Chữa bằng kháng sinh, nhưng thường không có kết quả.

2) *Bệnh do vi khuẩn salmonella:* Gặp ở mọi lứa tuổi: Sốt, đi ỉa có mũi, lưng cong, tai rũ xuống, khát. Bệnh tiến triển 1 – 4 ngày. Dê cừu cái thì sẩy thai. Chữa rất khó vì tính kháng lại kháng sinh của vi khuẩn, nên cần phải thử kháng sinh đồ để chọn thuốc chữa.

3) *Bệnh cầu ký trùng:* Hay xảy ra ở cừu dê từ 1 – 4 tháng tuổi. Đi ỉa tháo có máu hoặc không, bỏ ăn, bại chân sau. Chữa bằng furazolidon, các sunfamit.

CÁC BỆNH THƯỜNG GẶP CỦA LỢN

Câu 52. *Làm thế nào phòng chống được bệnh dịch tả lợn?*

Trả lời: *Bệnh dịch tả lợn là bệnh dịch nguy hiểm. Bệnh lây lan mạnh do ăn phải virút lẫn vào thức ăn, hoặc hít phải mầm bệnh trong không khí.*

Thể bệnh phổ biến là lợn sốt cao, bỏ ăn, phân táo, mắt có nhũ, mũi chảy dịch nhầy. Trên da ở tai, mõm, và chân nhất là ở bụng có lốm đốm xuất huyết hoặc mảng xuất huyết. Lợn ăn nhỏ nhỏ. Trong chuồng, lợn nằm tùm lại với nhau. Dần dần lợn bị yếu chân sau, đi loạng choạng có biểu hiện thần kinh và đi tháo phân thối khắm, có khi lẫn máu. Thường vật chết trong vòng 1 tuần.

Nếu bệnh kéo dài con vật đi tháo và chết do kiệt sức. Hãn hữu mới có con qua khỏi.

Có những thể bệnh không điển hình: lợn nái chỉ sẩy thai hoặc con đẻ ra đã chết, hoặc đẻ con yếu ớt không sống được hoặc con đẻ ra bị ỉa chảy, sốt, kém ăn và chậm lớn. Những lợn này rất nguy hiểm vì mang virút tiềm tàng gây ra các ổ dịch mới.

Khi mổ lợn bệnh, thấy những chấm xuất huyết nhỏ ở màng phổi, tim, niêm mạc, ruột, thận. Hạch lâm ba sưng và đỏ. Điển hình là những nốt loét hình cúc áo ở chỗ ruột non gần ruột già.

Bệnh không chữa được. Biện pháp duy nhất là tiêm phòng vaccin cho lợn từ 2 tháng tuổi trở lên. Liều tiêm cho lợn các lứa tuổi là 1ml. Sau khi tiêm 7 – 14 ngày lợn được miễn dịch. Hàng năm phải tiêm lại một lần.

Câu 53. *Lợn đột nhiên sốt, bỏ ăn, da đỏ rực, thở khó, ứ rû có phải là bệnh tụ huyết trùng không?*

Trả lời: Có thể là *bệnh tụ huyết trùng* – một bệnh cấp tính gây ra do vi khuẩn Pasteurella. Bệnh có quanh năm nhưng nhiều vào mùa mưa ẩm và nóng bức.

Lợn bị bệnh *đột nhiên sốt cao 41 – 42^oC* nằm chúi một xó, bỏ ăn. *Da lợn đỏ rực từng mảng sau tím sẫm. Lợn thở rất khó khăn*, nước mắt chảy. Đôi khi lợn có hội chứng thần kinh khi sốt cao: đi vòng tròn, sùi bọt mép, run rẩy và co giật chân, kêu to. Lợn mắc bệnh chủ yếu ở loại tuổi 3 tháng trở lên. Nếu không chữa có thể chết rất nhanh sau 12 – 36 giờ.

Khi mổ, thường thấy *hạch bạch huyết bị sưng, các bộ phận trong cơ thể bị tụ huyết và xuất huyết, trong xoang có dịch màu vàng và dính.*

Điều trị bằng kháng sinh hay sunfamit đều có kết quả. Nên kiểm tra thân nhiệt cho những lợn còn khỏe trong chuồng. Những con nào có thân nhiệt cao trên 39^oC phải điều trị ngay thì kết quả càng chắc chắn.

Phòng bệnh bằng tiêm vaccin tụ huyết trùng cho đàn lợn từ 2 tháng trở lên, cứ 4 tháng tiêm 1 lần. Sau 8 – 14 ngày có miễn dịch, miễn dịch được 4 – 5 tháng.

Câu 54. *Bệnh liên tụ cầu là bệnh gì?*

Trả lời: *Bệnh liên tụ cầu là bệnh gây ra do nhiều loại vi khuẩn hình cầu như Streptococcus, Staphylococcus, Diplococcus. Những vi khuẩn này có sẵn trong thiên nhiên, khi điều kiện chăn nuôi mất vệ sinh, ẩm thấp lây lợi sức đề kháng của lợn giảm đi hoặc lợn bị nhiễm virút như cúm hoặc mycoplasma thì gây bệnh. Bệnh rất đa dạng:*

– *Khi vi khuẩn xâm nhập vào máu thì lợn bị bệnh thể nhiễm trùng huyết: sốt cao, da đỏ rực chết trong 2 – 3 ngày dễ nhầm với bệnh tụ huyết trùng.*

– *Nếu do vi khuẩn khu trú ở đường hô hấp thì gây viêm phổi có mủ, viêm màng phổi, áp xe phổi: con vật ho, sốt, khó thở. Thể này thường gặp ở trại lợn bị suyễn.*

– *Nếu do vi khuẩn khu trú ở từng bộ phận trong cơ thể thì gây ra viêm như viêm phúc mạc, viêm tử cung, các áp xe v.v...*

Điều trị: Dùng phối hợp các loại kháng sinh:

– penixilin + streptomixin.

– penixilin + kanamixin.

(Penixilin 20.000 – 50.000 đv/kg thể trọng/ngày. Streptomixin 30 – 50 mg/kg; kanamixin: 30 – 50 mg/kg/ngày) chia làm 2 lần và tiêm bắp trong 5 ngày.

Phòng bệnh: Chủ yếu là vệ sinh chuồng trại và nuôi dưỡng tốt.

Ở trại đã có bệnh có thể tiêm phòng bằng vacxin tụ cầu. Liều tiêm: 3 – 5ml cho một lợn. Miễn dịch được 4 – 6 tháng.

Câu 55. *Lợn mắc bệnh đậu có nguy hiểm không?*

Trả lời: *Bệnh đậu lợn do virus gây ra. Bệnh thường xảy ra khi có nhiều muỗi và có nhiều rận. Bệnh không nghiêm trọng. Lợn sốt cao, bỏ ăn, viêm niêm mạc mũi và mắt. Sau đó mụn đậu mọc ở khắp cơ thể nhưng nhiều nhất là bụng và tai gây khó chịu cho lợn, sau đó mụn vỡ ra có mũ tạo vết loét có đường kính 1 – 2 cm rồi đóng vẩy.*

Phòng bệnh bằng cách chống muỗi và côn trùng đốt lợn, cách ly lợn ốm.

Chữa: Bôi vết loét bằng xanh mêtilen 1/1000. Nếu lợn có biến chứng như lở loét hoặc bị bệnh kế phát ở đường phổi hay đường ruột mới cần điều trị bằng kháng sinh như penixilin, streptomixin và rửa vết loét bằng thuốc tím 1%.

Câu 56. *Lợn bị sốt, trên da có những dấu vuông hoặc tròn thì chữa như thế nào?*

Trả lời: Những dấu vuông, tròn, chữ nhật là đặc trưng của *bệnh lợn đóng dấu*, một bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn gây ra. Lợn 3 – 4 tháng đến 1 năm dễ mắc nhất. Bệnh có thể lây cho dê, gà, vịt, Người mổ thịt lợn nếu tay xây xát có thể bị lây. Bệnh thường xảy ra vào mùa nóng và ẩm khi có nhiều muỗi. Bệnh lây lan qua đường tiêu hóa và có thể do muỗi đốt.

Lợn bị bệnh đột ngột *sốt cao* Trong trường hợp quá cấp, con vật có thể chết sau nửa ngày mà không kịp xuất hiện dấu vuông tròn. Còn thường thì lợn sốt, bỏ ăn, thờ nhanh sau đó nổi những nốt xuất huyết nhỏ, liên kết lại thành

những hình tròn hoặc vuông mau hồng sau tím lại. Trong 3 - 4 ngày, nếu con vật không chết bệnh chuyển thành mãn tính: gầy, đi ỉa, sưng khớp, các dấu vuông, tròn bị sưng mủ, tróc ra, chảy nước vàng. Cuối cùng chết do kiệt sức và rối loạn tuần hoàn (xù các van tim).

Chữa bệnh bằng penixilin có hiệu quả. Cũng có thể dùng sunfamit hoặc các kháng sinh khác.

Phòng bệnh bằng tiêm vaccin nhược độc đơn giá VR₂, tiêm 1 ml; hoặc vaccin đa giá 3-2 phòng được cả bệnh tụ huyết trùng và lợn đốm dấu, liều tiêm 3 ml. Sau khi tiêm 8 ngày lợn được miễn dịch trong 6 - 8 tháng.

Câu 57. Lợn bị bệnh suyễn thì phòng, chống như thế nào?

Trả lời: Bệnh suyễn lợn là bệnh viêm phổi mãn tính truyền nhiễm của lợn do mycoplasma gây ra hay xảy ra ở các trại chăn nuôi, ít thấy ở chăn nuôi gia đình. Bệnh lan truyền do tiếp xúc giữa lợn khỏe và lợn bệnh. Thời gian ủ bệnh từ 10 - 15 ngày. Khi bệnh mới phát ở một trại, thường lợn bị thể cấp tính. Lợn ể oải, chúi đầu, thở nhanh. Có lúc lợn ho, bụng phập phồng có khi chảy cả nước bọt. Lợn ốm kém ăn, gầy. Thân nhiệt không cao, thường chỉ dưới 40°C trừ một số cá biệt. Tào bón và tiểu tiện ít. Trong vòng một tuần những con nào bị nặng thì chết, những con còn ăn uống được thì chuyển sang thể á cấp tính với bệnh trạng nhẹ trong 2 - 3 tuần. Ở thể này lợn ít chết. Nếu được chăm sóc tốt thì lợn chuyển sang thể mãn tính. Thường lợn ho vào buổi sáng, buổi tối. Lông xù xì, da

không bóng, khi ăn ... huan đuổi cho chạy thì lợn ho, thở khó, bụng phập phồng nhìn rất rõ. Nếu được chăm sóc, chữa trị lợn bị nhẹ sẽ khỏi được nhưng chậm lớn. Nếu bị bội nhiễm thêm các vi khuẩn khác lợn sẽ chết.

Những lợn thỉnh thoảng mới ho, ăn uống bình thường, chỉ hơi gầy có thể bị bệnh thể ẩn. Những con này thường là nguồn truyền bệnh cho lợn khỏe.

Khi một trại đã có bệnh này rồi thì bệnh không phát ra rầm rộ như lúc ban đầu. Chỉ thỉnh thoảng thấy lợn ho, chậm lớn, gầy, và bệnh không bao giờ hết.

Bệnh tích chỉ có ở phổi. Các rìa thùy phổi bị viêm rất đối xứng. Chỗ viêm không còn đàn hồi mà mềm như thịt hoặc cứng như gan.

Nếu có bội nhiễm vi khuẩn khác thì có các ổ áp xe phổi, màng phổi bị dính.

Chữa bệnh: Chỉ có kết quả khi bệnh còn nhẹ.

- Dùng tylozin với liều 30 - 50 mg/kg thể trọng trong 7 ngày (lúc đầu 50 mg sau giảm còn 30 mg/kg trong 1 ngày).

- Teramixin hoặc oreomixin với liều 8000 - 12000 đơn vị/kg thể trọng trong 7 ngày.

Kết hợp với thuốc chữa triệu chứng và trợ lực.

Chăm sóc và nuôi dưỡng tốt.

Câu 58. Lợn con bị ỉa cát trắng. Phòng bệnh bằng cách nào?

Trả lời: Đó là bệnh lợn con ỉa phân trắng. Lợn 2 - 3

ngày tuổi đã bị. Nguyên nhân là do sữa không tiêu bị vón lại nên ỉa ra phân trắng. Lợn ỉa nhiều lần trong một ngày, bỏ bú, da nhàn nheo, lông dựng, mắt trũng, có thể bị chết sau 3 - 5 ngày. Nếu không được điều trị tốt, lợn con có thể chết tới 40 - 80%. Nếu bị ghép thêm các vi khuẩn gây bệnh khác thì lợn con ỉa phân lỏng như nước có mùi thối khắm màu xám và thường chết sau vài ngày. Bệnh xảy ra quanh năm nhưng nhiều vào vụ đông xuân khi thời tiết thay đổi và thành phần dinh dưỡng trong thức ăn của mẹ thay đổi đột ngột.

Chữa bệnh: Vì đây là chứng khó tiêu nhưng có thể bội nhiễm các vi khuẩn E.coli cho nên phải chữa phối hợp.

- Dùng subtilis và men sữa chua để chữa cho những con mới bị, nếu không đỡ thì dùng một trong các loại kháng sinh sau:

- Tetraxilin, cloramphênicôn, streptomixin với liều 30 - 50 mg/kg lợn/1 ngày trong 3 - 4 ngày liền kết hợp với 10 - 20 ml nước sắc lá ổi.

Khi chữa bệnh phải giữ chuồng khô ráo và ấm, giảm tỷ lệ chất béo trong khẩu phần lợn mẹ và có đủ nguyên tố vi lượng (sắt, đồng, coban).

Phòng bệnh: Chủ yếu là chuồng phải khô ráo và ấm áp, đảm bảo khẩu phần thức ăn của lợn mẹ có tỷ lệ dinh dưỡng hợp lý và các chất vi lượng ổn định nhất là các nguyên tố sắt, coban.

Câu 59. Bệnh phó thương hàn lợn có triệu chứng gì?

Trả lời: Bệnh phó thương hàn do vi khuẩn Salmonella

gây ra thường thấy ở lợn từ 1 đến 4 tháng tuổi, nhiều nhất từ 2 tháng tuổi trở lên. Lợn trưởng thành cũng mắc nhưng hiếm hơn. Thời gian nung bệnh 2 – 3 ngày, sau đó lợn sốt cao 41 – 42°C, không ăn thích uống nước, nằm một chỗ. Ngoài ra quanh mõm, chỏm tai, 4 chân xuất hiện những đám xuất huyết lấm chấm, trước đó sau tím sẫm. Sau 1 – 2 ngày lợn ỉa chảy nhiều, phân tanh, đôi khi lẫn máu. Sau 3 – 4 ngày lợn chết. Hoặc lợn mắc bệnh ở thể kéo dài. Lợn, lúc ỉa chảy, lúc táo bón, kém ăn gầy yếu và chết trong khoảng 15 – 20 ngày do suy nhược. Bệnh này hay xảy ra cùng với bệnh dịch tả lợn.

Lợn trưởng thành không có triệu chứng điển hình chỉ sốt cao 3 ngày rồi lại hạ và sau 1 – 2 ngày lại nặng lên. Sau khi đẻ, triệu chứng lại tái phát và đó là nguồn lây lan bệnh. Những lợn con do chúng đẻ ra bị nhiễm ngay sau khi đẻ nếu sống được thì gầy yếu, lúc đi ỉa tháo, lúc bị táo bón.

Điều trị bằng cloramphenicôn trong 5 – 6 ngày với liều 50mg/kg/ngày trong 1 – 2 ngày rồi giảm xuống 30 mg/kg/ngày. Có thể thay bằng tetraxiclin.

Phòng bệnh bằng tiêm vaccin cho lợn con cai sữa hay còn theo mẹ. Tiêm 2 lần cho lợn lúc 20 ngày tuổi và lúc 40 ngày tuổi. Sau 10 – 14 ngày lợn có miễn dịch, kéo dài 3 – 4 tháng.

Câu 60. Nguyên nhân nào làm cho lợn di lý, ỉa ra máu?

Trả lời: Đó là bệnh hồng lý của lợn. Mới bắt đầu lợn chỉ sốt vài ngày, kém ăn, thích uống nước và ăn rau, sau đó

ia lòng có mũi nhầy lẫn máu, da to lờ, mùi tanh. Đặc biệt khi ỉa lợn rặn rất đau đớn, có rúm người và rên nhưng phân lại rất ít. Mỗi ngày lợn ỉa 10 – 12 lần. Bệnh gây ra do một loại xoắn trùng *Treponema* phá hoại niêm mạc ruột (chủ yếu ở ruột già).

Điều trị bằng cho lợn uống phối hợp:

- tylozin với liều 20 – 30 mg/kg/1 ngày và
- trimazon 50 mg/kg/1 ngày trong 5 – 6 ngày.
- sunfametoxipiridazin hai lần với liều 15–20 mg/kg/1 ngày cách nhau 2 – 3 ngày.

Câu 61. Lợn bị veo mũi, đó là bệnh gì?

Trả lời: Đó là bệnh viêm teo mũi mới phát hiện gần đây ở một vài nơi trên một số giống lợn ngoại nhập về, do vi khuẩn *Bordetella* sống ở đường hô hấp của lợn gây ra.

Bệnh thường kéo dài: Lúc đầu lợn sốt, chảy nước mắt, nước mũi, ho và khó thở. Vì mũi bị viêm lâu ngày nên phần xương sụn ở mũi bị thoái hóa, biến dạng và teo lại. Do đó mà mũi bị veo sang một bên, co lại làm cho hàm dưới trông như nhô ra.

Nên cách ly lợn bệnh để chữa. Dùng penixilin (100.000 đơn vị/kg/ngày) phối hợp với kanamixin (30 mg/kg/ngày) hoặc gentamixin (4 mg/kg/ngày) để tiêm cho lợn ngày hai lần trong 7 ngày. Nên loại bỏ những lợn bị bệnh kéo dài.

Câu 62. Lợn bị óm vàng da và dài vàng. Đó là bệnh gì?

Trả lời: Đó có thể là bệnh do nhiễm độc tố nấm. Ở

nước ta điều kiện khí hậu nóng và ẩm dễ tạo cho nấm và mốc phát triển. Nấm mốc thuộc loài cúc khuẩn (*Aspergillus*) sản sinh ra độc tố aflatoxin khi chúng mọc ở lạc, ngô, đỗ tương, hạt bông. Nhiệt độ thích hợp cho nấm phát triển là 25 – 30°C và độ ẩm tương đối là 85%.

Lợn bị nhiễm độc tố aflatoxin lúc đầu thường ăn kém lông xù sau đó táo bón hoặc đi tháo, mắt đỏ có dử, niêm mạc mắt vàng, da vàng và nước tiểu vàng. Những lợn ốm chết thấy gan nhũn màu vàng, hoặc gan bị xơ. Túi mật bị teo hoặc căng lên. Thận biến dạng, nhạt màu, tụ huyết từng đám. Phổi bị viêm, đường tiêu hóa bị tụ huyết và xuất huyết. Bệnh diễn biến kéo dài hàng tháng và trên toàn đàn.

Phòng và chữa: Khi thấy có hiện tượng lợn vàng da thì phải kiểm tra ngay thức ăn và gửi cho phòng thí nghiệm để xác định độc tố đồng thời thay toàn bộ thức ăn. Loại bỏ những con có triệu chứng quá nặng. Những con bị nhẹ thì cho uống sunfat magiê ($MgSO_4$) 3 – 5 g/l con tùy theo lớn nhỏ trong nhiều ngày và bổ sung thức ăn đậm mới.

Chú ý: 1) Độc tố nấm tồn tại trong thịt rất lâu, sử dụng thịt lợn này rất nguy hiểm cho người và gia súc, dù thịt đã nấu chín vì độc tố aflatoxin có thể gây ung thư.

2) Bệnh leptô cũng có triệu chứng tương tự, nhưng khi dùng penixilin liều cao thì có tác dụng rõ.

Câu 63. Lợn bị nhiễm những loại giun sán gì?

Trả lời: Lợn từ hai tháng tuổi trở lên có thể nhiễm nhiều loại giun sán. Dưới đây là những giun sán chủ yếu:

1/ **Sán lá ruột.** Sán nhỏ như tai quả hồng, màu hồng,

sống ở ruột non. Lợn bị bệnh gây cơn, phân lúc táo lúc lỏng, mùi thối. Trứng sản theo phân ra ngoài, nở thành ấu trùng có lông, ấu trùng này bơi trong nước và chui vào ốc đĩa (limnea), qua nhiều lần biến thái trong thân ốc (khoảng 50 ngày) rồi chui ra khỏi ốc biến thành nang ấu, nang ấu bám vào rau, lợn ăn phải sẽ mắc bệnh. Ấu trùng vào ruột lợn sau 45 ngày thành sản trứng thành, đẻ trứng, và chu trình sinh học tiếp diễn.

Phòng và trị bệnh: Tẩy sản cho lợn 3 tháng một lần với dipterex (liều: 0,2g/1 kg lợn) hoặc diclovos. Phân lợn phải ủ kỹ để diệt trứng sản trước khi đùn bón ruộng. Rau, bèo nên nấu chín. Không nên xả phân lợn xuống ao thả bèo.

2/ Giun dứa lợn dài, màu trắng sống trong ruột non cả lợn con và lợn lớn, nhưng ở lợn con triệu chứng rõ hơn: gầy yếu, viêm ruột và thiếu máu. Tác hại của chúng là gây tắc ruột, thủng ruột, chiếm đoạt thức ăn của lợn, sản sinh ra độc tố ảnh hưởng đến thần kinh và mạch máu. Khi còn là ấu trùng, giun chui qua thành ruột theo máu lên phổi gây ra viêm phổi. Giun có thể sống trong ruột lợn được 7-10 tháng, trứng giun sống được 1-5 năm. Trứng giun phải phát triển thành ấu trùng (sau 2 tuần) thì mới gây nhiễm được cho lợn.

Điều trị: Tẩy giun bằng cho uống dipterex (liều 0,1 - 0,15g cho 1 kg thể trọng) hoặc atgard (liều 0,15g/kg thể trọng) hoặc levamisol với liều 5mg cho 1 kg thể trọng (nếu tiêm) và 7,5 mg/kg (nếu cho uống).

Phòng bệnh: Cứ 3 tháng tẩy giun cho lợn 1 lần. Phân lợn phải đem ủ để có nhiệt độ cao 50 - 60°C trong 10 ngày để diệt trứng giun.

3/ **Giun phổi** lợn như sợi chỉ, màu trắng, dài khoảng 2 – 2,5cm sống trong các thùy phổi sau và thùy phổi giữa.

Sau khi bị nhiễm ấu trùng giun phổi 8 ngày thì lợn ho, trước tiên là *ho khan sau ho nhiều, liên tục và chảy nước mũi*. Con vật *thở khó*, khi thở phải quỳ chân trước xuống nền chuồng. Khoảng 1 tháng thì lợn chết.

Khi lợn chết, mổ khám thấy phổi bị cứng, *các phế quản nhỏ trong phổi có từng búi giun*. Chu trình tiến hóa của giun cần có ký chủ trung gian là giun đất. Giun đất ăn phải trứng và ấu trùng thì ấu trùng sẽ phát triển thành ấu trùng gây nhiễm. Lợn ăn phải giun đất có ấu trùng gây nhiễm sẽ nhiễm giun phổi.

Điều trị bằng một trong ba loại thuốc sau: uống tetramisol (100mg/kg) hoặc levamisol (6,5 mg/kg) hoặc mebendazol (200 mg/kg). Phòng bệnh bằng giữ chuồng trại khô ráo và cách ly với giun đất. Lợn lớn đã nhiễm bệnh phải nuôi nhốt, không thả, tránh làm ô nhiễm sân chơi.

4/ **Giun thận** lợn thấy nhiều ở vùng núi, vùng trung du ít hơn, hiếm thấy ở đồng bằng. Giun sống ở lớp mỡ quanh thận và thành ống dẫn nước tiểu. Đó là loại giun nhỏ, con cái dài độ 3 – 4 cm, con đực bé ngắn hơn. Trứng bài xuất theo nước tiểu. Nếu trứng có nhiều thì nước tiểu đục và trắng như nước vo gạo. Trứng ra ngoài gặp nhiệt độ và độ ẩm thích hợp thì nở ra ấu trùng. Ấu trùng xâm nhiễm vào cơ thể lợn qua đường tiêu hóa. (lợn ăn trực tiếp ấu trùng hoặc ăn phải giun đất đã nhiễm ấu trùng) hoặc xuyên qua da. Ấu trùng di hành trong cơ thể qua nhiều bộ phận, khi quan gan chúng có thể gây ra viêm và có khi gây áp xe.

Cuối cùng ấu trùng cố định ở quanh thận và vách chậu thận hay vách ống dẫn nước đái làm thành kén, gây ra những mụn nhỏ, và gây viêm bọng đái mãn tính.

Khi lợn mắc bệnh, *trên da có nhiều mụn đỏ sẫm do chảy máu, gây và yếu chân sau. Nếu quá nặng thì cơ bắp run rẩy, bại liệt chân sau.*

Điều trị bằng tiêm CCl_4 (liều 0,25 ml/kg trộn với lượng dầu parafin tương đương) vào bắp thịt. Thuốc có tác dụng diệt ấu trùng giun thận cả ở gan.

- Thiabendazol có tác dụng diệt cả ấu trùng và giun trưởng thành.

Phòng bệnh là rất quan trọng vì điều trị không đạt hiệu quả cao. Cần chú ý các biện pháp sau:

- Chia đàn cách ly: nơi có bệnh thì tập trung lợn mẹ và lợn con theo mẹ vào một khu, lợn cai sữa và lợn vỗ béo vào một khu, sớm vỗ béo để mổ thịt, tiêu độc chuồng trại. Không thả rông lợn.

- Không chọn lợn con ở cơ sở có bệnh giun thận để làm giống.

- Phòng bệnh ở chuồng lợn mẹ có bệnh theo cách: không để nước tiểu và phân chảy ra ngoài gây ô nhiễm. Định kỳ sát trùng chuồng bằng crezin, giữ chuồng khô ráo có ánh nắng để diệt ấu trùng. Sau khi cai sữa nên cách ly lợn con và sa thải lợn mẹ.

Câu 64. *Nguyên nhân gì làm cho lợn nái gầy và sỏi?*

Trả lời: Đó là *hội chứng lợn nái gầy*, thường thấy ở lợn nái cho con bú và bắt đầu chữa lại, bị gầy rộc đi, không

thể khôi phục được trọng lượng cơ thể sau thời kỳ mang thai. Hội chứng này dẫn tới lợn không động hờn trở lại và sởi. Nguyên nhân chính thường do khẩu phần ăn thiếu năng lượng và bị nhiễm nhiều ký sinh trùng (giun sán) trong cơ thể.

Để phòng hội chứng này phải đảm bảo khẩu phần cho lợn nuôi con và lúc mới chữa, thỏa mãn các nhu cầu để duy trì, sản xuất và sinh trưởng cho lợn nái và phải tẩy giun sán theo định kỳ một năm hai lần.

Câu 65. *Lợn nái chảy nước ở âm hộ và không cho con bú là vì nguyên nhân gì?*

Trả lời: Khi lợn nái đẻ nếu nuôi không đúng cách hoặc chuồng bẩn thì các vi khuẩn, mycoplasma, các cầu khuẩn, vi khuẩn đường ruột xâm nhập gây ra viêm vú. Người ta thường gọi là *hội chứng viêm vú, viêm tử cung và cạn sữa* với các triệu chứng sau: Lợn sốt, không cho con bú, âm hộ có dịch nhầy màu hồng chảy ra.

Để phòng bệnh, phải vệ sinh chuồng tiêu độc cẩn thận, giữ chuồng khô ráo và tắm cho lợn trước khi đẻ. Cho ăn nhiều rau non để đề phòng táo bón.

Điều trị bằng tiêm oxytixin (5 – 20 đơn vị cho lợn nái đến 200 kg) và dùng một trong các loại kháng sinh sau đây:

- Ampixilin 25 mg/kg/ngày
- Tetraxilin hay cloramphenicol 30 – 50 mg/kg/1 ngày.
- Biseptol 30 mg/kg/1 ngày.

BỆNH CỦA CHÓ

Câu 66 *Bệnh caré ở chó là bệnh gì?*

Trả lời: Ngoài bệnh dại ra, *bệnh caré* là một bệnh gây chết nhiều cho chó. Bệnh do một loại virút có họ hàng với virút sởi của người, thường xảy ra ở chó từ 3 đến 6 tháng tuổi, nhưng cũng có cả ở chó nhỏ hơn và chó lớn, nhất là chó sau khi đẻ.

Bệnh tiến triển theo ba giai đoạn. Thời gian nung bệnh là 6 – 9 ngày. Virút xâm nhập vào đường hô hấp hoặc tiêu hóa, sau đó nhiễm vào máu rồi xâm nhập vào các tế bào biểu mô. Chó bắt đầu *sốt cao 1 – 3 ngày*. *Mắt đỏ*, chảy nước mắt có đờ đặc, chảy nước mũi, sợ ánh sáng. Rồi những *triệu chứng thần kinh* xuất hiện: *bấp thít ở chân và mặt co giật, yếu chân sau*, đi mất thăng bằng hoặc liệt cả bốn chân, co giật, hàm chảy rãi, ngã và đập chân. Có lúc con vật hay khạc như vướng ở họng. *Trên da bụng nổi những mụn có mũ*. Các triệu chứng có thể diễn biến tuần tự hoặc xảy ra cùng một lúc. Bệnh tích điển hình là *mắt đỏ*. Bệnh kéo dài 1 tuần hay hàng tháng, chết đến 95%.

Chữa bệnh ít có kết quả. Nếu cần chữa thì dùng kháng sinh, các thuốc chữa triệu chứng hô hấp, tiêu hóa và trợ tim, tiếp nước.

Phòng bệnh: Tiêm vacxin nhược độc caré lúc chó cai sữa (8 tuần) và lúc 3 tháng tuổi. Phải tiêm 2 lần mới đảm bảo

miễn dịch. Hàng năm phải tiêm nhắc lại.

Câu 67. *Bệnh viêm gan virut của chó diễn biến như thế nào?*

Trả lời: *Bệnh viêm gan virut của chó, thấy ở chó các loại tuổi. Chó trưởng thành, bệnh không thể hiện rõ. Ở chó con 1 - 3 tháng tuổi bệnh thể hiện rõ. Lúc đầu chó sốt đột ngột lên 40°C và sốt cách nhật kéo dài đến 6 ngày. Chó ủ rũ, khát nước, nước mũi, nước mắt chảy và thường đi ỉa chảy. Bụng chó to dần sờ vào đau. Niêm mạc miệng nhợt nhạt và xuất huyết. Khi bụng to thì chó bị phù ở ngực, bụng và cổ. Máu loãng. Sau khi khỏi 10 ngày thì mắt bị đục tạm thời. Chó con thường chết.*

Bệnh tích đặc biệt là gan sưng to, có màu từ đất đỏ đến vàng như nghệ, mủn, trên mặt gan có chấm hay vết xuất huyết.

Chữa: Tốt nhất là truyền máu. Nếu không có, tiêm nước sinh lý có gluco 5%, tiêm kháng sinh như ampicilin, gentamixin, cloramphenicol.

Phòng bằng tiêm vaccin, mỗi năm tiêm 1 lần.

Câu 68. *Chó bị sốt, ỉa ra máu, đó là bệnh gì?*

Trả lời: Đó là hội chứng viêm dạ dày và ruột cấp do virut, còn gọi là *bệnh parvo*. Thường thường ở chó 6 tuần tuổi đến một năm. Con vật sốt kéo dài có thể tới 41°C sau 2, 3 ngày vật bỏ ăn nôn mửa, ỉa chảy, phân có màu nâu hoặc màu bạc như cá, rất thối. Giai đoạn tiếp theo là phân có lẫn niêm mạc ruột hay dịch nhầy. Chó gầy sút nhanh, bỏ

ăn hoàn toàn. Khi nán bụng cho bị đau.

Chó non 6 – 16 tuần tuổi bị bệnh rất nặng vì mất nước và máu, chóng suy kiệt, mạch yếu và lãn chết rất nhanh sau khi có triệu chứng 24 giờ.

Phần lớn chó bị bệnh đều chết. Khi mổ khám thấy toàn bộ ruột xuất huyết, niêm mạc ruột bị bong ra.

Chữa bệnh: Nếu có kháng huyết thanh thì tiêm ngay cho chó khi mới có triệu chứng vào dưới da ở 2 – 3 vị trí 10 – 40 ml huyết thanh tùy theo trọng lượng. Chống mất nước bằng tiêm sinh lý mặn ngọt vào mạch máu, cầm máu bằng vitamin K, trợ lực bằng cafein, B₁. Rửa ruột bằng nước muối, chống ỉa chảy và nôn bằng atropin. Chống bội nhiễm bằng tiêm ampixilin hay kanamixin. Cho uống hoặc thụt vào hậu môn biseptol hoặc cloramphenicol.

Để phòng bệnh, tốt nhất là tiêm phòng vacxin cho chó hai lần vào lúc 7 tuần và 12 tuần tuổi.

Câu 69. *Chó bị bệnh leptô (xoắn trùng) thể hiện như thế nào?*

Trả lời: Bệnh xoắn trùng ở chó thể hiện ra triệu chứng viêm dạ dày và ruột, vàng da, viêm thận. Những chủng độc gây bệnh là *Leptospira camicola* và *Leptospira icterohemrrhagiae*.

Thể xuất huyết thường ở chó trưởng thành. Chó sốt cao 40,5 – 41,5°C bỏ ăn, hai chân sau yếu. Sang ngày thứ hai thân nhiệt giảm còn 37 – 38°C chó ủ rũ, khó thở, khát nước, niêm mạc miệng có những nốt xung huyết, thờ có mùi hôi. Tiếp đến chó ủ rũ, rung cơ bắp, nôn ra máu, chảy

máu mũi, đau khi ta sờ vào vùng bụng, gầy rất nhanh, thân nhiệt giảm và chết.

Chó con bị xuất huyết ngoài da, táo bón, đại ít, phù mắt. Bệnh kéo dài 2 – 3 ngày đôi khi đến 5 – 10 ngày. Tỷ lệ chết 65 – 90%.

Thở vàng da thường có ở chó con. Bệnh phát triển từ từ, lúc đầu con vật sốt rồi bắt đầu vàng da ở bụng, gan bàn chân, trong tai... Khi vàng da, thân nhiệt giảm thấp còn 36 – 36,5°C. Mức độ vàng phụ thuộc vào thời gian và mức trầm trọng của bệnh.

Điều trị bằng penixilin liều cao 10.000 đ.v/kg/ngày trong 7 ngày.

Cho uống tetraxilin và cloramphenicol.

Phòng bệnh: Tiêm vaccin.

Câu 70. Chó bỏ ăn, ỉa vật, phân ít nhưng có mũi và máu là bệnh gì?

Trả lời: Đó là bệnh lỵ của chó. Bệnh gây ra bởi hai loại ký sinh trùng khác nhau: amíp và trùng roi. Amíp ký sinh chính ở ruột già còn trùng roi ký sinh chính ở ruột non, phá hoại và gây ra thương tổn. Hai loại ký sinh trùng này có thể lây nhiễm cho người và một số loài động vật khác.

Khi bị bệnh, chó kềm ăn, ỉa phân táo, sau đó ỉa lỏng màu vàng xám mùi tanh. Chó ỉa nhiều lần trong ngày. Trước khi ỉa thì đau đớn, rên rí, còng lưng để rặn. Vài ngày sau chó ỉa ít phân và phân chỉ là thứ dịch nhầy lẫn máu lờ lờ hoặc đỏ tươi. Đối với bệnh lỵ do trùng roi thì chó nôn

mùa liên tục có khi ra cả máu. Bệnh có thể gây áp xe gan. Sau cơn kịch phát bệnh chuyển thành thể mãn tính.

Phải điều trị tích cực thì mới khỏi hẳn. Thuốc chính là metronidazol (klion), cho chó uống với liều 30 – 50 mg/kg/ngày trong 5 – 6 ngày. Dùng kết hợp tetraxilin 30 – 50 mg/50 mg/kg hoặc becerin 50 mg/kg để trị các vi khuẩn khác thì kết quả tốt hơn.

Câu 71. Chó có mắc các bệnh giun sán không? Chữa như thế nào?

Trả lời: Chó thường bị các bệnh giun sán sau:

1/ **Giun đũa.** Sống ở ruột non. Ở chó trưởng thành nếu bị nhiễm thì tác hại không rõ nhưng ở chó con bệnh rất quan trọng. Nhiều trường hợp chó con 20 ngày tuổi đã có giun, do chó mẹ truyền giun qua bào thai.

Nên tẩy giun cho chó mẹ trước khi lấy giống và tẩy giun cho chó con lúc 6 – 7 tuần tuổi bằng vermox (Mebendazol) với liều 50 – 100 mg cho chó con tùy theo trọng lượng chia làm 2 lần trong một ngày trong hai ngày liên hoặc bằng levamisol 7mg/kg thể trọng uống 1 lần.

Nếu tẩy cho chó con 2 tuần nên dùng piperazin với liều 0,1g/kg hòa vào sữa cho uống và tiếp tục tẩy vào lúc 4 và 6 tuần tuổi.

2/ **Giun móc.** Là loại giun nhỏ dài độ 1cm, sống ở không tràng, tá tràng và kết tràng bám vào ruột để hút máu, tiết ra độc tố gây ra hội chứng thần kinh, rối loạn tiêu hóa và viêm ruột. Ấu trùng giun xâm nhiễm vào cơ thể chó qua đường tiêu hóa và qua da. Ấu trùng sống lâu ở những nơi

ấm ướt và ít ánh sáng.

Tẩy bằng mebendazol với liều 60mg/kg/ngày. Chia làm 2 lần. Tẩy trong 3 ngày liên tiếp.

3/ **Bệnh sán dây** rất phổ biến ở chó. Có nhiều loại sán dây nhưng ở nước ta chủ yếu có 2 loại:

Sán hạt dưa: Sán này dài khoảng 14 – 40 cm có nhiều đốt, đầu bám trong thành ruột và các đốt rụng theo phân ra ngoài. Các đốt này nhỏ như hạt dưa lê có thể nhìn thấy trên phân mới ỉa. Đốt sán có nhiều trứng khi vỡ thái trứng ra bên ngoài. Bọ chét ăn phải trứng sẽ thành ấu trùng. Chó mèo ăn phải bọ chét sẽ mắc bệnh.

Sán xo mít: Sán này dài hơn (60 cm), chiều rộng đốt 5 – 6mm. Ký chủ trung gian của sán này là ếch nhái. Chó ăn phải ếch nhái bị nhiễm sán sẽ mắc bệnh.

Chú ý: Loại sán hạt dưa rất phổ biến và có thể lây cho người nhất là ở trẻ em hay giết bọ chét cho chó và mèo, ấu trùng dính vào tay, qua miệng rồi vào ruột.

Chữa: Hiện nay có thuốc lopatol của Thụy Sĩ, chó chỉ uống 1 lần vào buổi sáng, thuốc tẩy tất cả các loại giun sán.

Liều dùng: 100 mg cho 1 – 2 kg thể trọng.

Câu 72. *Chó bị ghê, chữa như thế nào?*

Trả lời: *Bệnh ghê* làm cho chó ngứa, ăn ngủ không yên, gầy còm, có khi bị viêm da sưng mủ. Có hai loại ghê. *Ghê da* chỉ có ở chỗ da mỏng, thưa lông như bụng, nách, bẹn, gốc tai, bầu vú và âm nang. *Còn ghê bao lông* nếu nhẹ thì thấy rụng lông ở trán, mi mắt và bốn chân nếu nặng thì toàn thân, da nhăn nheo có những ổ mủ. Mùi tanh hôi.

Các loại thuốc ghê thường dùng là dipterex 0,5%, dầu ma dút, DEP, lưu huỳnh.

Đối với ghê bao lông thì dùng thuốc 666 pha loãng 1/5000, hoặc dầu hạt máu chó, hoặc cồn iot 14%. Tốt nhất là dùng ivermectin để tiêm nếu có.

- Khi trị ghê phải buộc mõm chó lại, (cho khỏi liếm thuốc) tắm bằng nước bồ kết, cây hết vảy, lau khô rồi bôi thuốc hoặc tắm thuốc.

- Bôi thuốc làm nhiều đợt, cách nhau 3 - 5 ngày 1 lần và chỉ nên bôi 1/4 vùng bị bệnh, nếu chó bị ghê toàn thân và phải bôi nhiều lần mới khỏi được.

- Nếu có nhiễm mù phải tiêm kháng sinh như gentamixin.

- Chuồng, dụng cụ nuôi chó phải dội nước sôi để giết cái ghê.

BỆNH CỦA THỎ

Câu 73. *Chữa ghê thỏ như thế nào?*

Trả lời: Trong chăn nuôi thỏ bệnh hay gặp nhất là bệnh ghê. *Bệnh ghê* ở thỏ thường có 2 loại: ghê da và ghê tai.

Trong bệnh *ghê da*, các nốt ghê (vẩy sần sùi) thường thấy ở mõm, ở chân, xung quanh mắt và trán. Nhiều thỏ bị ghê, đau miệng không ăn uống được, gầy còm rồi chết.

Thỏ còn bị một loại ghê khác là *ghê tai*. Cái ghê sinh sản trong lỗ tai thỏ. Lúc đầu bệnh âm ỉ, thỏ chỉ lắc đầu và gãi bằng chân sau. Sau khi phát triển lên, thì thỏ lắc đầu nhiều hơn và luôn luôn nghiêng đầu. Khi bị viêm tai, con vật đi đứng không bình thường, mất thăng bằng và ngã. Thỏ bỏ ăn, gầy còm và chết trong vài ngày. Khám tai thấy trong lỗ tai có vảy màu vàng và dịch xuất vàng có nhiều cái ghê.

Chữa bệnh: Lấy dung dịch 666 1,5% trong cồn pha với dầu thực vật (5 phần dung dịch 666 trộn với 95% phần dầu). Bôi 3 lần cách nhau 6 – 8 ngày. Tẩy uế chuồng trại bằng crezin.

Nếu trong lỗ tai có ghê thì lấy bột ráy rồi bơm thuốc vào như chữa ghê ngoài da.

Câu 74. *Thỏ có bị các bệnh ngoài da khác không?*

Trả lời: Các bệnh ngoài da của thỏ gồm có:

1– **Bệnh nấm đóng vảy.** Vết nấm từ mũi lan lên trán,

xung quanh mắt, tai, đầu chân có khi khắp thân, lông rụng và hình thành vảy. Bệnh lan nhanh khi thời tiết nóng ẩm.

Chữa bằng bôi cồn iốt hoặc ASA, nếu không khỏi thì hòa griseofulvin vào nước cho uống với liều 25mg/kg ngày, uống trong nhiều ngày.

2- Các áp xe

Nếu do *tu cầu vàng* gây ra thì khắp thân có mụn nhỏ hoặc vài mụn lớn. Thỏ mẹ bị bệnh thì toàn bộ ổ thỏ non sẽ chết hết trong vài ngày.

Nếu do vi khuẩn *Pasteurella* thì thỏ bị viêm phổi và có các áp xe to ở mặt, lưng và đùi.

Nếu do *Spherophorus necrophorus*, thì áp xe có mũ đặc màu trắng ở mặt, lườn và mặt ngoài đùi. Các vi khuẩn này kết hợp với các vi khuẩn khác gây ra những ổ áp xe ở chân sau của thỏ.

Chữa: Nếu các bệnh tích chưa thành áp xe, chỉ ở dạng viêm và phát ban thì dùng dung dịch sunfát đồng hoặc sunfát kẽm, nếu đã chuyển thành eczêma thì dùng thuốc mỡ có ôxit kẽm và bismut. Khi áp xe đã chích mũ, thì rửa bằng nước ôxy già, bôi dung dịch iốt hay thuốc mỡ có iodoform. Cần điều trị toàn thân bằng kháng sinh như spiramixin, streptomixin, teramixin, v.v...

Câu 75. *Thỏ mọc u trước tiên ở mặt sau lan ra khắp thân, lây lan nhanh là bệnh gì?*

Trả lời: Đó là bệnh *u nhầy*. Bệnh này chỉ riêng cho thỏ, gây ra do một loại virut đầu lây lan rất mạnh qua tiếp

xúc hay qua muối dốt. Bệnh điển hình thường tiến triển như sau: Sau khi bị lây 24 – 48 giờ thì xuất hiện u nhầy, đầu tiên ở chỗ côn trùng đốt, thường ở gốc tai và rìa hố mắt, mắt sưng húp chảy nhiều nước mắt, sau thành mù làm cho mí dính lại. Các u nhầy thứ cấp mọc và dính với nhau làm cho mắt sưng lên. Con vật mất khứu giác đánh hơi không được. Trong giai đoạn toàn phát, các u nhầy thứ phát mọc ở lỗ đít, búi dái, âm môn làm cho vùng đó sưng, phù thũng có màu đỏ sau chuyển thành tím sẫm. Con đực bị viêm tinh hoàn sờ vào đau đớn, rồi hoại tử. Ở giai đoạn kết thúc xuất hiện các u nhầy ở trên thân, đó là những cục không cứng, to bằng hạt dẻ; nếu ở trong da thì sờ không đau và không nóng, nếu ở dưới da thì không di động. Các cục có nhiều nhất ở gốc tai và mặt. Các hạch lâm ba ở gần đó bị sưng.

Con vật chết vì kiệt sức và ghệt thở trong vòng 10 ngày kể từ khi có triệu chứng.

Phòng và chữa:

- Cách ly triệt để con ốm
- Chữa triệu chứng
- Nơi nuôi nhiều thỏ thì dùng vaccin tiêm phòng.

Câu 76. *Chữa các bệnh đường hô hấp của thỏ như thế nào?*

Trả lời: Thỏ là vật rất nhạy cảm với các bệnh đường hô hấp. Nguyên nhân chủ yếu là vi khuẩn *Pasteurella* và *Bordetella*.

Triệu chứng: Thường thấy nhất là sổ mũi. Con vật hắt hơi, chảy nước mũi có bọt sau thành mũi bít kín lỗ mũi làm cho con vật thở khò khè. Cũng thấy cả chứng viêm kết mạc mắt.

Nếu sổ mũi thông thường thì chỉ có một số con bị mắc, nếu do vi khuẩn tụ huyết trùng (*Pasteurella*) thì rất nhiều con bị và chết nhiều. Trong trường hợp này còn thấy thỏ chậm phát triển và rối loạn sinh sản.

Sau khi sổ mũi, con vật có thể chuyển sang bệnh viêm phế quản và phổi. Chúng nằm chắt đống trong chuồng, ho, khó thở, bỏ ăn và gầy rất nhanh. Con vật sẽ chết hoặc bệnh trở thành thể mãn tính và mang trùng, đó là các ổ bệnh rất nguy hiểm.

Để đề phòng phải giữ vệ sinh chuồng trại và tiêm phòng vacxin tụ huyết trùng hoặc vacxin tụ huyết trùng và bordetella. Thỏ nuôi thịt tiêm vacxin một lần, còn thỏ giống phải tiêm 2 lần. Chữa bằng kháng sinh. Tiêm streptomixin với liều 100mg/kg/ngày vào dưới da trong ngày hoặc teramixin với liều 10mg/kg/ngày (tiêm) hoặc với liều 50 – 100 mg/kg (uống trong 7 ngày).

Câu 77. *Bệnh cầu trùng của thỏ nguy hiểm như thế nào? Cách phòng và chữa?*

Trả lời: Thỏ từ 5 đến 15 tuần tuổi dễ bị mắc bệnh cầu ký trùng. Có nhiều yếu tố như thức ăn, môi trường và các mầm bệnh khác làm bệnh phát sinh. Ở thỏ có tới 10 loài ký trùng (4 loài sống ở ruột 1 loài ở gan), có độc lực khác nhau. Loài ở gan gây ra những nốt trắng trên gan làm cho

con vật gầy nhưng không chết. Bệnh cầu ký trùng ở ruột gây ra ỉa lỏng, đôi khi có máu và mất nhiều nước. Những con bị bệnh kéo dài thì chậm lớn, bụng to.

Rất khó thanh toán bệnh này vì đại bộ phận thỏ đều có mầm bệnh trong cơ quan tiêu hóa.

Điều trị bằng sunfadimetoxin hoặc sunfaquinoxalin với liều 25 mg/kg/ngày trong 3 – 5 ngày hoặc pha 1 – 2 g sunfaquinoxalin vào 1 lít nước cho uống tự do trong 3 ngày.

Phòng bệnh: – Luôn cho thỏ uống nước sạch.

– Thức ăn không bị nhiễm nước ao tù, nước bẩn.

Câu 78. Thỏ còn nhiễm bệnh nào khác ở đường tiêu hóa không?

Trả lời: Có nhiều. Dưới đây là một vài bệnh chính: Khi bị nhiễm *salmonella* (bệnh phó thương hàn) thì trong đàn, thỏ chữa bị sẩy thai, thỏ mới đẻ chết và thỏ non bị viêm phổi và ruột.

Khi bị nhiễm độc tố do vi khuẩn *Clostridium*, thỏ hoặc bị táo bón và đầy hơi hoặc đi ỉa 1 – 2 ngày rồi chết. Ruột có hơi và chấm xuất huyết, gan nhợt, thận nhũn. Nguyên nhân dẫn đến bệnh có thể là cho ăn nhiều đậm và ít cho uống nước. Có thể chữa khi mới có triệu chứng bằng ampicilin hoặc linconixin. Ngoài hai bệnh vừa kể, thỏ có thể bị đi ỉa tóe ra nước. Thỏ từ 3 tuần đến 12 tuần dễ bị và chết rất nhanh (24 – 48 giờ), với tỉ lệ cao 50 – 90%. Những con lớn thì ít chết hơn nhưng chậm lớn. Mổ khám thấy ở manh tràng phân loãng như nước, gan có chấm hoại tử. Dùng tetraxilin chữa có kết quả. Thỏ còn bị đi ỉa ra

mũi nhầy. Bệnh thường gặp ở thỏ 5 – 7 tuần. Trong ruột có một lớp mũi lầy nhầy như lòng trắng trứng. Dùng các loại kháng sinh có thể giảm tỉ lệ chết.

Chú ý: Nên dùng dấm (10 ml) pha vào 1 lít nước cho uống trong vòng một tuần để tránh rối loạn tiêu hóa.

Câu 78. Dùng thuốc chữa bệnh cho thỏ có những điều gì cần chú ý?

Trả lời: Chữa bệnh cho thỏ thì phương pháp hòa thuốc vào nước uống hay trộn thuốc vào thức ăn là tốt nhất. Trộn thuốc vào thức ăn thì con ăn nhiều, con ăn ít, nhưng hòa thuốc vào nước thì thỏ phải uống. Thuốc dùng phải là loại tan hoàn toàn. Khi cho thỏ uống phải biết được lượng nước cần cho mỗi loại thỏ và phải có chuồng nhốt từng loại thỏ nếu nuôi nhiều.

Tiêm thuốc cho thỏ nên dùng kim ngắn. Để thỏ nằm và chọc thẳng vào nếp da ở cổ hay giữa hai vai là phương pháp thường dùng nhất.

Thỏ rất nhạy cảm với thuốc nên cần chọn các thuốc sau đây (liều cho uống hoặc tiêm trong 1 ngày).

Streptomixin	50 – 100 mg/kg thể trọng
Cloramphenicol	30 – 100 mg/kg – chữa 3 – 5 ngày
Tetraxilin	30 – 50 mg/kg chữa 5 ngày
Spiramixin	50 – 100 mg/kg
Tylosin	50 – 100 mg/kg – chữa 3 tuần
Griseofulirine	25 mg/kg – trong 4 tuần.

Biseptol 25 mg/kg.

Có thể kết hợp spiramixin (50 mg) và streptomixin 100 mg cho 1 kg thể trọng 1 ngày. Không được dùng kết hợp tetraxilin và cloramphenicol vì hỗn hợp này có thể gây phản ứng bất lợi cho thỏ.

CÁC BỆNH CỦA GIA CẦM

Câu 79. *Bệnh Niu cat xon có phải là bệnh dịch nguy hiểm nhất của gà không?*

Trả lời: *Bệnh Niu cat xon là bệnh dịch chính và nguy hiểm của gà do một loại virut gây ra có tính chất lây lan mạnh và gây chết nhiều. Bệnh lây lan qua đường hô hấp và tiêu hóa. Virút có thể lây nhiễm cho các gia cầm và dã cầm.*

Khi mắc bệnh, gà lù rù, tách đàn và bỏ ăn, uống nhiều nước, chảy nước mũi, nước dãi, ngáp và thở khó, thỉnh thoảng lại vươn đầu kêu "toóc". Mào tím, chân lạnh và sốt cao. Phân lỏng có màu xanh và lẫn mũi máu. Trước khi chết gà liệt hay lên cơn co giật.

Nếu bệnh kéo dài gà có triệu chứng thần kinh, di xiêu vẹo mắt thăng bằng và ngã ngửa, cổ vẹo, co giật bắp thịt. Tỷ lệ chết tới 90%.

Bệnh tích chủ yếu là xuất huyết và có những nốt loét ở cuống mề và hậu môn trên mặt phủ lớp bã đậu. Bệnh không chữa được. Chỉ có biện pháp phòng bệnh bằng tiêm vaccin. Hiện nay có hai chủng vaccin. Chủng Lasota dùng miễn dịch cho gà con và gà dò, còn chủng hệ I dùng cho gà từ 2 tháng tuổi trở lên. Chủng Lasota chỉ dùng để rửa mũi, hoặc pha vào nước uống, còn chủng hệ I thì tiêm dưới da hay chủng vào cánh. Chủng Lasota trên miễn dịch được 3 tháng, chủng hệ I gây miễn dịch dài hơn.

Lịch tiêm phòng vaccin ở các trại bị uy hiếp:

Vaccin Lasota cho gà 3 ngày và 8 ngày tuổi, vaccin hệ 1 cho gà 35 ngày tuổi sau đó mỗi năm tiêm vaccin hệ 1 một lần.

Ở các trại an toàn dịch: dùng vaccin Lasota lúc gà 7 ngày và 30 ngày tuổi, vaccin hệ 1 lúc gà 60 ngày tuổi. Sau đó mỗi năm tiêm nhắc lại bằng vaccin hệ 1.

Câu 80. Gà vịt có nhiều trường hợp chết đột ngột, đó là bệnh gì?

Trả lời: Đó là bệnh tụ huyết trùng gia cầm, rất phổ biến ở nước ta do vi khuẩn *Pasteurella* gây ra. Gà, gà tây, vịt, ngỗng ngan, bồ câu đều mắc bệnh nhưng vịt, ngan dễ mắc nhất.

Gia cầm mắc thể quá cấp thường chết rất nhanh (sau bữa ăn hay trên giàn đậu) mà không có biểu hiện triệu chứng gì.

Ở thể bệnh bình thường con vật ủ rũ, bỏ ăn, đi xiêu vẹo, thở khó, niêm mạc và mào tím thẫm, đi ỉa lỏng về sau có máu. Thân nhiệt $43 - 44^{\circ}\text{C}$, khát nước. Con vật kiệt sức rất nhanh, mào da tím bầm, thở khò khè, nằm bẹp xuống và dấy chết. Bệnh tiến triển trong vòng 2 - 5 ngày. Ở vịt chân thỏ thì những con bị bệnh thường yếu, lùi lại rất xa đàn, ỉa phân xanh, nhanh chết.

Nếu bệnh kéo dài, gà còn có triệu chứng đau mắt, chảy nước mũi, sưng khớp, có các ổ áp xe và viêm não.

Chú: Khi trong đàn đã có con mắc bệnh thì nên chữa toàn đàn. Phân loại những con hoàn toàn khỏe và những

con có triệu chứng. Tiêm từng con một, tiêm con khỏe trước, con ốm sau. Tiêm cloramphenicol hay gentamixin hoặc cho uống sunfamit, tetraxilin, cloramphenicol hoặc gentamixin trong 3 - 5 ngày.

Đối với vịt khi chữa không thả vịt xuống nước.

Phòng: - Phải thực hiện vệ sinh phòng bệnh.

- Tiêm phòng vacxin tụ huyết trùng (nên tiêm 2 lần cách nhau 3 tuần) và tiêm trước vụ đẻ trứng.

Câu 81. *Vi khuẩn Salmonella gây cho gia cầm những bệnh gì?*

Trả lời: *Bệnh Salmonella gây bệnh ở gia cầm có nhiều chủng. Riêng bệnh ỉa phân trắng của gà và gà tây là do chủng S.pullorum.*

Khi đã nhiễm khuẩn, gà con có thể chết ngay sau khi nở hoặc sau đó ít ngày. Gà con ốm có triệu chứng sã cánh, đầu rũ xuống, xù lông, đi chậm chạp, bụng to, phân trắng, lông dính bết ở hậu môn. Thường gà chết nhiều vào tuần tuổi thứ hai sau giảm dần.

Ở gà lớn chỉ có triệu chứng sụt sản lượng trứng, vỡ trứng trong dạ con, viêm xoang bụng. Tỷ lệ nở của trứng thấp hoặc con nở ra thì mắc bệnh. Gà lớn còn bị viêm khớp.

Các chủng Salmonella khác thì gây bệnh cho vịt, ngan, ngỗng và các loài động vật khác kể cả người.

Ở vịt, ngỗng: Dấu hiệu của bệnh Salmonella là tỷ lệ trứng có phôi chết cao hoặc có nhiều vịt ngỗng con chết sau khi nở vài ngày và vịt, ngỗng con chậm lớn, đi phân loãng và chết hoặc viêm khớp. Ở vịt lớn thì ỉa chảy, gầy sút, viêm

lỗ huyết và buồng trứng

Ở gà tây con thì ỉa chảy, chậm lớn, viêm giác mạc và mù.

Để phòng bệnh, phải thực hiện vệ sinh chuồng trại nghiêm ngặt, kiểm tra thức ăn và nước uống, không để chuột và chim xâm nhập chuồng. Chỉ nên nuôi gia cầm theo từng đợt, khi bán hết và tẩy uế chuồng mới nhập đợt mới. Chỉ nuôi gà con lấy từ cơ sở không có bệnh.

Nơi nuôi gà đẻ phải kiểm tra huyết thanh vào lúc 8 – 12 tuần và lúc đang đẻ xem gà có mang bệnh không. Loại thải những gà đẻ có bệnh và không dùng trứng để ấp.

Để chữa bệnh dùng các loại kháng sinh như tetraxilin, cloramphenicol, sunfamit, nitrofurant. Để điều trị hàng loạt thì trộn thuốc vào thức ăn hay nước uống ít nhất trong 5 ngày.

Chú ý: Những con khỏi bệnh vẫn còn mang trùng và đó là nguồn lây bệnh.

Câu 82. *Gà vịt bị bệnh đậu phòng chữa như thế nào?*

Trả lời: Bệnh đậu là bệnh truyền nhiễm do virus gây ra. Các loài động vật đều mắc bệnh. Mỗi loài có một chủng gây bệnh riêng.

Gà mắc bệnh đậu thì ở trên mào, mép nổi mụn sần sùi có vẩy có khi cả ở trên thân và mi mắt. Nếu nốt đậu mọc ở đường hô hấp trên và miệng thì gà bị đau mắt, sổ mũi và trong miệng có màng giả, tỷ lệ chết tùy theo thể bệnh và các vi khuẩn bội nhiễm. Thể ngoài da nhẹ nhất.

Vịt cũng mắc bệnh: Nốt đậu mọc ở da đầu chỗ sát với

mỏ và ở chân. Bệnh có thể lây cho ngan. Bệnh này hiếm thấy ở miền Bắc Việt Nam, mới chỉ thấy ở miền Trung.

Chữa bệnh: Cho thêm các vitamin vào thức ăn. Nếu nhiễm ở đường hô hấp và tiêu hóa thì dùng kháng sinh hoặc sunfamit để phòng bội nhiễm.

Phòng bệnh: Dùng vaccin chủng cho gà vào lúc 3 tuần tuổi.

Câu 83. Gà bị chảy máu ở cơ đùi và túi huyết bị sưng là bệnh gì?

Trả lời: Bệnh này do virus gây ra gọi là bệnh gumboro. Bệnh mới phát hiện ở một số nơi nuôi gà công nghiệp. Gà 15 ngày tuổi đến 15 tuần tuổi thường mắc bệnh. Bệnh xuất hiện bất thần: hôm trước gà còn khỏe, hôm sau đã có nhiều con chết, nhiều con trong đàn ủ rũ bỏ ăn, khát nước, đi loạng choạng, ja phân xanh có những vệt trắng và đôi khi lẫn máu. Tỷ lệ mắc bệnh tới 80%, tỷ lệ chết khoảng 30%.

Bệnh tích rất đặc trưng. Túi lỗ huyết (ở trong xoang bụng sát hậu môn) sưng to, bên trong bị viêm hoặc có bã đậu, thận bị viêm và thấm vệt trắng. Xuất huyết ở cơ đùi và cuống mề.

Phòng bệnh bằng vệ sinh và tiêm vaccin.

Câu 84. Gà công nghiệp bị liệt và đồng tử mắt bị méo là bệnh gì?

Trả lời: Đó là bệnh Marek. Bệnh này do virus Herpes gây ra cho gà mái và gà giò. Tại Việt Nam bệnh đã xảy ra ở một vài nơi nuôi gà công nghiệp.

Gà mới nở dễ bị nhiễm virus. khi bị lây ở lò ấp thì lúc 3 tuần tuổi gà đã phát bệnh. Thông thường bệnh hay xảy ra ở gà từ 16-18 tuần tuổi với các triệu chứng:

- Hoặc chỉ kém ăn, gầy, đi ỉa, khó thở và liệt chân, sã cánh.

- Hoặc đồng tử mất biến dạng thành hình bầu dục, hình răng cưa, và nhạt màu.

Gà đẻ thì giảm đẻ. Những con đã biểu hiện triệu chứng thì thường chết, những con còn lại trong đàn thì bị bệnh thể ẩn.

Tỷ lệ ốm 5-10%, tỷ lệ chết 50%

Có thể xác định bệnh qua mổ khám. Ở gan, lách, buồng trứng, thận, phổi có các khối u bằng hạt đỗ xanh đến hạt lạc. U hình tròn, trắng và cứng. Dây thần kinh đùi sưng to gấp hai tới ba lần, màu đục dễ đứt.

Bệnh lây qua đường hô hấp. Virus nằm trong tế bào vẩy da bao lông của gà bệnh. Khi thay lông, vẩy bay vào không khí lẫn với bụi; gà khỏe hít phải sẽ nhiễm bệnh

Phòng bệnh: Chỉ nên nuôi gà con mua từ trại không có bệnh và nuôi từng đợt. Khi bán hết gà phải tiêu độc kỹ và để trống chuồng một thời gian mới nuôi đợt khác. Tiêm phòng cho gà con một ngày tuổi bằng vacxin.

Câu 85. *Vịt ỉa chảy, sưng đầu là bệnh gì?*

Trả lời: Đó là bệnh dịch tả vịt. Bệnh do một loại virus gây ra, lây lan nhanh và gây chết tới 90%. Diễn biến của bệnh trong vòng 3-4 ngày.

Lúc mới mắc, vịt bỏ ăn, sốt cao, khát, nước mũi chảy

trước trong sau đục, *mi mắt sưng dầy dử*. Nước mũi chảy đục như mù, bít kín cả lỗ mũi. Vịt bệnh *thở rất khó khăn*. Sau đó con vật *ìa phân xanh, loãng*, đôi khi có máu dính bề bết quanh lỗ huyết. *Đầu bị phù thũng, chân liệt*. Vịt có hiện tượng sợ ánh sáng. Ở con đục dương vật tòi ra, có những vết loét.

Trong đàn vịt đẻ thì giảm đẻ rõ rệt.

Bệnh tích: Xuất huyết khắp cơ thể nhưng đặc trưng là đường tiêu hóa có những *chấm xuất huyết, nhiều nhất ở cuống mẽ và trực tràng, bên trên có phủ lớp màng giả khó bóc*. Gan màu đồng có những chấm hoại tử trắng, túi mật sưng to.

Virut có thể gây bệnh cả cho ngan và ngỗng. Triệu chứng và bệnh tích cũng tương tự như ở vịt.

Bệnh không chữa được. Trường hợp đàn vịt mới chớm mắc vài con thì có thể cứu đàn vịt bằng cách tiêm vaccin dịch tả vịt nhược độc cho toàn đàn. Những vịt nào đã nhiễm virut thì phát bệnh ngay còn những con chưa nhiễm virut sẽ được bảo hộ. Nếu tiêm sớm thì có thể cứu được 90% vịt.

Phòng bệnh: Tiêm vaccin cho đàn vịt đẻ mỗi năm hai lần. Tiêm vaccin cho vịt thịt lúc 3-5 tuần tuổi. Trường hợp trong vùng có dịch thì tiêm vaccin cho vịt lúc một ngày tuổi và tiêm nhắc lại lúc 3-5 tuần tuổi.

Câu 86. *Vịt con chết đột ngột với triệu chứng co giật là bệnh gì?*

Trả lời: Bệnh viêm gan vịt do một loại virut gây ra.

Vịt con dưới 5 tuần tuổi dễ mắc nhất. Vịt bị bệnh chỉ ủ rũ, không ăn, rồi có triệu chứng thần kinh ngã vật ra, đi lảo đảo rồi co dật, đầu ngoẹo ra sau, chân duỗi đập không khí. ưỡn ngực rồi chết. Tỷ lệ nhiễm bệnh tới 100%, tỷ lệ chết từ 50–90%. Bệnh tích đặc trưng là gan sưng, mềm, mất màu và có những vết xuất huyết.

Phòng bệnh: Để đảm bảo miễn dịch cho vịt con thì phải tiêm vaccin cho vịt mẹ 2 lần cách nhau 6–8 tuần và tiêm nhắc lại lúc vịt 8 tháng tuổi. Ở nơi bị ô nhiễm nặng thì phải tiêm củng cố cho vịt con 10 ngày tuổi bằng vaccin viêm gan.

Chữa: Không có thuốc đặc hiệu, chỉ nên dùng vitamin và kháng sinh để nâng sức chống đỡ và chống bội nhiễm.

Câu 87: *Phòng và chữa bệnh dịch tả ngỗng như thế nào?*

Trả lời: *Bệnh dịch tả ngỗng* do virus Parvo gây ra, được phát hiện ở Việt Nam từ năm 1972, thường xuất hiện vào vụ đông xuân, cứ 2, 3 năm bệnh rộ lên rồi lắng xuống. Chủ yếu bệnh ở những *ngỗng con và ngan con*.

Triệu chứng: Ngỗng con dưới 15 ngày thường chết nhanh với triệu chứng thần kinh. Ngỗng 15–30 ngày tuổi khi ốm thì tách đàn đứng tụm lại với nhau, lông rụng, liên tục *chảy mũi đặc, chảy nước mắt, khó thở, luôn vẩy mỏ, chậm lớn và chậm mọc lông*. Ngỗng chết có bệnh tích sưng gan, viêm rìa gan có tơ huyết, *viêm thận có nước trong xoang bụng, tim sưng, môm tim không nhọn*.

Ở thể bệnh muộn, ngỗng trên một tháng tuổi chỉ có

triệu chứng thần kinh rồi chết với bệnh tích xuất huyết.

Để miễn dịch cho ngỗng con, cần tiêm vaccin cho ngỗng một ngày tuổi và tiêm nhắc lại lúc 21 ngày tuổi hoặc tiêm phòng bằng huyết thanh lúc 1 ngày rồi tiêm vaccin lúc 21 ngày. Ngỗng mái phải được tiêm phòng trước khi đẻ.

Chữa bằng tiêm huyết thanh rồi miễn dịch cho toàn đàn khi mới có bệnh; đồng thời cho vitamin và kháng sinh vào nước cho uống để phòng bội nhiễm.

Câu 88. *Vịt con bị sưng 2 bên mép, thở khò khè là bệnh gì?*

Trả lời: Đó là bệnh viêm xoang truyền nhiễm của vịt hay bệnh cúm vịt. Những năm trước, nhiều nông trường đã phát sinh bệnh này gây chết hàng vạn con. Vịt con từ 3-15 ngày tuổi dễ mắc. Triệu chứng điển hình là viêm một bên hoặc hai bên xoang. Vịt con chảy nước mũi, hắt hơi vài ngày rồi xoang sưng phồng, bên trong đầy dịch xuất. Lông ở bên cạnh mắt và trên lưng bị dịch làm dính lại và khô đi. Vịt con khàn tiếng và khó thở. Tỷ lệ chết khá cao nếu bệnh trở thành mãn tính thì vịt chậm lớn.

Bệnh tích: Trong xoang có nước nhầy hoặc bã đậu. Niêm mạc mũi, cuống thở và khí quản bị tụ máu và có chất nhầy. màng túi khí dày lên, đục. Bao tim dày có nước, gan sưng, trên mặt có phủ lớp tơ huyết.

Chữa bệnh: Trộn teramixin hay oreomixin vào thức ăn cho vịt ăn với liều 5-10mg cho một con một ngày trong 5-15 ngày.

Để tránh bệnh phát sinh, chuồng trại phải khô ráo sạch

sẽ. Cho vịt ăn đầy đủ cho thêm các loại rau củ có nhiều vitamin A như cà rốt, bí đỏ.

Câu 89. Các bệnh do *Mycoplasma* gây ra ở gia cầm có triệu chứng gì?

- Trong chăn nuôi gia cầm thả rông của gia đình thì không thấy có bệnh do *Mycoplasma* gây ra nhưng ở chăn nuôi công nghiệp, bệnh lại rất quan trọng vì có 2 yếu tố làm bệnh dễ xảy ra: Giống gà có sức đề kháng kém và chăn nuôi đông con. Có nhiều loại *Mycoplasma* gây bệnh cho gia cầm ở các thể khác nhau. Dưới đây là một số bệnh chủ yếu:

1. *Bệnh hô hấp mãn tính.*

Thường có ở gà dò do *M.gallisepticum* và *M.synoviae*. Gà dò bị bệnh *thở khò khè, ho, chậm lớn* có khi bị viêm xoang. Nếu bội nhiễm thêm *E.Coli* thì bệnh nặng hơn, dễ chết. Bệnh tích đặc trưng là túi khí dày lên, họng và khí quản có nước nhầy, nếu có *E.Coli* thì có bệnh tích có mũ. Ở gà mái bệnh chỉ biểu hiện ở sự giảm đẻ kéo dài.

2 *Bệnh viêm bao khớp truyền nhiễm*

Gà dò đang phát triển nếu bị nhiễm *M.synoviae* và *M.yowae* thì *tốc độ phát triển dừng lại, khớp xương sưng*. Triệu chứng này không đặc trưng vì vậy muốn xác định rõ phải làm xét nghiệm vi khuẩn học.

3 *Bệnh viêm xoang truyền nhiễm của gà tây do M.meleagridis.* Gà bị *viêm xoang mặt, ho, rối loạn ở khớp xương* và phát triển xương, viêm túi khí. Nếu không được chăm sóc rất dễ chết. Bệnh tích cũng giống bệnh hô hấp mãn tính. Để đề phòng bệnh này phải thực hiện nghiêm

ngặt vệ sinh chuồng trại và nuôi theo đợt, chú ý tẩy uế tốt. Định kỳ kiểm tra huyết thanh cho những gà sinh sản từ tuần lễ thứ 10 để phát hiện những con bị bệnh. Nuôi cách ly đàn bị nhiễm với đàn không bị nhiễm.

Xử lý trứng ở đàn bị nhiễm bằng cách nhúng trứng vào kháng sinh, rồi ấp ở những tủ ấp riêng, con nở ra phải nuôi riêng. Những kháng sinh thường dùng là tylosin, spiramixin, erytromixin, lincomixin và gentamixin.

Điều trị: Dùng các kháng sinh có tác dụng với mycoplasma và với E.Coli tức là phối hợp spiramixin hoặc oleandomixin hoặc tylosin với tetraxilin, cloram-phenicol, sunfamit hoặc biseptol vào nước uống để điều trị trong 5 ngày. Những con bị khớp thì phải điều trị từng con bằng tiêm gentamixin phối hợp với spiramixin. Nếu điều trị bệnh viêm xoang của gà lầy thì tiêm vào nơi bị bệnh bằng 0,5 ml tetramixin dung dịch 5%, kết quả cao nếu chữa từ lúc bắt đầu có bệnh.

Câu 90. *Ngoài bệnh do Mycoplasma, gia cầm còn mắc bệnh hô hấp nào nữa?*

Trả lời: *Bệnh nấm phổi của gia cầm chỉ thấy ở gà tây, ngỗng, vịt nuôi với mật độ đông, ở chuồng ẩm thấp thiếu vệ sinh. Thức ăn rơi vãi bị nấm mốc mọc lên. Gia cầm hít phải bào tử nấm thì phát sinh bệnh, con bệnh gầy còm, khó thở. Nếu nấm mọc ở phổi thì con vật thở có tiếng lọc sọc. Gia cầm non hay bị và dễ chết. Khi chết mổ ra thấy ở phổi và túi khí có những hạt lớn nhón màu xám. .*

Chữa bệnh: Chỉ chữa dự phòng cho gia cầm chưa có

triệu chứng bằng pha vào nước cho uống các thuốc sau đây:

- Kali iodua 5-10%.
- Tetraxilin 0,2g/lít
- Amphoterixin B 0,02g/lít

Phòng bệnh bằng giữ chuồng khô ráo, sạch sẽ, dọn sạch thức ăn rơi vãi và loại bỏ thức ăn có nấm mốc.

Câu 91. *Vịt con bị nhiễm độc tố nấm có triệu chứng như thế nào?*

Trả lời: *Vịt con rất mẫn cảm với độc tố nấm aflatoxin. Các loại thức ăn khi bị ẩm dễ bị mốc và sinh độc tố. Độc tố này có nhiều ở lạc, ngô và đỗ tương bị mốc. Một hàm lượng rất nhỏ (0,000018g) độc tố đã đủ làm cho vịt con bị chết. Đã xảy ra nhiều trường hợp nuôi vịt bằng thức ăn tổng hợp (nhìn bề ngoài không thấy mốc) làm cho vịt con phát bệnh chết hàng loạt.*

Sau khi ăn thức ăn có độc tố được hai tuần thì vịt con phát bệnh. Dấu hiệu đầu tiên là *ăn kém và chậm lớn*. Sau đó vịt rụng lông, *gầy, chân sẫm màu, dáng đi loạng choạng*. Khi gần chết có triệu chứng *co giật, ưỡn ngực và duỗi thẳng chân*. Khi mổ khám thấy *gan, mật sưng nhạt màu và có chấm xuất huyết*. Những con còn sống đến 3 tuần tuổi thì gan bị teo và xơ, tim nhạt màu, bao tim có nước, thận sưng và có chấm xuất huyết, màng bụng có nước. Khi đem thức ăn đi xét nghiệm thì mới biết trong thức ăn có độc tố aflatoxin. Cơ sở đã thay ngay thức ăn nhưng bệnh vẫn tồn tại một thời gian mới hết vì độc tố còn tồn tại ở gan và trong cơ thể.

Biện pháp phòng bệnh là không cho gia cầm ăn thức ăn mốc. Nếu nghi ngờ thức ăn có nhiễm độc tố phải gửi mẫu để xét nghiệm.

Câu 92. Gà tây bị bệnh ỉa chảy do nguyên nhân gì và phòng chữa thế nào?

Trả lời: Ngoài nguyên nhân là giun sán, gà tây còn có những bệnh gây ỉa chảy như sau:

1) *Viêm ruột xuất huyết*, một bệnh truyền nhiễm chủ yếu của gà tây nuôi công nghiệp. Ở gà 7–14 tuần tuổi có triệu chứng ỉa ra máu. Vì virus làm giảm miễn dịch của gà nên gà dễ bị nhiễm các bệnh kế phát và tỷ lệ chết rất cao. Bệnh tích chủ yếu là ở đoạn ruột non sau mổ bị viêm nặng, ruột chứa đầy máu, xác chết rất gầy.

2) *Bệnh ỉa chảy của gà tây nhỏ, do virus Corona gây ra.* Gà con chết rất nhanh, gà lớn hơn thì ỉa lỏng, gầy, đầu tím lại. Nếu gà đẻ bị nhiễm thì chỉ giảm đẻ. Ở gà tây non có bệnh tích xuất huyết ở ruột, ở gà lớn hơn thì có bệnh tích xuất huyết ở nhiều chỗ, thận và tụy có những vệt trắng như phấn.

Chữa bằng cho vào nước uống các vitamin A, B, E và D3, sữa bột và chất điện giải. Dùng các kháng sinh như tetraxilin, cloramphenicon, neomixin, streptomixin, nitrofurazon để chống bội nhiễm trong 7–10 ngày.

3) *Bệnh viêm ruột do đơn bào Histomonas.* Loại ký sinh trùng này thường ký sinh ở loài cầm nhưng ở gà tây bệnh thường nghiêm trọng nhất là ở độ tuổi 8–12 tuần. Con vật ỉa chảy, phân màu vàng thối khắm. Đôi khi còn thấy triệu

chứng mào bị tím do tuần hoàn bị trở ngại. 50–80% con vật ốm chết trong 1–2 tuần.

Ruột manh tràng sưng, viêm và loét ra, phân màu xám vàng hoặc có cục bã đậu mùi thối khắm. Gan có hình lốm đốm. Đốm có rìa màu nâu hay xám ở giữa màu trắng hay trắng và đỏ.

Phòng bệnh bằng cách không nuôi lẫn gà tây với gà ta vì gà có thể mang mầm bệnh này mà không có triệu chứng.

Phòng bệnh bằng dimetridazol. Trộn vào thức ăn với lượng 100–200g cho 1 tấn thức ăn từ lúc gà 3 tuần tuổi cho đến khi bắt đầu đẻ và 6 ngày trước khi giết thịt.

Chữa bệnh bằng cho gà uống với liều 40–50mg/kg/ngày trong 3–5 ngày rồi hạ xuống 25–30mg/kg trong 8–10 ngày.

Câu 93. *Gia cầm thường bị những loại giun sán gì? Cách phòng và chữa?*

Trả lời: *Bệnh giun sán chỉ xuất hiện nhiều ở gia cầm chân thả. Còn chăn nuôi gia cầm theo kiểu công nghiệp thì ít thấy hơn. Giun sán của gia cầm có rất nhiều loại, và gây tác hại cũng khác nhau.*

1) *Những giun sán gây nhiều tác hại của gà và gà tây:*

– *Giun dưa dài 5–9cm sống ở ruột non.*

– *Giun heterakis dài khoảng 1cm sống ở ruột non. Hai loại giun này chỉ gây ra triệu chứng khi con vật bị nhiễm nặng và thường ở gà non.*

– *Giun tóc capillaire dài 1–2cm, một loại sống ở điều*

làm cho điều dày lên, một loại khác sống ở ruột làm viêm ruột.

– *Sán dây* có rất nhiều loài, có loài dài 25cm có loài chỉ dài chưa đầy 1cm, sống trong ruột non và cần có ký chủ trung gian như giun đất, ruồi... Bệnh chỉ nặng nếu gà bị nhiễm nhiều.

– *Giun cuống mề* gây ra các hạt dò ở cuống mề, hút máu và cần ký chủ trung gian là châu chấu.

Gà tây cũng nhiễm các loài giun sán như gà nhưng mức độ nghiêm trọng hơn.

2) Những giun sán của vịt, ngỗng

– *Giun mề amidostomum* dài 1–2cm ký sinh ở ngỗng

– *Giun epimidostomum* dài khoảng 1cm sống trong mề vịt.

– *Giun tetrameres* dài gần 1cm sống trong tuyến cuống mề cần có ký chủ trung gian là rận nước.

– *Giun tóc capillaria* sống ở điều.

– *Giun dũa* sống ở ruột non

– *Giun heterakis* sống ở manh tràng.

Các bệnh giun sán kể trên lan không mạnh và chết ít.

Câu 94. Phòng và chữa bệnh giun sán cho gia cầm như thế nào ?

Trả lời: 1) Phòng bệnh giun sán cho gà tương đối dễ vì nhất trong chuồng, còn phòng bệnh cho gà tây và vịt thì khó hơn. Cách phòng tốt nhất là tẩy giun sán theo định kỳ và loại những con ốm ra khỏi đàn, phân phải ủ để diệt

trứng giun sán.

2) *Tẩy giun sán* Nếu tẩy con một thì dùng bơm tiêm cắm ống cao su bơm thuốc vào điều cho từng con. Nếu tẩy cho cả đàn thì trộn thuốc với thức ăn hay nước uống. Dưới đây là một số loại thuốc dùng tẩy giun sán cho gia cầm:

- *Tẩy giun đũa, giun héterakis ở manh tràng, giun cappillaria ở điều* thì dùng levamisol hay piperazin

- *Tẩy amidostomum (giun ở mề)* bằng uống 250mg piperazin dithiocarbomat cho 1kg thể trọng hoặc levamisol 25mg/kg thể trọng.

- *Tẩy sán* thì trộn etain (dibutyl laurate) vào thức ăn tính tỷ lệ là 500mg cho 1kg thức ăn cho ăn trong 2-6 ngày, hoặc tetrachlorure cacbon (0,3 ml cho 1kg thể trọng trộn với hồ để bơm vào điều ngỗng, hoặc dùng hạt cau sác với nước rồi bơm vào điều với liều 0,3 g/Kg) hoặc lấy hạt bí đỏ giã nhỏ rồi hòa với nước (1 phần hạt bí + 8 phần nước) nấu 1 giờ, hớt mỡ đi rồi cho thêm bột gạo nấu cháo cho ngỗng ăn. Ngỗng con ăn 1 tháng 20-30g hạt bí đỏ, ngỗng lớn 50g và chỉ cần cho ăn một lần vào lúc đói.

Phòng bệnh tetramereo (giun cuống mề): Nuôi vịt con cách ly với vịt lớn. Nếu nuôi trên ao phải có chế độ luân phiên khu chăn nuôi hoặc thay nước.

Câu 95. Tại sao vịt bị biểu cổ, đó là bệnh gì?

Trả lời: Đó là bệnh *giun biểu cổ* vịt thường thấy ở vịt 2-8 tuần tuổi chăn thả ở đồng, vùng chiêm trũng. Bệnh xảy ra vào mùa nắng và khô hạn. Bệnh gây ra do một loài giun chỉ nhỏ dài 3-4cm sống ký sinh ở tổ chức dưới da của

vịt. Kỳ chủ trung gian của giun này là loài giáp xác nhỏ sống ở ao, ruộng lúa và các vùng lầy.

Khi vịt bị bệnh thì ở đầu, dưới hàm nổi cục, lúc đầu mềm sau to lên và cứng dần làm cho tổ chức dưới da bị viêm. Bướu to làm con vật khó thở và bị nghẹn khi ăn. Bướu còn thấy ở đuôi, cánh và thân. Vịt bị bệnh gầy còm và chậm lớn

Sau 4-5 tuần, bướu teo đi và giun chết hoặc bướu sưng mù vỡ và giun tự chui ra ra khỏi cơ thể.

Để chữa bệnh này dùng diphevit tiêm trực tiếp vào bướu 2ml cho vịt 100g và 4ml cho vịt 300g. Nếu bướu mới phát triển thì sẽ xẹp đi.

Nếu bướu to thì phải mổ lấy giun ra nhưng rất khó vì giun xoắn ở trong tổ chức. Sau khi mổ bôi thuốc sát trùng rồi khâu lại.

Phòng bệnh này tốt nhất là tránh thả vịt ở các vùng lầy và ao tù, nơi có các đàn vịt bị bệnh thường đến.

BỆNH CỦA ONG

Câu 96. Ong và ấu trùng của ong thường mắc những bệnh gì?

Trả lời:

1) Có những bệnh chỉ thấy ở ấu trùng như bệnh thối ấu trùng châu Âu, thối ấu trùng châu Mỹ (do vi khuẩn) và ấu trùng dạng túi (do virus)

2) Những bệnh thường thấy ở cả ấu trùng và ong trưởng thành như các bệnh do varoa và nấm.

3) Những bệnh chỉ thấy ở ong trưởng thành:

Bệnh liệt (virus). Bệnh bại huyết (vi khuẩn)

+ Những dấu hiệu về bệnh của ấu trùng:

- Ong thừa quân, có mùi khác thường.

- Bánh tổ không đều đặn, các nắp vít lỗ tổ có hình dạng và màu sắc khác thường, đáy lỗ tổ có xác ấu trùng hoặc không có.

+ Những dấu hiệu về bệnh của ong trưởng thành:

- Ong bay rối loạn thậm chí không bay được.

- Có nhiều xác ong ở ngoài tổ, giảm số quân, có vết phân ở đờ, ong bụng căng phồng hoặc lép xuống, bò không có trật tự.

Câu 97. *Những bệnh của ấu trùng là những bệnh gì?*

Trả lời: Ấu trùng ong thường mắc một số bệnh như sau:

1) *Bệnh thối ấu trùng châu Mỹ* là bệnh do *Bacillus larvae* gây ra, lây lan mạnh. Bệnh khó diệt vì vi khuẩn có nha bào. Vi khuẩn làm chết ấu trùng ở giai đoạn duỗi dài và tiền nhộng. Khi bị bệnh ấu trùng có màu vàng nhạt, vàng nâu hay nâu. Xác chết nhót, dính, có tính đàn hồi, có mùi keo da trâu hoặc khô thành vẩy màu đen dính vào lỗ tổ.

Trên bánh tổ, lúc đầu một số lỗ tổ nắp vít màu sẫm hơi lõm xuống hoặc thủng. Khi bị nặng các lỗ tổ vít nắp và không vít nắp xen kẽ với nhau lỗ chỗ. Ở nước ta các nhà khoa học chưa phát hiện được bệnh này.

2) *Bệnh thối ấu trùng châu Âu.* Bệnh lây lan không mạnh, chỉ gây bệnh cho ấu trùng mở nắp hay ấu trùng tuổi nhỏ (3–5 ngày tuổi) do rất nhiều vi khuẩn gây nên như *Streptococcus pluton*, *Streptococcus apis* và *Bacillus alvei*. Trên bánh tổ chỉ lỗ chỗ vài lỗ tổ không vít nắp trong đó có ấu trùng tuổi nhỏ hoặc trứng. Khi đàn ong bị bệnh nặng thì không có hoặc ít có nhộng vít nắp, ong thợ có màu đen bóng (ong già) do ấu trùng chết không có ong non kế tiếp.

Khi đàn ong bị bệnh nặng ấu trùng chết có màu trắng bệch ngả dần sang màu nâu sẫm, thối rữa rời tụt vào đáy lỗ tổ, khô đi như một cái vẩy, không dính vào lỗ và không đàn hồi. Có mùi chua sau chuyển sang thối.

Phòng trừ có thể sử dụng một trong hai phương pháp sau đây:

- Cho ăn kháng sinh Có thể dùng một trong các loại kháng sinh sau hòa với một ít nước sôi để nguội cho tan rồi hòa lẫn vào 1lít xirô đường sao cho trong mỗi lít có:

Eritromixin 0,4-0,5g; kanamixin 0,4-0,5g; streptomixin 0,4-0,5g; cloramphenicol 0,4-0,5g; furazolidon 1g. Chú ý khi dùng eritromixin và furazolidon thì phải hòa tan bằng 1-2ml cồn rồi mới hòa trong xirô.

Rót xirô thuốc vào máng cho ăn 3 tối liền, nếu một tuần sau chưa khỏi thì cho ăn tiếp.

- *Phun thuốc.* Khi sắp vào vụ mật hoặc quay mật thì nên dùng phương pháp phun. Cũng dùng các loại kháng sinh trên rồi pha với nước đun sôi để nguội hoặc xirô loãng với tỷ lệ gấp đôi. Ví dụ streptomixin cho ăn là 0,5g/lít thì khi phun phun theo tỷ lệ 1g/lít. Dùng bơm tay bằng nhựa dung tích 0,5-1lít (có bán ở các trạm bảo vệ thực vật) cho thuốc vào rồi phun nhẹ nhàng cho phủ một lớp bụi nước thuốc lên mình ong và bánh tổ. Cách một ngày phun một lần. Tránh phun nhiều và mạnh tay. Phải kiểm tra bình phun đảm bảo khi phun có hạt nhỏ và đều nếu không sẽ làm chết ấu trùng và đàn ong mất ổn định.

3) *Bệnh ấu trùng túi:* Do virus gây nên, lây lan không mạnh.

Trên bánh tổ, một số ít nắp lồi xuống, một số lỗ bị cắn nhàm nhỏ, có ấu trùng nhọn đầu nhô lên miệng lỗ. Phần lớn ấu trùng chết ở giai đoạn mới vít nắp và tiền nhộng. Khi bệnh nặng cả các ấu trùng lớn tuổi sắp vít nắp cũng bị chết. Ấu trùng trắng bệch, vạch phân đốt không rõ. Phía đuôi ấu trùng hình thành túi nhỏ trong suốt hoặc vàng nhạt. Thân ấu trùng chuyển sang nâu nhạt hay nâu xám, chóp đầu nghiêng về phía bụng.

Ấu trùng chết không mùi, khi khô thành vảy cứng nhẵn hình chiếc thuyền, dễ lấy ra khỏi lỗ tổ. Khi bị bệnh nặng có đến 90% ấu trùng tuổi lớn chết và đàn ong sẽ bỏ tổ bốc bay. Đàn ong bị bệnh nhẹ thì không bốc bay nhưng quân thua dần do số quân non ra đời không đồng bằng số quân già, đàn ong lụi dần, năng suất mật thấp.

Biện pháp phòng chống dựa trên cơ sở sinh học:

1) Thay chúa đẻ đàn bệnh bằng chúa tơ hoặc mũ chúa.

2) Nhốt chúa đẻ đàn bệnh trong lồng từ 7-8 ngày. Cả hai biện pháp trên đều phải tiến hành song song với việc loại bớt cầu bệnh cũ để ong phủ kín và dày các cầu còn lại. Cho ong ăn nước đường 3-4 tối cho tới khi vít nắp.

Hai biện pháp trên đã tạo ra trong đàn ong 7-8 ngày không có ấu trùng tuổi nhỏ rất miễn cảm với virus, đồng thời đàn ong đông quân sẽ vệ sinh lỗ tổ và đổ đầy mật chuẩn bị cho chúa đẻ lại.

Câu 98. Ong trưởng thành và ấu trùng thường mắc những bệnh gì ?

Trả lời: 1) *Bệnh varroa*. Một bệnh do ve *varroa jacobsoni* gây ra. Ve nhỏ (2mm) bám trên bụng ong, đẻ trứng (7-10 quả) vào lỗ tổ ong có ấu trùng trước khi vít nắp. Lúc đầu bệnh thường không nhận thấy có khi kéo dài tới 1-2 năm nếu chỉ có 1% ong bị xâm nhiễm. Khi có 20% ong bị bệnh thì mới thấy rõ.

Triệu chứng: Ong trưởng thành yếu ớt, giảm tuổi thọ, cường độ lấy mật giảm, ong non bị cụt hoặc xoắn cánh, một số ong chết, ong chúa ngừng đẻ.

Trên bánh tổ loáng thoáng có một số lỗ nhộng già bị thủng xẹp xuống. Quan sát nhộng và ấu trùng sẽ thấy một số ve varroa và các pha non của chúng bám trên cơ thể nhộng hoặc ấu trùng, bò trên vách lỗ tổ hay đáy lỗ. Đánh giá mức độ trầm trọng của bệnh bằng tính tỷ lệ có varroa của lỗ tổ và của ong thợ.

Nhẹ: Lỗ tổ nhiễm varroa 2%, số ong thợ bị nhiễm nhỏ hơn 1%

Trung bình: Lỗ tổ nhiễm varroa từ 2-5%, số ong thợ bị nhiễm 2-3%

Nặng: Lỗ tổ nhiễm varroa lớn hơn 5%, số ong thợ bị nhiễm lớn hơn 3%

2) Bệnh *tropilaelap*

Bệnh do một loại ve nhỏ hơn ve varroa gây ra. Cũng như ve varroa, ve này đẻ vào lỗ tổ trước khi vít nắp. Trứng nở thành ve hút máu ấu trùng và nhộng. Khác với ve varroa, ve này không hút máu ong trưởng thành nhưng sinh sản nhanh hơn nên ấu trùng ong bị ve đốt chết nhiều, đàn ong giảm quân nhanh.

Phòng trị bệnh:

Biện pháp tốt nhất là nuôi đàn ong mạnh luôn có khả năng tạo chủ động ấu trùng ong đục để "bẫy ve". Khi ấu trùng vít nắp thì loại bỏ để diệt ve như sau:

- 1) Loại bỏ cầu ấu trùng.
- 2) Phân nhóm đàn ong để trị bệnh.
- 3) Dùng cầu cách li cho chúa đẻ.

Câu 99. *Bệnh nhiễm trùng của ong trưởng thành có những đặc điểm gì?*

Trả lời: *Bệnh nhiễm trùng bại huyết* là bệnh của ong trưởng thành do một số loài vi khuẩn *Pseudomonas* và *proteus* có sẵn ở nơi bẩn và ẩm thấp xâm nhập vào cơ thể ong.

Ong bị bệnh mất khả năng bay, lông rụng, bò lổm ngổm ở gần tổ sau chết cứng. Các cơ quan nội tạng và cơ của ong chết bị phân hủy rất nhanh từ trắng hồng chuyển thành nâu, đen, dễ nát, có mùi thối.

Trị bệnh Chuyển ong đến địa điểm cao ráo, cho ăn một trong các kháng sinh sau: cloramphenicol, streptomixin, neomixin. Pha 1 triệu đơn vị thuốc vào 1 lít xirô cho ong ăn theo liều 100ml/1 cầu/1 tối.

Phòng bệnh: Để ong nơi khô ráo, xa chuồng gia súc.

Cho ăn kháng sinh liều thấp bằng 2/3 liều chữa. Cho ăn thêm 0,5g vitamin C cho một cầu ong.

Câu 100. *Ong ngộ độc thường có những triệu chứng gì?*

Trả lời: Ong ngộ độc thường do thuốc trừ sâu và một số loại hoa có chất độc.

1) *Ngộ độc hóa chất và thuốc trừ sâu.*

Biểu hiện dễ nhận thấy là nhiều ong chết trên sân quanh tổ ong. Ong chết thè lưỡi dài, nhiều con còn mang phấn và mật. Có con bò lổm ngổm, có con xoay tròn.

Trong thùng ong phảng phất mùi thuốc, có nhiều ong chết ở đáy thùng, sau 2-3 ngày thì ấu trùng nhỏ và lớn

cũng chết.

Khi đã biết địa phương có phun thuốc trừ sâu cho cây trồng thì chỉ cách chuyển ong đi chỗ khác mới phòng được ngộ độc cho ong.

Nếu không chuyển được thì phải nhốt ong nhưng phải chống nóng và đảm bảo thoáng, cho ong ăn nước đường loãng. (100 ml/1 cầu).

2) Bệnh hoa trà

Bệnh xảy ra khi đưa ong đến vùng hoa trà nở tập trung vào mùa khô hanh.

Triệu chứng: Ong thợ giảm số lần bay đi lấy mật, một số ong bay chệch hướng, bám vào ván bay không chắc, run rẩy.

Ấu trùng sau 3 ngày tuổi bị chết hàng loạt ở mọi vị trí bánh tổ. Ấu trùng lớn tuổi chết lún xuống đáy tổ nhưng không có mùi thối rữa.

Phòng bệnh

- Nếu phải đặt ong ở vùng hoa trà thì trước đó cho ăn đầy đủ để có mật dự trữ.

- Những ngày khô hanh cho ăn thêm nước đường loãng (2 nước + 1 đường). Cứ mỗi lít vắt thêm nửa quả chanh cho mỗi đàn ăn mỗi tối 200-300ml trong 3 tối liền.

PHỤ LỤC

1- Một số chỉ tiêu sinh lý của súc vật khỏe

a- Thân nhiệt trung bình của súc vật khỏe

<i>Ngựa và lừa</i>	Trung bình	37,5–38°C
	Sáu tuần đầu sau khi sinh	40°C
	đến 6 tháng tuổi	39–40°C
<i>Bò</i>	Đến 9 tháng tuổi	38,8–39,5°C
	Trên 1 năm tuổi	38–39°C
	Trung bình	38,6°C
<i>Trâu</i>	1–2 tuổi	38,3–38,5°C
	Trưởng thành	38°C
<i>Cừu, dê</i>		39–40°C
<i>Lợn</i>		39–39,5°C
<i>Chó, mèo</i>		38,5–39°C
<i>Gia cầm</i>		40,5–42,5°C

b- Tần số thở của súc vật khỏe

<i>Ngựa</i>	Non	10–20 lần/phút
	Trưởng thành	9–18
	Già	8–15
<i>Bò</i>	Non	18–20 lần/phút

	Trưởng thành	15-18
	Già	12-15
<i>Trâu</i>	1-2 tuổi	26-29 lần/phút
	Trưởng thành	24 lần/phút
<i>Đê và cừu</i>	Non	15-18 lần/phút
	Trưởng thành	12-15
<i>Lợn</i>		13-15 lần/phút
<i>Chó</i>	Non	18-20 lần/phút
	Trưởng thành	16-18 lần/phút
	Già	14-16 lần/phút
<i>Gia cầm</i>	Tùy loài	14-26 lần/phút

c- Tần số mạch trung bình của súc vật khỏe

<i>Ngựa</i>	Ngựa con (đến 2 năm tuổi)	50-70 lần/phút
	Trưởng thành	36-40 lần/phút
	Ngựa già	32-38 lần/phút
<i>Bò</i>	Bò kéo	36-48 lần/phút
	Bò thịt	48-60 lần/phút
	Bò cái	70-80 lần/phút
	Bê (đến 1 năm tuổi)	70-100 và trên nữa
<i>Trâu</i>	1-2 tuổi	60-69 lần/phút
	Trưởng thành	56 lần/phút
<i>Đê, cừu</i>	Non	90-100 và trên nữa
	Trưởng thành	75-85 lần/phút
	Già	60-65 lần/phút

<i>Lợn</i>	Non	100-110 lần/phút
	Trưởng thành	60-80 lần/phút
<i>Chó</i>	Non	110-120 lần/phút
	Trưởng thành	90-110 lần/phút
	Già	70-80 lần/phút
<i>Mèo</i>		110-140 lần/phút
<i>Gia cầm</i>		130-165 lần/phút
<i>Thỏ</i>		120-140 lần/phút

2- Các thuốc kháng sinh kháng khuẩn

Penixilin. Có tác dụng với vi khuẩn nhiệt thán, lợn đống dậu, các vi khuẩn yếm khí như uốn ván, ung khí thán, các vi khuẩn sinh độc tố trong bệnh trùng độc huyết, các cầu khuẩn và leptospira.

Liều dùng: - 60.000-120.000 đơn vị/kg/ngày, tiêm bắp hay dưới da, chia làm 2-3 lần. Mũi đầu tiên nên kết hợp với penixilin chậm tiêm vào xoang bụng với liều 5.000-10.000 đơn vị/kg thể trọng.

- 100.000 đơn vị cho mỗi núm vú khi tiêm vào vú chữa bệnh viêm vú.

- Không dùng cho gia cầm và vật hay cắn cầm.

- Cần thận khi dùng cho ngựa, có thể có phản ứng trên da.

Ampixilin: Có hoạt phổ rộng, chữa các bệnh đường hô hấp, sinh dục, tiêu hóa, khớp.

Trâu, bò, dê, lợn, chó: 0,015g/kg/ngày chia làm 2 đến 4 lần.

– Thụt vào tử cung:

Ngựa, bò: 0,4–0,8 g.

Dê, cừu, lợn: 0,2–0,4 g

Da cầm (uống): pha 0,05–0,10 g vào 1 lít nước.

Chú ý: Không dùng cho chó bị suy thận, không dùng cho ngựa.

Xephalosporin: Có hoạt phổ rộng. Điều trị các bệnh nhiễm vi khuẩn Staphylococcus kháng penixilin, các bệnh về phổi, viêm cơ tim, nhiễm khuẩn huyết, các bệnh đường tiết niệu.

Liều: 10–20 mg/kg/ngày. (Tiêm bắp thịt, dưới da, mạch máu hay xoang bụng) có thể dùng cho súc vật mắc cảm với penixilin.

Tetraxilin:

Gia súc lớn 20–30 mg/kg/ngày (uống)

3–5 mg/kg/ngày (tiêm bắp) chia làm 2–3 lần

Gia súc nhỏ 25 mg/kg/ngày (uống)

Có thể tăng liều lên gấp rưỡi.

Ôrêomixin:

10 mg/kg/ngày (tiêm tĩnh mạch) }
20 - 40 mg/kg/ngày (uống) } chia làm 2-3 lần

Teramixin :

2–10 mg/kg/ngày (tiêm) chia làm 2–3 lần.

50–400 phần triệu khi trộn vào thức ăn cho gà.

1 g pha vào 1 lít nước xirô cho 1 bầy ong 1 lần. Thực hiện 3–4 lần.

Cloramphenicol: (tiêm bắp, dưới da, mạch máu).

Ngựa: 20–25 mg/kg/ngày, 4 giờ một lần tiêm hoặc uống.

Trâu, bò, lợn: 30–50 mg/kg/ngày, 6 giờ một lần.

Chó: 40–50 mg/kg/ngày, 12 giờ một lần.

1 g vào 1 lít nước khi pha cho gà con uống.

Chú ý: Mèo rất mẫn cảm, không được tiêm chỉ cho uống và uống bằng 1/2 liều của chó. Chữa dài ngày gây độc cho tủy xương.

Streptomixin:

Gia súc: 10–30 mg/kg/ngày chia làm 4–6 lần

Gia cầm: 50 mg/kg/ngày chia làm 3–6 lần

Có thể kết hợp với penixilin

Cần chú ý: – Có thể gây choáng (nhất là tiêm mạch máu).

– Liều cao có thể gây liệt hô hấp và truy tim mạch

– Không dùng cho lợn dưới 1 tháng, gà con, gà tây và bò câu, không dùng cho chó nhiều ngày.

Gentamixin:

Chữa các bệnh nhiễm khuẩn huyết, bệnh đường tiêu hóa, hô hấp của bê, ngựa, chó, bệnh ngoài da, viêm bọng dái của chó, viêm tử cung của bò, ngựa.

Bò, ngựa: 4 mg/kg/ngày đầu, chia làm 2 lần.

Chó: 8 mg/kg/ngày đầu, chia làm 2 lần

(Từ ngày thứ hai giảm xuống một nửa liều)

Chú ý: Thuốc có thể gây độc cho thận của chó.

Kanamixin: Dùng cho bệnh đường hô hấp, tiết niệu, ngoài da và viêm tủy và các bệnh do staphylococcus kháng penixlin.

Gia súc: 15 mg/kg/ngày chia 2-3 lần

- Không dùng cho gia cầm.

- Cần thận để gây choáng khi tiêm tĩnh mạch.

Ông: Pha 50mg vào 1 lít xirô cho ông ăn (3 tuần mỗi tuần 1 lần).

Spiramixin: 1 mg có từ 2.500-3.500 đơn vị

Chữa các bệnh:

Trâu bò: Viêm vú, viêm phổi, viêm khớp, viêm tử cung và cuống rốn.

Lợn: Suyễn, lợn đóng dấu, viêm khớp, viêm vú, viêm dạ dày và một vài bệnh của lợn sơ sinh.

Gia cầm: Bệnh hô hấp mãn tính, viêm xoang, viêm khớp.

Chó: Bệnh viêm miệng, tai mũi họng, tử cung và bệnh toxoplasma

Thỏ: bệnh xơ mũi

Liều tiêm (không tiêm mạch máu)

- Trâu, bò: 0,010 g/kg thể trọng, bê nghé 0,025 g/kg trong 24 giờ.

- Gia súc khác: 0,025 g/kg

- Gia cầm: 0,025-0,050 g/kg tiêm một lần

Gà tây con: 0,010 g/kg tiêm vào xoang 1 lần

Liều uống:

- Lợn: 0,025 g/kg trong vòng 24 giờ
- Chó, mèo, thỏ: 0,050–0,100 g/kg/ngày chia 2–3 lần
- Gia cầm: 0,200–0,400 g pha vào 1 lít nước cho uống.

Tylosin: 1mg bằng 1.000 đơn vị.

Chữa các bệnh:

Gia cầm: bệnh hô hấp mãn tính gà, viêm xoang gà tây.

Đê, cừu: bệnh cận sữa, viêm phổi–màng phổi.

Lợn: suyễn, hồng lỵ.

Bò: viêm tử cung, viêm vú, bệnh đường hô hấp của bê.

Chó: bệnh đường hô hấp.

Liều tiêm: Bò: 0,005–0,010 g/kg/ngày chia 2 lần

Gia súc khác: 0,010 g/kg/ngày chia 2 lần

Gà: 0,025 g/kg tiêm dưới da không vượt quá 0,625g cho một con.

Liều uống:

Lợn: Trộn vào thức ăn với tỷ lệ 40–100 phần triệu để phòng bệnh.

Gia cầm: (để phòng và chữa)

– Pha 0,5 g vào 1 lít nước cho uống trong 1–5 ngày hoặc trộn vào thức ăn với tỷ lệ bằng 400 phần triệu.

Lincomixin: Chữa các bệnh do cầu khuẩn và trực khuẩn gram dương (+) và các clostridium, các bệnh do mycoplasma, bordetella và haemophilus.

Liều dùng:

– Chó: (cho uống) 0,010–0,020 g/kg/ngày chia 4 lần.

Các loài khác: (tiêm bắp) 0,015–0,030 g/kg/ngày
Cần thận khi dùng cho ngựa.

3- Các thuốc sunfamit kháng khuẩn

Phân loại sunfamit

I- Các sunfamit có tác dụng chung

a- *Sunfamit có điển:*

- Sunfanilamit
- Sunfatiazol

Hai loại này thải ra khỏi cơ thể sau 6–7 giờ

b- *Sunfamit thải trừ hơi chậm* (sau 8–15 giờ):

- Sunfamerazin
- Sunfadimidin (sunfadimetazin)

c- *Sunfamit chậm* (trên 24 giờ)

- Sunfadimetoxin

d- *Sunfamit rất chậm* (trên 60 giờ)

Sunfartodimetoxin

II- Sunfamit đường ruột (không hấp phụ qua đường tiêu hóa)

- Sunfaguanidin

III- Sunfamit dùng cho đường tiết niệu (thải qua thận rất nhanh)

- Sunfametizol

IV- Sunfamit dùng tại chỗ (da, niêm mạc)

- Sunfanilamit

Tác dụng của một số sunfamit thường dùng

Các sunfamit này có hoạt tính rộng đối với các vi khuẩn, nguyên sinh động vật và nấm. Có thể sử dụng kết hợp các loại sunfamit với nhau hoặc kết hợp với kháng sinh (dùng riêng không trộn) Sunfamit có độc tính đối với thận khi dùng cần cho vật uống nhiều nước.

– *Sunfatiazol*: Dùng bôi rắc vết thương và dùng trong các bệnh sản khoa.

– *Sunfanilamid*: Dùng rắc và bôi các vết thương.

– *Sunfaguanidin*: Sunfamit này ít hấp thu qua các niêm mạc ruột, dùng để chữa các bệnh đường ruột; bệnh ỉa chảy của chó mèo, viêm ruột truyền nhiễm của gia súc, bệnh cầu ký trùng gia cầm.

Ngựa và bò: 30–40 g/ngày; ngựa con, bê: 8–10 g/ngày

Lợn 4–10 g/ngày

Chó 1–5 g/ngày

Mèo 0,5–2 g/ngày

Gia cầm 0,25–0,50g /ngày

– *Sunfamerazin và sunfadimerazin*. Hấp thu nhanh qua niêm mạc ruột của gia cầm, chậm hơn ở loài nhai lại. Chỉ dùng để uống.

Trâu bò: 100–135mg/kg/ngày trong 3–4 ngày liền.

Chó: 200–300mg/kg.

Gia cầm: 2g trong 1 lít nước trong 3 ngày liền hoặc trộn vào thức ăn với tỷ lệ 400–800 phần triệu, cho ăn 8–15 ngày.

- *Sunfaquinoxalim*. Hấp thụ nhanh qua đường ruột. thải qua thận, có tác dụng với vi khuẩn đường ruột, và cầu ký trùng ở gà và thỏ.

Bê và cừu, dê non: 50mg/kg/ngày trong 2 ngày.

Gia cầm: Pha vào nước theo tỷ lệ: 250-500 phần triệu.

Cho uống 2-3 đợt, mỗi đợt 2-3 ngày cách nhau 2 ngày.

Thỏ: Pha vào nước theo tỷ lệ: 1000-2000 phần triệu, cho uống 3 ngày liền.

4- Các thuốc chữa bệnh nấm.

Amphotericin B. Là một kháng sinh có tác dụng chữa các bệnh nấm ở đường phổi và ruột, bệnh do trùng roi (*trichomonas*).

Cách dùng: 50mg/kg (uống để chữa nấm đường ruột)
0,1mg/kg (tiêm tĩnh mạch chữa các bệnh nấm nội tạng).

Thuốc này có tính độc, được xếp vào bảng A khi dùng để tiêm và bảng C khi dùng uống hay dùng tại chỗ.

Nystatin. Chữa bệnh nấm đường ruột, nấm vú.

Liều: - Chó, mèo: 45.000 đv/kg=15mg/kg, dùng trong 4-6 ngày.

- Bò: Tiêm 250.000đv vào núm vú khi bị nấm vú.

- Gà và gà tây: Trộn vào thức ăn để có hàm lượng 100-250 phần triệu (ppm), cho ăn trong 10 ngày.

Grisofulvin. Chữa các bệnh nấm da, nấm rụng lông chủ yếu cho chó cảnh.

Uống với liều 35mg/kg thể trọng.

Không dùng cho mèo chữa vì độc cho thai.

Tím gentiane. 1–2% trong cồn dùng để bôi nám da.

Axit salixilic. Có tác dụng sát trùng, chống nấm và làm mất tính sừng hóa, dùng để rửa các tổn thương ngoài da.

Thuốc này được trộn với các hóa chất khác để tăng tác dụng chống bệnh nấm ngoài da trong các dược phẩm có tên là ASA, ASB.

5- Các thuốc chữa bệnh do đơn bào

Furazolidon: Dùng trong các bệnh nhiễm khuẩn và cầu ký trùng của bê và thỏ.

Liều: 10mg/kg/ngày, dùng trong 4–6 ngày.

Nitrofurazol. Cách dùng cũng như furazolidon.

Metronidazol. Có tác dụng trị các đơn bào (*Trichomonas*, *Histomonas* và *Lambliia*, ly) và các vi khuẩn kỵ khí.

Chó mèo: liều 25mg/kg/ngày chia 2 lần, trong 8–10 ngày.

Bò trâu: 80mg/kg/ngày trong 8 ngày.

Các sunfamit: Sunfadimetoxin, sunfadimidin, sunfaguanidin, sunfametoxypyridazin và sunfaquinoxalin ngoài tác dụng kháng khuẩn còn có tác dụng kháng cầu trùng.

Liều dùng: 100–200mg/kg pha vào nước cho uống trong 3–4 ngày liền, nghỉ 2–3 ngày và tiếp tục 3–4 ngày nữa nếu cần.

6- Thuốc chữa các bệnh ký sinh trùng máu

Imidocarb. [3,3'-bis (2-imidazolin 2-yl)] có tác dụng phòng và chữa các bệnh lê dạng trùng (*piroplasma*) *theileria* và *anaplasma*.

Bò: Tiêm bắp: 0,21mg/kg, tiêm 1 lần để chữa.

0,85mg/kg. (để phòng)

Ngựa: 1,7mg/kg (để chữa)

Nếu cần thiết tiêm thêm lần thứ hai cách 24–48 giờ.

1,7mg/kg (để phòng).

Quinuronium. Trị các bệnh lê dạng trùng. Nên dùng độ pha rất loãng (0,5% cho gia súc lớn và 0,125% cho chó) với nước muối sinh lý (0,9%). Liều dùng như sau:

Lợn: 2mg/kg thể trọng

Bò, dê, cừu: 0,8mg/kg thể trọng

Ngựa: 0,6mg/kg thể trọng

Chó : 0,25 mg/kg thể trọng

Tiêm 1 lần cũng đủ. Nếu cần phải tiêm thêm thì tiêm trong vòng 10 ngày trở lại, nếu quá 10 ngày thuốc có thể gây phản ứng quá mẫn.

Chú ý: – Tránh dùng cho súc vật ó chữa.

– Có thể có sốc sau khi tiêm 15 phút: con vật run, chảy rãi, đi la, phản ứng này hết sau khi tiêm 1–4 giờ. Nếu cần thì tiêm noradrenalin để giải sốc.

Suramin.

Trị và phòng bệnh tiêm mao trùng ở trâu bò và ngựa. Pha với nước cất hay nước muối sinh lý, tỷ lệ 10%. *Chú ý:* Khi pha phải khuấy cho bột ngấm nước và tan dần. Pha xong thuốc có màu hơi vàng và trong. Tiêm bắp hay dưới da, tốt hơn tiêm mạch máu vì ít gây phản ứng.

Chữa bệnh:

– Ngựa: 5mg/kg tiêm 1 lần khi mới mắc bệnh, tiêm tiếp

3-4 lần nữa cách nhau mỗi tuần một lần nếu bệnh đã lâu ngày.

- Trâu bò: 10-20mg/kg thể trọng chia làm nhiều lần.

Phòng bệnh:

- Ngựa: 10mg/kg thể trọng.
- Trâu bò: như liều chữa bệnh.

7- Thuốc trị ve, bét

HCH. (666) còn có tên là lindane (không tan trong nước, tan trong axeton) dùng để trị ve, bét ở dạng bột: 0,5%.

Dạng dung dịch: Có nồng độ cuối cùng là 0,2-1 phần nghìn, dùng phun hay bôi.

Chú ý tránh dùng cho chó và mèo.

Ivermectine. Trị ghẻ, rận.

Trâu bò và ngựa: 0,2mg/kg thể trọng

Lợn 0,3mg/kg thể trọng.

Trên thị trường thường có các dạng:

- Dung dịch tiêm pha sẵn dùng cho bò, cừu, lợn.
- Dung dịch uống dùng cho cừu, dê.
- Bột nhào dùng cho ngựa ăn.

8- Thuốc trị giun sán

Mebendazol. Thuốc có tác dụng đối với cả giun và sán.

Dê, cừu: 15-20mg/kg thể trọng, dùng 1 lần.

Bò: 10mg/kg.

Ngựa: 5-10mg/kg

Chó mèo: 100–400mg/1 con 1 ngày chia 2 lần trong 2 ngày (tẩy giun đũa) hoặc trong 5 ngày (giun móc và sán).

Gà, vịt: 3–6mg/kg/ngày trong 7–14 ngày.

Không dùng cho bò cẩu và vẹt, tránh dùng cho ngựa chữa 3 tháng đầu và không dùng cho gà đang đẻ.

Tetramisol. Chỉ có tác dụng với giun.

Dê, cừu: 15mg/kg. (uống), 7,5mg/kg (tiêm dưới da)

Bò: 10–15 mg/kg (uống), 5–7,5mg/kg (tiêm)

Lợn: 7,5–15mg/kg (uống), 7,5mg/kg (tiêm)

Chó, mèo: 10mg/kg (uống)

Gia cầm: 40mg/kg (uống)

Không dùng cho ngựa và các gia súc có chữa. Thuốc có thể gây phản ứng ở trâu, bò, dê như chảy nước mắt, đái, đứng không yên và co giật.

Levamisol. Dùng tẩy giun.

Dê, cừu: 7,5mg/kg (uống), 5mg/kg (tiêm dưới da).

Bò: 5–7,5mg/kg (tiêm và uống).

Lợn: 7,5mg/kg (uống), 5mg/kg (tiêm).

Gia cầm: 20–30mg/kg.

Không dùng cho ngựa.

Hạt cau: Trị sán cho chó và gia cầm. (Hiện nay ít dùng vì có thể gây nôn mửa). Lấy hạt cau giã nhỏ cho uống với liều 100mg cho 1 kg thể trọng.

Albendazol.

Có tác dụng rộng đối với các ký sinh trùng của loài nhai lại: các loại giun xoắn dạ dày ruột và phổi, sán dây và cá

sản lá gan. Uống lúc đói.

Trâu, bò: 7,5mg/kg. Trị giun xoắn đường ruột và phổi.

10mg/kg. Trị sản lá gan trưởng thành.

Chú ý: Đối với cừu chữa tháng đầu, không nên vượt quá liều 5mg vì thuốc độc đối với thai và có tính chất gây quái thai.

Phenotiazin.

Có tác dụng với giun tròn ở dạ dày và ruột của loài nhai lại và giun đũa bê, nhất là đối với giun Hemonchus ở dạ múi khế. Thuốc còn có tác dụng kháng cầu ký trùng và kháng khuẩn nên được dùng để chữa hội chứng ỉa chảy do các nguyên nhân khác nhau.

Liều: Cừu: 200mg/kg, uống 2 ngày liên tiếp.

Bò, lợn: 100mg/kg, uống 2 ngày liên tiếp.

Diclovos. Có tác dụng diệt côn trùng và ghẻ, tẩy giun cho lợn, ngựa và chó.

Liều cho uống 30mg/kg thể trọng.

Chú ý: Không dùng cho vật gầy yếu, ỉa chảy hoặc táo bón.

Piperazin. Tác dụng chủ yếu với giun.

	Xitrat piperazin	Adipat piperazin
Trâu, bò	150mg/kg	200-250mg/kg
Ngựa	100mg/kg	200mg/kg
Lợn	150mg/kg	(không quá 80g)
Chó, mèo	150mg/kg	100mg/kg
Già cầm	100-250mg/kg	

Cho uống 2-3 ngày liên vào lúc đói. Cần thận, nếu dùng liều quá cao gây nôn và đi ỉa.

Niclosamid. Có tác dụng với sán (sán dây, sán tai hồng, sán lá gan v.v..)

Trâu, bò: 60mg/kg.

Ngựa: 40-80mg/kg.

Đê, cừu: 80mg/kg.

Chó, mèo: 125-250mg/kg.

Gia cầm: 200mg/kg.

Nên pha thành huyền dịch để cho uống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- M. Fontaine* Vade-Mecum du Veterinaire
XV-edition. Editions Vigot 1987.
- E.Garcin* Gride veterinaire editions de
Montsouris
- F.A.O* Manual for animal health auxiliary
personnel. Rome 1987
- W.A.Geering* Emergency disease of livestock.
Rome 1984
- Bela Toth* Some important duck diseases
edited by F.Kulasegaram V.R.I
Srilanka 1981
- Janos Mácsy* Bệnh lý nội khoa gia súc (Trịnh
Văn Thịnh dịch, Nhà xuất bản
Nông thôn 1962)
- Viện thú y* Kết quả nghiên cứu khoa học và kỹ
thuật thú y (1979-1984) (1985-
1989) (1968-1978)
- Phan Đình Đỗ và
Trịnh Văn Thịnh* Bệnh truyền nhiễm gia súc. Nhà
xuất bản Nông thôn 1958

- Phạm Sỹ Lăng* - Bệnh trâu bò và biện pháp phòng
Phạm Đình Lân trị. Nhà xuất bản nông nghiệp 1993
- Bệnh lợn và cách phòng trị. Nhà
xuất bản nông nghiệp 1993
- Nguyễn Thiên -* Nuôi dê sữa và dê thịt. Nhà xuất
Đình Văn Hiến bản nông nghiệp 1993
- Bùi Đức Long -* Nuôi vịt ngỗng chăn thả. Nhà xuất
Nguyễn Chí Bảo bản nông nghiệp 1993
- Trần Minh Châu* Bệnh ở động vật nuôi tập III
Hà Đình Trúc Nhà xuất bản KH và KT 1988
- Trần Đức Hà và* Sổ tay phòng trị sâu bệnh hại ong
Phùng Hữu Chính mật. Nhà Xuất bản nông nghiệp
1993
- Viện Thú y* Bệnh thường thấy ở chó và biện
pháp phòng trị. Nhà xuất bản nông
nghiệp 1988

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN CAO DOANH

Biên tập và sửa bản in

BÍCH HOA - HOÀI ANH

Trình bày, bìa

ĐỖ THỊNH

Nhà xuất bản Nông nghiệp

167/6 Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

ĐT: (04) 8 521940 - 8 523887 Fax: (04) 5 762767

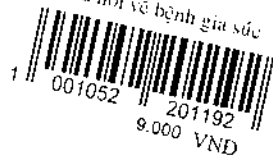
Chi nhánh Nhà xuất bản nông nghiệp

58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận I, TP Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 8 297157 - 8 294521 Fax: (08) 9 101036

In 1000 bản, khổ 13 x 19 cm, tại Xưởng in NXB Nông nghiệp.
Giấy phép số 431/145 XB-QLXB do Cục Xuất bản cấp ngày 3/2/2005.
In xong và nộp lưu chiểu Quý I/2006.

100 câu hỏi về bệnh gia súc



63 - 630

- 431/145 - 05

NN - 2005

Giá: 9.000đ